

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

DỰ THẢO



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Cần Thơ, tháng 04-2020

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Chủ tịch	
02	PGS.TS. Lê Việt Dũng	Phó Chủ tịch thường trực	
03	PGS.TS. Nguyễn Văn Nở	Phó Chủ tịch	
04	PGS.TS. Nguyễn Chí Ngôn	Thành viên	
05	PGS.TS. Bùi Thị Bửu Huê	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 2	
06	GVC.ThS. Nguyễn Minh Trí	Thành viên	
07	CVC.CN. Lê Phi Hùng	Thành viên	
08	GVC.TS. Phan Huy Hùng	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1	
09	CV.ThS. Đặng Bích Tuyền	Thành viên	
10	PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi	Thành viên	
11	GV.TS. Nguyễn Phúc Đám	Thành viên; phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3	
12	GV.ThS. Thái Thị Tuyết Nhung	Thành viên; phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 4	
13	SV. Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	

MỤC LỤC

	Trang
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ.....	i
MỤC LỤC.....	ii
BẢNG DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	vi
PHẦN 1: KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan về Trường ĐHCT, Khoa SP, BM SPHH.....	5
PHẦN 2: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ.....	11
TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	23
TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC...	30
TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC	40
TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN	47
TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	58
TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	73
TIÊU CHUẨN 8. SINH VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN	82
TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	91
TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	99
TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA	110
PHẦN 3: KẾT LUẬN	125

BẢNG DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ đầy đủ	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
BCN	Ban chủ nhiệm	ĐH	Đại học
BGDĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo	ĐHCT	Đại học Cần Thơ
BGH	Ban giám hiệu	GDDH	Giáo dục đại học
BLQ	Bên liên quan	GS	Giáo sư
BM	Bộ môn	GV	Giảng viên
CĐR	Chuẩn đầu ra	HP	Học phần
CNTT	Công nghệ thông tin	HSSV	Học sinh sinh viên
CSVC	Cơ sở vật chất	HTSV	Hỗ trợ sinh viên
CTCT	Công tác chính trị	HV	Học viên
CTDH	Chương trình dạy học	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
CTĐT	Chương trình đào tạo	HTQT	Hợp tác quốc tế
CTGD	Chương trình giáo dục	KHCN	Khoa học và công nghệ
CVHT	Cổ vấn học tập	KSP	Khoa Sư phạm
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng	KTSP	Kiến tập sư phạm
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học	MT	Mục tiêu
NCS	Nghiên cứu sinh	SV	Sinh viên
OECD	Organization for Economic Cooperation and Development (Tổ	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp

	chức hợp tác kinh tế và phát triển)		
PCCC	Phòng cháy chữa cháy	QLCL	Quản lý chất lượng
PGS	Phó giáo sư	TDTT	Thể dục thể thao
PPDH	Phương pháp dạy học	TĐG	Tự đánh giá
PPGD	Phương pháp giảng dạy	THPT	Trung học phổ thông
PTN	Phòng thí nghiệm	ThS	Thạc sĩ
SPHH	Sư phạm Hóa học	THTN	Thực hành thí nghiệm
CDIO	Conceive – Design – Implement – Operate	TS	Tiến sĩ
SP	Sư phạm	TTHL	Trung tâm học liệu
SVTN	Sinh viên tốt nghiệp	TTSP	Thực tập sư phạm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1 Tóm tắt lấy ý kiến SVTN năm học 2018-2019 thể hiện sự hài lòng của người học với CTĐT.....	36
Bảng 5.1 So sánh cách đánh giá KQHT giữa HP Hóa cơ sở 1 và HP Thực tập hóa đại cương	52
Bảng 5.2 Tổng hợp KQ khảo sát ý kiến SV về việc ĐG KQHT trong CTĐT SPHH ..	53
Bảng 5.3 Tổng hợp KQ khảo sát ý kiến GV về việc ĐG KQHT trong CTĐT SPHH ..	53
Bảng 6.1 Số lượng giảng viên.....	59
Bảng 6.2 Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà Trường và kết quả thực hiện ở BM SPHH	60
Bảng 6.3 Tỷ lệ giảng viên/người học trong 5 năm 2014-2019	62
Bảng 6.4 Bảng quy đổi giờ chuẩn của GV SPHH từ năm 2014-2019 [H6.06.02.05] ..	62
Bảng 6.5 Thống kê số lượng viên chức được cử đi học và đang theo học các CTĐT sau đại học.....	67
Bảng 6.6 Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu từ năm 2014-2019.....	71
Bảng 7.1 Số lượng NV cấp trường tính đến năm 2019	74
Bảng 7.2 Số lượng nhân viên của Khoa Sư phạm tính đến năm 2019	75
Bảng 7.3 Bảng tổng hợp KQ đánh giá của NV hỗ trợ Khoa SP	77
Bảng 7.4 Bảng thống kê số lượt NV hỗ trợ của KSP được học tập nâng cao trình độ. 79	
Bảng 7.5 Tổng hợp thành tích của nhân viên hỗ trợ của Khoa Sư phạm.....	80
Bảng 10.1 So sánh CTDH năm 2014 và CTDH năm 2019	101
Bảng 10.2 Các công trình khoa học GV BM SPHH từ năm 2015 - 2019.....	104
Bảng 10.3 Thông tin đề tài NCKH của SV từ năm 2015-2019	104
Bảng 10.4 Kết quả khảo sát SV về các hoạt động hỗ trợ học tập năm 2018 (%).....	106
Bảng 11.1 Tỷ lệ SVTN 5 khoá gần nhất.....	111
Bảng 11.2 Tỷ lệ SV thôi học (trong 5 khoá gần nhất).....	112
Bảng 11.3 Thời gian tốt nghiệp trung bình 5 khoá gần nhất ngành SPHH.....	114
Bảng 11.4 Môi trường làm việc của SVTN ngành SPHH.....	116
Bảng 11.5 Tổng kết hoạt động NCKH trong SV	118
Bảng 11.6 Một số chỉ tiêu khảo sát giảng viên về CTĐT	120
Bảng 11.7 Kết quả khảo sát SV về CTĐT (Đơn vị: %)	121

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1 Sơ đồ tổ chức của trường ĐHCT	7
Hình 1.2 Sơ đồ tổ chức Khoa Sư phạm và BM SPHH	8
Hình 3.1 Sơ đồ mô tả CTĐT	32
Hình 3.2 Sơ đồ tỷ lệ phân bổ các khối kiến thức	38
Hình 11.1 Kết quả khảo sát về mức độ đạt được về kỹ năng khi ra trường	121
Hình 11.2 Kết quả khảo sát về mức độ đạt được về thái độ/phẩm chất	122
Hình 11.3 Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về MT và CĐR của CTĐT ngành SPHH rõ ràng và phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mệnh của Trường ĐHCT	122
Hình 11.4 Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về CĐR đã phản ánh được MT của CTĐT ngành SPHH	122
Hình 11.5 Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về CĐR phù hợp với thị trường lao động	123

PHẦN 1: KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1 Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trong xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, GDĐH nói riêng thì việc nâng cao chất lượng CTĐT ngành SP càng trở nên cấp thiết. Do đó, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài CTĐT các ngành thuộc KSP: SP Toán học, SP Vật Lý, SPHH, SP Sinh học và SP Ngữ Văn theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDDĐT, theo các công văn hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH và ngày 28/06/2016, công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục QLCL, BGDDĐT.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành SPHH đã giúp ĐHCT, KSP rà soát, đánh giá thực trạng làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và MT đã được xác định.

Để triển khai kế hoạch tự đánh giá CTĐT, ngành SPHH, KSP đã căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của BGDDĐT), các tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH số 769/QLCL-BGDĐT ngày 20/04/2018, để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại. Để làm tốt công tác tự đánh giá CTĐT ngành SPHH đòi hỏi có sự tham gia tích cực của các BLQ trong trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPHH được thành lập theo văn bản số 2194/BB-ĐHCT ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 2222/KH-ĐHCT ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT gồm BGH, chủ tịch Hội đồng trường, cán bộ GV BM SPHH, KSP, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Thông tin phản hồi

của các BLQ (SV, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng...) cũng là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. BGH chỉ đạo chung, Trung tâm QLCL của trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPHH bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng cần mô tả sự tham gia của các BLQ, cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: *(1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá.*

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn của BGDĐT, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPHH dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGDĐT ban hành 1 phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành SPHH được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào MT, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của SV; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ GV, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến SV và hoạt động hỗ trợ SV; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về CSVC và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành SPHH.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái,

ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 7 viết 07)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.2 Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH*** của BGDĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của BGDĐT.

Đây là quá trình nhằm giúp cho lãnh đạo ngành SPHH tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGDĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và thực hành SPHH đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của BM SPHH trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

Ngoài ra, phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành SPHH theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo với

cơ quan KĐCLGD.

Quy trình tự đánh giá: quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPHH
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPHH
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: *1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá.*

Sau khi có quyết định thành lập *Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPHH*, Nhà trường đã ban hành *Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành SPHH*; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

- Nhóm 1 gồm các thành viên: TS. Ngô Quốc Luân, ThS. Võ Thị Bích Huyền, TS. Nguyễn Thị Thu Thủy phụ trách tiêu chuẩn 1, 2 và 3.
- Nhóm 2 gồm các thành viên: TS. Bùi Phương Thanh Huân, TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung, ThS. Hoàng Hải Yến phụ trách tiêu chuẩn 4, 5 và 6.
- Nhóm 3 gồm các thành viên: TS. Nguyễn Phúc Đảm ; ThS. Nguyễn Mộng Hoàng, ThS. Nguyễn Điền Trung phụ trách tiêu chuẩn 7, 8 và 9.
- Nhóm 4 gồm các thành viên: ThS. Thái Thị Tuyết Nhung, ThS. Hồ Hoàng Việt phụ trách tiêu chuẩn 10 và 11.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của BGDDT do Nhà trường tổ chức, ngành SPHH đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành SPHH, tiến hành họp cán bộ toàn ngành để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu*

chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong ngành SPHH. Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: Thực hiện đánh giá CTĐT ngành SPHH được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu...Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

Công cụ ĐG được sử dụng chủ yếu là các quy định mang tính pháp lý gồm: Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường ĐH, cao đẳng và TCCN theo Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của BGDĐT; Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH (GDĐH) theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của BGDĐT; Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn ĐG chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH tại CV 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục khảo thí và KĐCLGD; Hướng dẫn TĐG CTĐT tại CV 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục khảo thí và KĐCLGD; Hướng dẫn ĐG ngoài CTĐT tại CV 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH 28/06/2016 của Cục khảo thí và KĐCLGD; Sử dụng tài liệu hướng dẫn ĐG theo tiêu chuẩn ĐG chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH tại CV 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/04/2018 của Cục QLCL và CV 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục QLCL. Ngoài ra, công cụ PDCA (Plan, Do, Check, Action) cũng được sử dụng hợp lý trong TĐG.

2. Tổng quan về Trường ĐHCT, Khoa SP, BM SPHH

Tiền thân của **Trường Đại học Cần Thơ** là Viện Đại học Cần Thơ được thành lập ngày 31 tháng 03 năm 1966, có bốn khoa: Khoa học, Luật khoa và Khoa học Xã hội, Văn khoa, SP (có Trường Trung học Kiểu mẫu) đào tạo hệ Cử nhân, Trường Cao đẳng Nông nghiệp đào tạo hệ kỹ sư và Trung tâm Sinh ngữ giảng dạy chương trình ngoại ngữ cho SV. Năm 1975, Viện ĐHCT được đổi thành Trường ĐHCT. Hiện nay, Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo ĐH và sau ĐH trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển,

từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay Trường đào tạo 98 chuyên ngành ĐH (trong đó có 2 CTĐT tiên tiến, 3 CTĐT chất lượng cao), 45 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh) và 16 chuyên ngành NCS.

Trường ĐHCT luôn duy trì và cải tiến chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn mực chất lượng quốc gia và quốc tế. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia KĐCLGD thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỉ lệ 92,86%. Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường trong nhóm 251-300 trường ĐH hàng đầu Châu Á.

2.1. Chức năng và nhiệm vụ

Chức năng và nhiệm vụ của Trường ĐHCT được xác định theo Công văn số 12/TCCB ngày 02/01/1996 của BGDĐT, được thực hiện theo quy định pháp luật và điều chỉnh, bổ sung theo qui hoạch phát triển tổng thể của Trường. Chức năng và nhiệm vụ của Trường là “*đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.*”

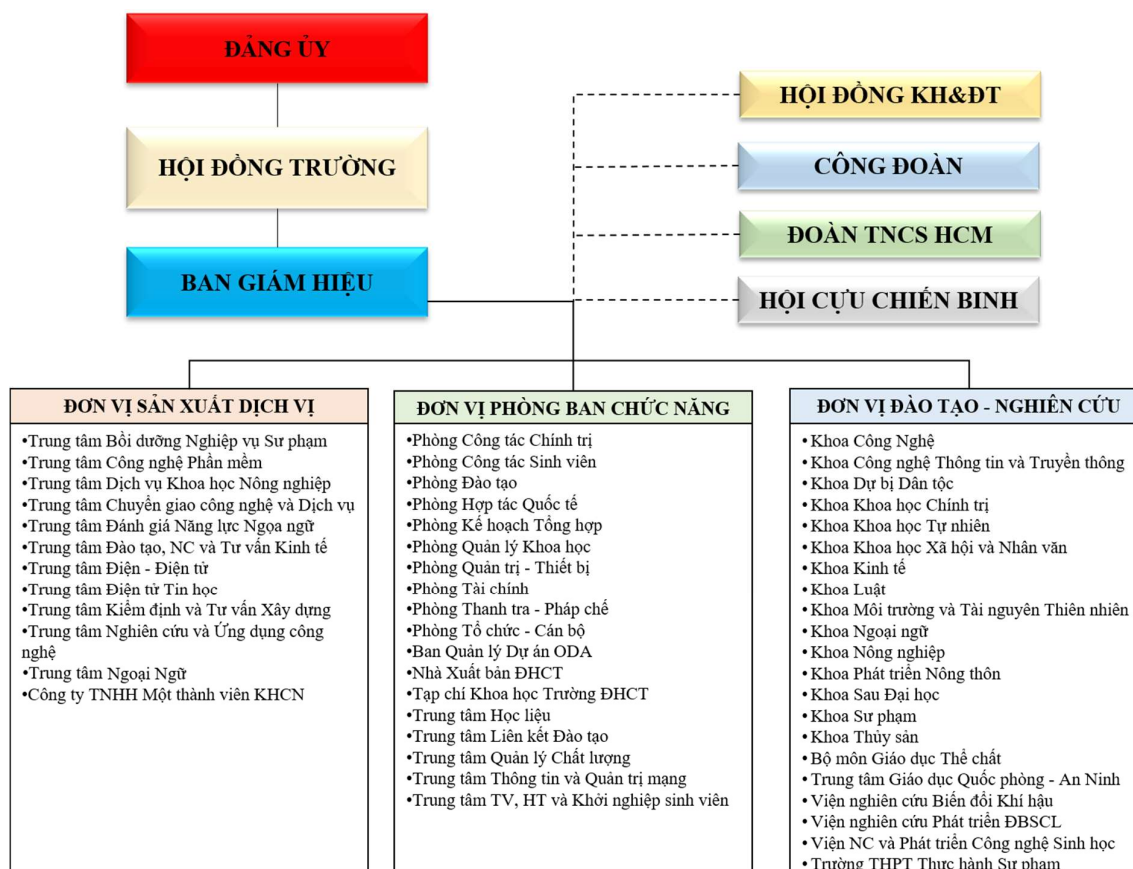
2.2. Mục tiêu

Trường ĐHCT xác định MT chung là “*trung tâm đào tạo – nghiên cứu – chuyển giao KHCN mạnh của vùng ĐBSCL, phấn đấu để năng lực, trình độ đào tạo và nghiên cứu – chuyển giao đạt trình độ chung của các trường ĐH trong khu vực và thế giới đối với một số ngành mũi nhọn vào năm 2022.*”; và MT cụ thể là “*đạt được yêu cầu phát triển cho từng nhiệm vụ về mô hình tổ chức, đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao KHCN, HTQT, nhân lực, CSVC và tài chính.*”

2.3. Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi

Trường ĐHCT tuyên bố về Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi tại Quyết định số 1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/04/2014, trong đó, **Sứ mệnh** là “*trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia có đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL*”.

Tầm nhìn là “*trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, NCKH trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương vào năm 2022.*”



Hình 1.1 Sơ đồ tổ chức của trường ĐHCT

Giá trị cốt lõi là “*Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo*”.

Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi được xây dựng trên cơ sở có sự tham gia ý kiến của các đơn vị trong trường, được Hội đồng ĐBCL Trường thông qua; gắn kết với MT phát triển của Trường và chiến lược phát triển Kinh tế - Xã Hội của vùng ĐBSCL và quốc gia; được công bố rộng rãi.

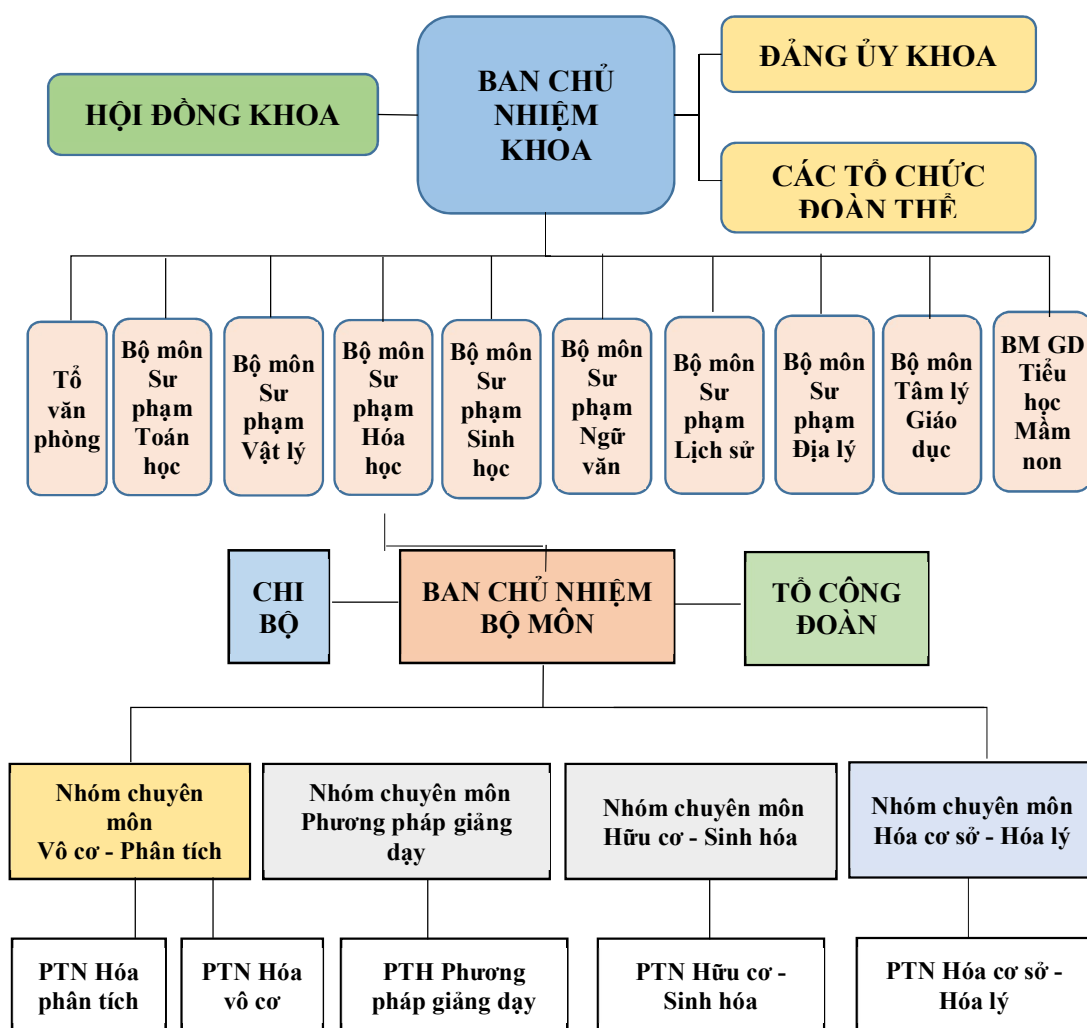
KSP là một trong 4 đơn vị đầu tiên của Viện ĐHCT (nay là Trường ĐHCT), được thành lập vào ngày 31 tháng 3 năm 1966. Trong thời gian từ năm 2000 đến nay, KSP đã nhận được bằng khen của Bộ Trưởng BGDĐT các năm: 2002, 2006, 2012, 2015, 2017; Bằng khen BGDĐT năm 2013 vì đã đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Dự án Phát triển giáo viên THPT và TCCN giai đoạn 2007-2013; Bằng khen của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức Hội thi Olympic Hóa học SV toàn quốc lần thứ VIII năm 2014.

KSP là đơn vị đào tạo giáo viên có uy tín đạt chất lượng cao góp phần vào sự phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội cho ĐBSCL. Trong thời gian sắp KSP sẽ phấn đấu không ngừng để có thể trở thành Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng Đại học, Sau Đại học có chất

lượng cao; Trung tâm NCKH Giáo dục gắn liền giảng dạy và học tập với thực tiễn cuộc sống hàng đầu trong khu vực và cả nước.

Nhiệm vụ của KSP là đào tạo GV chuẩn mực chất lượng cao ở các ngành học cung cấp nguồn nhân lực cho trường THPT, Tiểu học ở khu vực ĐBSCL. Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ GV Tiểu học, THPT thực hiện tốt chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Tổng số cán bộ viên chức của KSP hiện nay là 122, trong đó có 08 PGS, 36 TS, 63 thạc sĩ trên tổng số 107 GV. Hiện có 22 GV đang học bậc TS và 01 GV đang học sau TS. Khoa có 09 BM: SP. Toán học, SP. Vật lý, SP. Hoá học, SP. Sinh học, SP. Ngữ văn, SP. Lịch sử, SP. Địa lý, Giáo dục Tiểu học – Mầm non, Tâm lý - Giáo dục và 01 Tổ Văn phòng. Ngoài ra, KSP còn có 02 đơn vị vừa có mối quan hệ trực tiếp về mặt tổ chức nhân sự vừa có mối quan hệ chặt chẽ về chuyên môn nghiệp vụ là Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ SP và Trường THPT Thực hành SP.



Hình 1.2 Sơ đồ tổ chức Khoa Sư phạm và BM SPHH

BM SPHH thuộc KSP, thành lập vào năm 1996 (cùng với năm thành lập KSP). Khối tuyển sinh gồm: Khối A (Toán, Lý, Hóa) và khối B (Toán, Hóa, Sinh), Thời gian đào tạo: 04 năm; Hiện nay BM có 12 GV (6 TS, 1 NCS và 5 Thạc sĩ). BM SPHH đào tạo giáo viên Hóa học có kiến thức và kỹ năng SP tốt, đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam; người công dân tốt, người giáo viên trung thực và sáng tạo, nhân ái và khoan dung, tận tụy vì sự nghiệp giáo dục thế hệ tương lai; sống gương mẫu, có ý thức trách nhiệm cao với bản thân, gia đình, Tổ quốc và cộng đồng quốc tế; có bản lĩnh vững vàng trong một thế giới thay đổi từng ngày. Sau khi tốt nghiệp SV có thể tham gia giảng dạy tại các trường trung học, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường cao đẳng và ĐH, làm công tác nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu, chuyên viên quản lý ở các trường học, sở/phòng giáo dục. SV có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ ngành lý luận và PPDH, ngành giáo dục trong hoặc ngoài nước và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo, có thể thực hiện được các đề tài NCKH các cấp khác nhau trong lĩnh vực giảng dạy và giáo dục.

Cùng với trường ĐHCT, trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa SP đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và MT cho các ngành đào tạo trong đó có ngành SPHH. MT của CTĐT ngành SPHH được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của Nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có MT phù hợp với MT của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được MT của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các BLQ, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

BM SPHH có đội ngũ cán bộ, viên chức ĐBCL, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành SPHH có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong công tác.

GV BM SPHH đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết GV tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH

các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, GV được nâng cao.

“Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPHH” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, BGH, Hội đồng trường, KSP, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường. “Báo cáo tự đánh giá” đã được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường, đồng thời gửi đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo đến BGDDT và Trung tâm KĐCLGD năm 2020.

PHẦN 2: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

GDDH theo tiếp cận CĐR giúp cho SV hiểu rõ và định hướng được kế hoạch học tập và phát triển nghề nghiệp của bản thân. Thông qua CĐR, các nhà tuyển dụng/ sử dụng lao động có thể kiểm soát và tuyển dụng người lao động phù hợp theo yêu cầu.

CTĐT được xây dựng dựa trên MT và CĐR, là cách tiếp cận hướng đến SV, nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐH, vừa đảm bảo cho SV có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các BLQ. Quy trình xây dựng và công bố CĐR được BGDDĐT ban hành theo công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010.

CTĐT ngành SPHH hiện nay được xây dựng theo phương pháp sơ đồ ngược, khởi đầu từ việc xây dựng MT và CĐR với sự tham gia của các BLQ thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến. MT và CĐR được thường xuyên rà soát bổ sung, cập nhật những yêu cầu mới của xã hội cũng như những định hướng phát triển của nghề nghiệp SP trong nước và trên thế giới.

CĐR của ngành SPHH được xây dựng dựa trên cơ sở của MT đào tạo ngành. MT đào tạo và CĐR trong CTĐT của ngành SPHH được xây dựng mới năm 2019 theo quy định của BGDDĐT, được Nhà trường ban hành và công bố công khai. MT và CĐR của ngành SPHH được rà soát và điều chỉnh định kỳ nhằm đảm bảo sự cam kết đào tạo với SV và xã hội.

Tiêu chí 1.1 Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở GDDH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

MT của CTĐT ngành SPHH được ban hành theo Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31/07/2019 trên cơ sở điều chỉnh so với MT ban hành theo các Quyết định trước đây: 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28/8/2014 và 5002/QĐ-ĐHCT ngày 31/12/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT [H1.01.01.01]. Các văn bản này được công bố rộng rãi cho cán

bộ trong toàn trường và các BLQ khác được biết đồng thời cũng công khai trên website của Nhà trường [H1.01.01.02]. Ngoài ra, tân SV trúng tuyển ngành SPHH đã được BCN BM giới thiệu và giải thích cụ thể MT đào tạo của ngành trong buổi chào đón tân SV. MT của CTĐT được xác định rõ ràng và chỉnh lý qua các phiên bản mô tả CTĐT 2014, 2015, 2019 [H1.01.01.03] cũng như trong đề cương chi tiết các HP [H1.01.01.04]. MT của các HP góp phần làm đạt các MT của CTĐT, mối quan hệ này thể hiện trong bảng ma trận kỹ năng [H1.01.01.05].

MT chung của ngành SPHH là: *“Ngành SPHH đào tạo SV trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng khung trình độ quốc gia và chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn hóa học trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các CTĐT sau ĐH trong và ngoài nước.”* MT tổng quát này được cụ thể hóa và **xác định rõ ràng** như sau:

“a. Trang bị cho SV trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ, CNTT cơ bản theo quy định hiện hành;

b. Hình thành và phát triển các năng lực: giao tiếp, học tập suốt đời, NCKH, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác; có sức khỏe; tác phong SP; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa;

c. Trang bị cho SV kiến thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp và năng lực chuyên môn theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.”

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến của các BLQ, trong đó có khảo sát nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.06], Ban soạn thảo CTĐT cùng các cán bộ, GV tham gia giảng dạy chương trình đã xây dựng MT và CDR của CTĐT dựa trên ma trận kỹ năng [H1.01.01.05], đồng thời xác định rõ các vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Khi xây dựng MT của CTĐT, các thành viên ban soạn thảo đã lồng ghép tinh thần của Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.07] vào MT của CTĐT.

Trường ĐHCT đã nêu Sứ mạng của mình *“là trung tâm đào tạo, NCKH chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào **sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao**, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định*

*cho sự phát triển của vùng DBSCL” và Tầm nhìn cho tương lai gần là “sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường **mạnh về đào tạo**, NCKH trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022” [H1.01.01.07].*

MT tổng quát và MT cụ thể của ngành SPHH chú trọng đến việc đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn trình độ ĐH theo khung trình độ quốc gia; có phẩm chất đạo đức, có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục ở Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế, đề cao năng lực tự chủ trong chuyên môn của giáo viên và nhà trường. Do đó MT đào tạo của ngành hoàn toàn phù hợp với Sứ mạng của Nhà trường là góp phần vào **“sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao”**, đồng thời cũng phù hợp với Tầm nhìn của Nhà trường ở chỗ nếu CTĐT SPHH được công nhận đạt chuẩn chất lượng quốc gia sẽ góp phần để Nhà trường được đánh giá là **“một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam”**.

Bên cạnh đó, MT của GDĐH quy định trong Luật GDĐH năm 2012: **“Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”**. Như vậy rõ ràng là MT cụ thể của CTĐT SPHH (điểm b) cũng phù hợp với MT của GDĐH được luật định là **“có kiến thức chuyên môn”**, có khả năng **“giải quyết những vấn đề”** thuộc ngành được đào tạo.

Sau khi xây dựng MT của CTĐT, CDR và đề cương chi tiết HP, Khoa và BM đã khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của các BLQ như nhà tuyển dụng, GV, SVTN. Năm 2018, kết quả khảo sát cho thấy 100% GV, trên 85% nhà tuyển dụng và trên 80% SV cho rằng MT của CTĐT SPHH đã đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với MT của GDĐH quy định tại Luật GDĐH [H1.01.01.06].

Định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần, trên cơ sở khảo sát ý kiến SV, cựu SV, Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung MT đào tạo, CDR, đề cương chi tiết HP. Tuy nhiên, việc khảo sát về MT của CTĐT áp dụng cho những khóa trước đây khoảng 5 năm chưa được tiến hành đầy đủ đồng bộ với các BLQ.

2. Điểm mạnh

MT của CTĐT ngành SPHH được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với MT giáo dục được quy định tại luật giáo

dục hiện hành, được mô tả rõ ràng trong bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; có định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

MT của CTĐT chưa thể hiện rõ nét sự phù hợp với Tầm nhìn của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay. Việc khảo sát các BLQ về MT của CTĐT còn hạn chế về thành phần và số lượng, thiếu ý kiến chuyên gia.

4. Kế hoạch hành động

+ Khắc phục tồn tại: Chủ nhiệm BM phải điều chỉnh câu từ trong MT của CTĐT sao cho thể hiện rõ sự phù hợp với Tầm nhìn của Nhà trường trong giai đoạn tới. Chủ nhiệm BM, tổ PPGD Hóa học phải tiến hành khảo sát các BLQ về MT của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn; nghiên cứu bảng tổng hợp kết quả khảo sát, rút ra các điểm tồn tại, hoàn thành trước hạn kỳ điều chỉnh CTĐT lần tới vào năm 2021.

+ Phát huy điểm mạnh: Chủ nhiệm BM, tổ PPGD Hóa học phải chú ý rà soát, chỉnh sửa và bổ sung MT và CDR của CTĐT ngành SPHH trên cơ sở nhận xét ưu điểm của các lần rà soát, chỉnh sửa và bổ sung MT và CDR của CTĐT trước đây; hoàn thành trước hạn kỳ điều chỉnh CTĐT lần tới vào năm 2021.

5. Tự đánh giá: mức 4/7.

Tiêu chí 1.2 CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả

CDR của CTĐT ngành SPHH học xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV ngành SPHH đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với MT của CTĐT và được công bố rộng rãi cho SV, GV và các BLQ. CDR cũng chính là cam kết của Nhà trường với SV và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo.

MT và CDR của CTĐT ngành SPHH được nêu trong bản mô tả CTĐT hiện hành công bố năm 2019 [H1.01.01.03]. Để có được CDR như hiện nay thì CDR đã trải qua một quá trình xây dựng và điều chỉnh.

CDR của CTĐT ngành SPHH được xây dựng và mô tả lần đầu tiên năm 2014 theo tinh thần Thông tư 49/2012/TT-BGDĐT. Sau đó 1 năm, CDR của ngành được điều chỉnh, thẩm định của Hội đồng khoa học và đào tạo, được ban hành lại theo Quyết định số 5002/QĐ-ĐHCT ngày 31/12/2015 của Hiệu trưởng trường ĐHCT. Năm 2017, KSP

cũng có chỉ đạo rà soát CTĐT, tuy nhiên, lần này cả MT và CĐR của CTĐT SPHH chưa có thay đổi. Đến năm 2018 CĐR được rà soát, điều chỉnh và phát triển theo quy trình chặt chẽ để phù hợp hơn với quy định theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, dựa trên sứ mạng và MT chung của Nhà trường, sản phẩm đó là bản mô tả CTĐT năm 2019. Việc phát triển CĐR được tiến hành bởi Tổ điều chỉnh CTĐT của ngành, gồm những GV có kinh nghiệm của BM và một số chuyên gia trong, ngoài trường; với sự tham gia của các BLQ qua khảo sát và góp ý [H1.01.01.06], được thẩm định và phê duyệt bởi HĐKHĐT.

CĐR của ngành SPHH bao hàm đầy đủ các nội dung quy định theo công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH và thông tư 07/2015/TT-BGDĐT về việc hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR của BGDĐT gồm: a). Tên ngành đào tạo, b). Trình độ đào tạo, c). Yêu cầu kiến thức (tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp...), d). Yêu cầu về kỹ năng (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), e). Yêu cầu về thái độ, f). Vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, g). Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; h). Các CTĐT, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo.

CĐR hiện nay được mô tả rõ ràng, súc tích theo 3 nhóm năng lực tương ứng với các trụ cột trong triết lý giáo dục của UNESCO:

(i) Kiến thức (học để biết):

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương

a *Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.*

b *Lựa chọn và chỉ ra mối liên hệ giữa khối kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên với kiến thức cơ sở ngành và kỹ năng nghề nghiệp; kết hợp các biện pháp chăm sóc sức khỏe bản thân để có thể đảm nhiệm tốt công tác học tập và nghiên cứu.*

c *Sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn; đạt trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; kiến thức cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.*

+ Khối kiến thức cơ sở ngành

a. *Sử dụng kiến thức về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học SP; công tác dạy học trong nhà trường THPT; các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học môn*

học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học trong trường phổ thông.

b. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu môn hóa học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

c. Xác định vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

+ *Khối kiến thức chuyên ngành*

a. Tổng hợp kiến thức môn học một cách hệ thống từ đó vận dụng một cách hiệu quả và linh hoạt kiến thức chuyên ngành vào quá trình dạy học hóa học ở trường THPT.

b. Thiết kế xây dựng được chuyên đề và đề tài NCKH nâng cao tư duy sáng tạo, niềm đam mê khoa học của học sinh.

c. Có đủ năng lực chuyên môn về hóa học từ cơ bản đến nâng cao để có thể tham gia học tập nâng cao trình độ ở bậc sau ĐH.

(ii) *Kỹ năng:*

+ *Kỹ năng cứng (học để làm)*

a. Phát triển chuyên môn bản thân: chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

b. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.

c. Sử dụng PPDH và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các PPDH và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế; hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những PPDH và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

d. Vận dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất,

năng lực học sinh; chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh.

e. Vận dụng quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng ghép hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục; biết hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục.

+ Kỹ năng mềm (học để chung sống)

a. Sử dụng tiếng Việt thành thạo và chuẩn mực, giao tiếp thông dụng, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp; ứng dụng, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

b. Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp so sánh; hình thành tư duy phản biện và kỹ năng học tập suốt đời; làm việc độc lập, sáng tạo và hợp tác; tìm và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để nâng cao trình độ và hiệu quả công tác; đề ra chương trình hành động cho bản thân nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

c. Phát triển mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ và các BLQ để giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường; xây dựng môi trường văn hóa và phát huy dân chủ trong nhà trường.

(iii) Thái độ (học để khẳng định mình)

a. Có ý thức kỷ luật, sống và làm việc theo pháp luật; tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục.

b. Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề giáo. Có tinh thần học hỏi, tự rèn luyện phấn đấu nâng cao phẩm chất nhà giáo. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và đạo đức nghề giáo.

c. Chấp nhận các quan điểm khác biệt trong tranh luận, phản biện; thể hiện sự đồng cảm và chia sẻ với đồng nghiệp và cộng đồng; bảo vệ quan điểm cá nhân một cách tích cực.

d. Tạo dựng phong cách nhà giáo: có tác phong và cách thức làm việc phù hợp, làm tấm gương tốt cho học sinh; hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hình thành phong cách nhà giáo.

CĐR của CTĐT đã chú trọng đến năng lực tự chủ, trách nhiệm và sáng tạo trong nghề nghiệp, năng lực tự học và học suốt đời, năng lực làm việc nhóm và giao tiếp. CĐR đặt ra yêu cầu đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam và năng lực sử dụng tin học đạt trình độ chuẩn quốc gia về ứng dụng CNTT cơ bản.

Mỗi CĐR được cụ thể hóa (mức độ 3) bằng các mô tả với động từ Bloom, và thang đánh giá năng lực từ 1 đến 5 tương ứng, được xây dựng theo nguyên tắc SMART (Specific- Measurable-Actionable – Rational -Communicable) nhằm đảm bảo tính cụ thể và phù hợp MT, tính khả thi trong điều kiện nguồn lực cho phép, rõ ràng dễ hiểu. Bên cạnh đó CĐR của các HP trong CTĐT cũng thể hiện vai trò đóng góp để đạt CĐR của CTĐT, thể hiện rõ ràng trong các đề cương chi tiết HP [H1.01.01.04]. Trên cơ sở đó, Tổ điều chỉnh CTĐT lập ma trận đối ứng phân nhiệm CĐR của CTĐT cho từng HP để đảm bảo tất cả CĐR được thực hiện và không có môn học “thừa, lặp” trong chương trình, đồng thời tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng HP theo tiến trình phát triển liên tục của CTĐT [H1.01.01.05].

Phân tích trên cho thấy CĐR của CTĐT SPHH đã mô tả rõ ràng và bao quát các yêu cầu về năng lực chung (chung đối với SV ĐH, thể hiện ở khối kiến thức giáo dục đại cương), vừa chung vừa riêng đối với SV các ngành SP (thể hiện ở khối kiến thức cơ sở ngành) và năng lực chuyên biệt đối với SV ngành SPHH (thể hiện ở khối kiến thức chuyên ngành hóa); đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu của vị trí việc làm chính yếu của SV khi tốt nghiệp là trở thành giáo viên THCS và THPT, GV các trường cao đẳng và ĐH; chuyên viên, cán bộ quản lý giáo dục trong bối cảnh tự chủ, sáng tạo và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông, đồng thời có những năng lực chung phù hợp với yêu cầu của thế giới việc làm ngày nay như năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, năng lực tự học...

2. Điểm mạnh

CĐR được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được MT của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ về CĐR chưa được thường xuyên và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

+ Khắc phục tồn tại: Trường BM, Hội đồng Khoa lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các BLQ về CTĐT, CĐR; nghiên cứu bảng tổng hợp ý kiến về MT và CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT mỗi năm 1 lần.

+ Phát huy điểm mạnh: Trường BM, Hội đồng Khoa thường xuyên rà soát CĐR, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn và thành tựu của thế giới về đào tạo giáo viên để sẵn sàng xem xét đưa vào bổ sung, chỉnh sửa CĐR khi đến hạn kỳ (ít nhất 2 năm 1 lần).

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 1.3 CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT được xây dựng và rà soát chỉnh sửa dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ, đặc biệt là giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục, cựu SV và GV. Việc thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ và định kỳ rà soát đánh giá, bổ sung và điều chỉnh CTĐT đã được Nhà trường hướng dẫn rõ ràng cụ thể trong các văn bản và công bố công khai.

Trong quá trình đào tạo, khi chưa có quy định rõ ràng cụ thể về việc lấy ý kiến các BLQ về CTĐT, hàng năm Khoa vẫn cử GV đến các trường phổ thông nơi SV TTSP để kiểm tra, thăm hỏi, trao đổi chuyên môn và thu thập thông tin phản hồi về CTĐT, CĐR và các nội dung chuyên môn khác. Bên cạnh đó, GV BM cũng thường xuyên sinh hoạt chuyên môn, tham dự hội thảo trong tập thể GV tham gia đào tạo SP. Nhờ đó, CĐR của CTĐT ngày càng phù hợp và đáp ứng tốt các yêu cầu đối với giáo viên của các trường phổ thông.

Năm 2018, Khoa và BM gửi phiếu xin ý kiến góp ý về CĐR đến tổ chuyên môn ở các trường phổ thông, lấy ý kiến khảo sát SV cuối khóa, cựu SV [H1.01.01.06]. Nội dung các phiếu hỏi ý kiến nhà tuyển dụng, GV và SV về CTĐT, về năng lực của người tốt nghiệp CTĐT SPHH đã được tuyển dụng đều đáp ứng các yêu cầu cơ bản của các BLQ như:

-CĐR đã phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là kiến thức chuyên ngành và kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng thiết yếu để giải quyết các vấn đề trong

hoạt động của trường phổ thông.

-CĐR đã phản ánh được MT của CTĐT ngành SPHH, đồng thời MT của CTĐT phù hợp với MT giáo dục được luật định, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHCT.

Kết quả khảo sát cho thấy: trên 72% nhà tuyển dụng, trên 93% GV (các câu hỏi 2-5) và trên 80% SV (các câu hỏi 1a, 1b) đánh giá tốt (mức 4 và 5) CĐR của CTĐT SPHH; trên 68% nhà tuyển dụng đánh giá tốt về năng lực của giáo viên tốt nghiệp ngành SPHH của trường ĐHCT (các câu hỏi 8, 9; 12-15), trừ năng lực về ngoại ngữ (câu 10, 11) **[H1.01.01.06]**. Kết quả này đã được sử dụng để điều chỉnh cho CTĐT ban hành năm 2019, chấn hạn như việc đưa lại HP anh văn chuyên ngành SPHH vào khung bắt buộc, các chi tiết thay đổi khác được trình bày ở tiêu chí 10.1.

Việc điều chỉnh MT và CĐR của CTĐT trên được BM thực hiện bắt đầu từ Quyết định số 4946/QĐ-ĐHCT ngày 30/10/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký và Tổ điều chỉnh CTĐT để cho ra CTĐT áp dụng từ khóa 40. Việc lấy ý kiến thông tin phản hồi của các BLQ được thực hiện trên đối tượng SVTN, cựu SV và nhà tuyển dụng lao động **[H1.01.01.06]**. Năm 2015, khi BGDĐT Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp, trường ĐHCT đã lập kế hoạch triển khai công tác rà soát điều chỉnh MT đào tạo **[H1.01.01.08]**. MT đào tạo của ngành đã được BM rà soát, điều chỉnh và sau đó được Nhà trường ban hành Quyết định số 5002/QĐ-ĐHCT **[H1.01.01.01]** cùng với CTĐT.

CĐR từ năm 2015 đã được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa một số năng lực cốt lõi ngành SPHH, bao gồm: năng lực thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học hóa học theo hướng phát triển năng lực SV; mô tả rõ năng lực sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học; năng lực ngôn ngữ hóa học, một số kỹ năng chung của thời đại như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong giáo dục....

Năm 2017, KSP ra quyết định thành lập Tổ rà soát và điều chỉnh CTĐT **[H1.01.01.08]**. MT và CĐR của CTĐT SPHH cũng được xem xét nhưng không có sự thay đổi do vẫn đảm bảo rõ ràng và phù hợp theo yêu cầu về nội dung và hình thức.

Năm 2018, vẫn căn cứ theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT **[H1.01.01.08]**, Tổ thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT, Tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng Khoa học và đào tạo,

Kế hoạch điều chỉnh CTĐT và các văn bản hướng dẫn cách viết MT tổng quát và MT cụ thể [H1.01.01.08]. MT đào tạo đã được rà soát, bổ sung và thống nhất trong Tổ điều chỉnh CTĐT, được phê duyệt và thẩm định từ Tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng Khoa học và đào tạo [H1.01.01.08]. Hội đồng Khoa đã tổ chức phản biện, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt CTĐT sẽ áp dụng từ khóa 45. Theo đó, MT của CTĐT cũng được chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình giáo dục hiện tại và xác định rõ ràng hơn trong Bản mô tả CTĐT mới [H1.01.01.03] bao gồm MT chung và MT cụ thể.

CĐR và CTĐT lần này tiếp tục được rà soát và chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được SV khi tốt nghiệp vừa là nhà hóa học, nhà giáo dục và là giáo viên dạy hóa học có đủ các kỹ năng của giáo viên thế kỷ 21, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO. Chẩn hạn như HP Anh văn chuyên ngành trong bản mô tả CTĐT năm 2019 được chuyển đổi từ tự chọn sang bắt buộc nhằm cải thiện năng lực sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành phục vụ việc học tập nâng cao trình độ [H1.01.01.03].

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT, kể cả đề cương chi tiết HP được công bố công khai và rộng rãi trên website Nhà trường và subweb của khoa [H1.01.01.02], được đặt đường dẫn từ trang đăng ký học của tất cả SV trên website Nhà trường. Khoa và BM tổ chức giới thiệu trực tiếp MT và CĐR của CTĐT cho SV mới nhập học vào dịp sinh hoạt đầu khóa. Ngoài ra, việc tìm hiểu CĐR và CTĐT còn được hướng dẫn cho SV trong Sổ tay SV, được các GV thường xuyên truyền thông qua các môn học, được quán triệt bởi hệ thống CVHT và quản lý SV.

Tóm lại, trong giai đoạn 2014 đến 2019, CĐR của CTĐT đã được xây dựng và có định kỳ rà soát điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên các yêu cầu của các BLQ, xu hướng của thế giới và thực tiễn dạy học, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của Nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

2. Điểm mạnh

CĐR đã được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến các yêu cầu của các BLQ và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, đáp ứng yêu cầu công tác ở trường phổ thông.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi về CĐR của các giáo viên và cựu SV ở trường phổ thông chưa được thường xuyên và rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

+ Khắc phục tồn tại: Trường BM định kỳ hàng năm lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các BLQ về CTĐT, CĐR, nghiên cứu bảng tổng hợp ý kiến, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT.

+ Phát huy điểm mạnh: Trường BM, Hội đồng Khoa thường xuyên rà soát CĐR, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn của các BLQ, đề xuất xem xét đưa vào thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các BLQ ít nhất 2 năm 1 lần.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

MT của CTĐT ngành SPHH được xây dựng phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố và tầm nhìn của Nhà trường cũng như Luật giáo dục, được mô tả rõ ràng và được công khai trên website của Nhà trường. CĐR của CTĐT được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được MT của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CĐR đã chú trọng đến các yêu cầu của các BLQ và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, đáp ứng yêu cầu công tác ở trường phổ thông. Tóm lại, tất cả các yêu cầu chỉ báo của các tiêu chí đều đạt về cơ bản, tuy nhiên, cũng cần phát huy việc thập thông tin phản hồi của các BLQ, nhằm nâng mức độ thường xuyên và đầy đủ hơn nữa.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 1: 4,67/7.

TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

CTĐT là hệ thống cụ thể các MT đào tạo bao gồm chuẩn kiến thức - kỹ năng - thái độ, cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học và trình độ đào tạo của bậc đào tạo.

Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu thống nhất của Trường ĐHCT, tuân thủ đúng các quy định của BGDĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được Nhà trường công bố công khai giúp người dạy, SV và các BLQ (cấp quản lý, nhà tuyển dụng, ...) dễ dàng tiếp cận. Đây là nguồn tài liệu chính thống với hệ thống thông tin đầy đủ và chi tiết về mỗi CTĐT, được thiết kế rõ ràng, cấu trúc logic và được định kỳ bổ sung, cập nhật.

Tiêu chí 2.1 Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT năm 2019 áp dụng từ khóa 45 [H1.01.01.03] được ban hành kèm theo Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT [H1.01.01.01] bao gồm những nội dung chính sau:

1) Thông tin chung: giới thiệu các thông tin chung về CTĐT, bao gồm: Tên ngành học, mã ngành, thời gian đào tạo, danh hiệu đạt được và đơn vị quản lý của ngành.

2) MT đào tạo

3) CDR (bao gồm CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ)

4) Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

5) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

6) Các CTĐT, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

7) Khung CTĐT: thể hiện các thông tin về tên HP, mã số HP, số tín chỉ, yêu cầu của HP (bắt buộc/ tự chọn), số tiết lý thuyết và thực hành, các HP tiên quyết và song hành (nếu có), dự kiến học kỳ thực hiện.

8) Thời gian ban hành: ngày 30 tháng 7 năm 2019

Như vậy, bản mô tả CTĐT năm 2019 đã thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết về ngành đào tạo. Ngoài việc thay đổi mã ngành (từ 52140212 thành 7140212) theo quy định của BGDĐT, CTĐT phiên bản 2019 đã có nhiều cải tiến nổi bật. Cụ thể, MT đào tạo được chia thành hai mảng gồm MT chung và MT cụ thể, đồng thời bổ sung thêm MT cần đạt về năng lực. Các CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ được chọn lọc cẩn thận

và mã hóa nhằm xây dựng ma trận mối quan hệ giữa MT đào tạo và HP với CĐR của CTĐT theo quy định của Nhà trường **[H1.01.01.05]**. Khung CTĐT cũng có sự cải tiến đáng kể qua việc cập nhật, thay đổi và bổ sung các HP cần thiết phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục hiện đại. Cụ thể: khối kiến thức Giáo dục đại cương được bổ sung thêm HP Kỹ năng mềm (KN001) và HP Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (KN002); khối kiến thức Cơ sở ngành được bổ sung HP Giáo dục hòa nhập (SG394), chuyển hai HP gồm Tâm lý học đại cương (SP009) và Quản lý HCNN và quản lý ngành GDĐT từ khối kiến thức Giáo dục đại cương sang, tích hợp các HP thuộc chuyên ngành phương pháp giáo dục các môn KHTN tạo sự gắn kết giữa các mảng kiến thức. Khối kiến thức chuyên ngành cũng được bổ sung thêm HP Anh văn chuyên ngành SP Hóa (SP191), tên và mã số của một số HP cũng được thay đổi: Hóa cơ sở 1 (SP292) và Hóa cơ sở 2 (SG258) đổi thành Hóa đại cương 1 (TN101) và Hóa đại cương 2 (TN102); các HP gồm Nhiệt động hóa học (SP293), Động hóa học (SP156), Điện hóa học (SP157) và Hóa keo (SP159) được gom chung thành Hóa lý 1 (TN108) và Hóa lý 2 (TN109). Sự thay đổi tên và mã ngành của một số HP nhằm phát huy ưu điểm của Trường ĐHCT là trường đa ngành và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ cũng như CSVC của Nhà trường.

Nhìn lại quá trình phát triển, bản mô tả CTĐT năm 2019 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và cải tiến các phiên bản CTĐT năm 2014 và năm 2015. Năm 2014, Trường ĐHCT ban hành Quyết định 4946/QĐ-ĐHCT **[H2.02.01.01]** về việc thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT; Hướng dẫn số 2098/ĐHCT về việc hướng dẫn điều chỉnh MT đào tạo và CĐR của CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa 40 **[H2.02.01.02]** và Quyết định 2975/QĐ-ĐHCT về việc ban hành CTĐT năm 2014 **[H1.01.01.01]**. Ngay từ phiên bản 2014, bản mô tả CTĐT đã thể hiện đầy đủ các thông tin quan trọng về ngành đào tạo, bao gồm:

- 1) Thông tin chung: Tên ngành học, mã ngành, hệ đào tạo, thời gian đào tạo, đơn vị quản lý của ngành (khoa, BM).
- 2) MT đào tạo
- 3) CĐR (kiến thức, kỹ năng, thái độ)
- 4) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp
- 5) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường
- 6) Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo
- 7) Khung CTĐT

8) Thời gian ban hành: ngày 16 tháng 6 năm 2014.

Năm 2015, Trường ĐHCT ra Quyết định 5002/QĐ-ĐHCT [**H1.01.01.01**] về việc ban hành CTĐT dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, căn cứ vào Hướng dẫn 3281/BGDĐT-GDĐH hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định CTĐT theo quy định của Thông tư 07/2015. Ngoài việc đảm bảo đầy đủ các thông tin cơ bản như phiên bản 2014, bản mô tả CTĐT năm 2015 còn có thêm một số điểm cải tiến. Cụ thể: HP Kỹ năng mềm (KN001) được thêm vào khối kiến thức Giáo dục đại cương; hai HP gồm Hoạt động giáo dục trong Nhà trường phổ thông (SG131) và Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững (SG114) được bổ sung vào khối kiến thức Cơ sở ngành; HP Anh văn chuyên ngành SP Hóa (SP191) được thêm vào các môn tự chọn của khối kiến thức Chuyên ngành, đồng thời một số HP khác của khối kiến thức này cũng có sự tăng số tín chỉ.

Năm 2017, KSP ban hành Quyết định 141/QĐ-KSP về việc thành lập tổ rà soát, điều chỉnh CTĐT [**H2.02.01.03**]. Đến năm 2018, Trường ĐHCT ban hành Quyết định 4225/QĐ-ĐHCT về việc thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH và sau ĐH [**H2.02.01.04**]; Quyết định 4235/QĐ-ĐHCT về việc thành lập Tổ thư ký và các Tổ điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH [**H2.02.01.05**]; Văn bản số 2223/ĐHCT về việc hướng dẫn điều chỉnh CTĐT [**H2.02.01.06**]. Trên cơ sở đó, BM SPHH tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi đánh giá của các BLQ về CTĐT, cụ thể là cựu SV và cấp quản lý của các trường phổ thông. Theo kết quả khảo sát cựu SV: Trên 70% cựu SV đánh giá MT của CTĐT được xác định rõ ràng, phản ánh tốt nhu cầu của thị trường lao động; mức độ đạt được thái độ/phẩm chất so với CĐR trong CTĐT được đánh giá ở mức tốt (trên 50% cựu SV được khảo sát) và rất tốt (trên 30% cựu SV được khảo sát); trên 50% cựu SV đánh giá tốt về mức độ SV đạt được các kỹ năng khi ra trường (kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp - hợp tác, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng sử dụng phương tiện truyền thông và thiết bị giảng dạy ...); trên 60% cựu SV đánh giá tốt về sự cân đối giữa các khối kiến thức trong CTĐT và thời gian học trên lớp - thời gian tự học/tự nghiên cứu; 70% kết quả khảo sát cho biết các HP trong CTĐT có đóng góp rõ ràng trong việc đạt CĐR của ngành; 70% cựu SV đánh giá tốt về mức độ phù hợp giữa khối lượng kiến thức trong CTĐT và thời lượng quy định của chương trình [**H1.01.01.06**]. Đây chính là nguồn tài liệu tham khảo quý báu, hỗ trợ hiệu quả cho công tác cải tiến CTĐT của BM SPHH để có được bản mô tả CTĐT hoàn thiện như hiện tại.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin cần thiết, được rà soát và cập nhật thường xuyên. Bản mô tả CTĐT năm 2019 đã xây dựng được ma trận mối quan hệ giữa MT đào tạo và HP với CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đánh giá của các BLQ (cựu SV, trường phổ thông) về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

- Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, nhà trường phổ thông một cách thường xuyên hơn (ít nhất 2 năm/lần).
- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT (ít nhất 2 năm/lần).

5. Tự đánh giá: mức 4/7.

Tiêu chí 2.2 *Đề cương các HP đầy đủ thông tin và cập nhật*

1. Mô tả

Năm 2014, Trường ĐHCT ban hành Kế hoạch số 49/KH-KSP về việc điều chỉnh và biên soạn đề cương chi tiết HP CTĐT bậc ĐH [H2.02.02.01]. Theo đó, đề cương HP năm 2014 được viết thống nhất theo mẫu của Trường ĐHCT, phù hợp với yêu cầu của Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT. Cùng với bản mô tả HP [H2.02.02.02], đề cương chi tiết các HP áp dụng từ khóa 40 đến khóa 44 [H2.02.02.03] bao gồm các thông tin như sau:

- 1) Thông tin về HP: tên HP, mã HP, số tín chỉ, phân chia số tiết HP (lý thuyết/ thực hành/tự học ...), đơn vị phụ trách HP, điều kiện tiên quyết của HP.
- 2) MT HP: mô tả chi tiết MT kiến thức, kỹ năng và thái độ.
- 3) Mô tả tóm tắt nội dung HP: giúp SV hình dung khái quát nhất về các nội dung chính và logic của các phần nội dung trong HP.
- 4) Cấu trúc nội dung HP: nêu rõ từng chương mục, cụ thể tới 3 cấp, bao gồm: mô tả sự phân bố các nội dung dạy học theo tuần, số tiết của mỗi hình thức dạy học (lý thuyết, thực hành...), chỉ ra từng nội dung tương ứng với mỗi MT của HP.
- 5) PPDH: nêu cụ thể các PPDH được sử dụng để giảng dạy HP, từng mảng nội dung.
- 6) Nhiệm vụ của SV: nêu rõ nhiệm vụ của SV khi tham gia HP, quy định cụ thể số tiết lý thuyết và số tiết thực hành SV bắt buộc phải tham dự, các kỳ thi SV bắt buộc phải thực hiện để đủ tiêu chuẩn xem xét hoàn thành HP.

7) Đánh giá kết quả học tập của SV: nêu rõ các hình thức đánh giá HP, điểm thành phần của từng hình thức đánh giá, quy định và trọng số của mỗi hình thức đánh giá, cũng như chỉ rõ hình thức đánh giá đó nhằm đáp ứng MT nào của HP.

8) Tài liệu học tập: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu của SV.

9) Hướng dẫn SV tự học: chỉ ra rõ những nhiệm vụ mà SV cần chuẩn bị và thực hiện trong từng chương/mục của HP.

Như trên có thể thấy, đề cương HP năm 2014 chỉ trình bày MT của HP chứ chưa quy định về CĐR của HP. Vì vậy, năm 2018, Trường ĐHCT ban hành kế hoạch số 2222/KH-ĐHCT về việc điều chỉnh CTĐT bậc ĐH áp dụng từ khóa 45 [H2.02.02.04] và văn bản số 2224/ĐHCT-ĐT về mẫu đề cương chi tiết HP bản tiếng Việt và tiếng Anh dành cho CTĐT trình độ ĐH [H2.02.02.05]. Ngoài các nội dung cơ bản cần có như phiên bản 2014 thì mẫu đề cương chi tiết năm 2018 đã có quy định CĐR cụ thể của từng HP, theo định hướng phát triển năng lực của SV. Thêm vào đó, phiên bản đề cương chi tiết HP năm 2019 (áp dụng từ khóa 45) [H2.02.02.06] có phần MT và cấu trúc nội dung HP được cập nhật tương ứng với mỗi CĐR của ngành học; mục đánh giá kết quả học tập của SV chỉ rõ sự đáp ứng của mỗi hình thức đánh giá với các CĐR tương ứng. Tài liệu tham khảo về thang năng lực nhận thức, kỹ năng, tình cảm được đưa vào để làm chuẩn căn cứ viết CĐR [H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết các HP nêu đầy đủ thông tin, được viết rõ ràng và khoa học. Đề cương các HP được cập nhật và điều chỉnh, có ma trận liên kết nội dung chương mục của HP với CĐR của ngành học.

3. Điểm tồn tại

Chưa thu thập được ý kiến phản hồi của các BLQ để đánh giá đề cương chi tiết các HP của ngành đào tạo một cách thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm, GV lấy ý kiến phản hồi từ SV về đề cương của HP.
- Phân tích dữ liệu thi, kiểm tra nhằm đánh giá chính xác và cung cấp thông tin để GV điều chỉnh đề cương chi tiết của từng HP.
- Rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các HP hàng năm.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 2.3 Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Các văn bản đã được Nhà trường phê duyệt và ra quyết định ban hành, bao gồm: bản mô tả CTĐT các năm 2014, 2015, 2019 [H1.01.01.03], đề cương chi tiết HP áp dụng từ khóa 40 đến khóa 44 [H2.02.02.03] và đề cương chi tiết HP hiện đang được áp dụng (từ khóa 45) [H2.02.02.06] đều được công bố công khai và rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau. SV, cựu SV và các BLQ có thể dễ dàng tiếp cận các văn bản trên ngay khi truy cập vào website của Trường ĐHCT và subweb của Khoa/BM [H2.02.03.01]. Nhà trường còn đặt đường dẫn bản mô tả CTĐT đến trang đăng ký HP trực tuyến của SV nhằm giúp SV dễ dàng xem lại CTĐT trong quá trình đăng kí và xây dựng kế hoạch học tập [H2.02.03.01]. Trong các buổi sinh hoạt đầu năm của BM, CTĐT của ngành SPH được đơn vị giới thiệu đến các tân SV bằng hình thức sinh hoạt chung.

Đề cương chi tiết các HP sẽ được GV giới thiệu chi tiết với SV trong buổi học đầu tiên, bao gồm: MT môn học, CDR, các hoạt động dạy học, nhiệm vụ và sản phẩm học tập SV cần thực hiện. Việc quản lý và tổ chức quá trình dạy học theo CTĐT được Nhà trường thực hiện thông qua hệ thống quản lý chung, được quán triệt bởi hệ thống CVHT và quản lý SV. Các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, BCN khoa, BCN BM và Trợ lý đào tạo Khoa/BM đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT của các ngành học nhằm nắm rõ thông tin về CTĐT và các HP của chương trình, cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện CTĐT của người dạy và SV. Hơn thế, Nhà trường còn tạo liên kết giữa khung CTĐT của từng ngành với đề cương chi tiết của mỗi HP có trong khung chương trình, nhằm giúp những ai quan tâm đến bất kì ngành học nào của trường đều có thể tham khảo được nội dung của từng HP bằng những thao tác đơn giản nhất.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai, thuận lợi cho người dạy, SV và các BLQ dễ dàng tiếp cận, góp ý kiến.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự truyền thông, giới thiệu cụ thể, chi tiết bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đến từng trường phổ thông và học sinh (chủ yếu giới thiệu qua website của Trường/Khoa/BM).

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục giới thiệu CTĐT và đề cương các HP đến từng SV ở từng học kỳ.
- Tiếp tục công khai CTĐT và đề cương HP đến các cựu SV, các nhà quản lý giáo dục nhằm tranh thủ sự đóng góp ý kiến của họ để tiếp tục phát triển CTĐT.
- Lập kế hoạch chi tiết nhằm phổ biến CTĐT đến từng trường phổ thông, phụ huynh, học sinh trong các đợt tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ thông tin cần thiết về ngành đào tạo. Đề cương các HP được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ thông tin cần thiết về HP. Bản mô tả CTĐT và đề cương HP được rà soát cập nhật thường xuyên và công bố công khai, tạo thuận lợi cho người dạy, người học và các BLQ trong quá trình thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT.

Tuy nhiên, việc truyền thông CTĐT đến các BLQ còn chưa được hiệu quả, việc thu thập ý kiến phản hồi còn hạn chế, chủ yếu ở SV và GV.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 2: 4,67/7.

TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

CTĐT ngành SPHH của KSP ĐHCT được thiết kế dựa trên MT và CĐR của CTĐT theo hướng phát triển năng lực, đáp ứng CTGD phổ thông mới (2018) và phù hợp với nhu cầu xã hội. Các HP có sự đóng góp rõ ràng về MT và CĐR của CTĐT. CTĐT ngành SPHH được xây dựng theo tiếp cận phát triển năng lực, tích hợp kiến thức, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Quy trình này được xây dựng một cách khoa học, hợp lý, logic. Về phương pháp tổng thể có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau trong đó có đào tạo SP với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

Tiêu chí 3.1 *Chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế dựa trên CĐR*

1. Mô tả

Từ năm học 2007 – 2008 cùng với một số trường ĐH trong cả nước, KSP trường ĐHCT đã chính thức ban hành CTĐT ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, trong đó có các ngành đào tạo SP. Bắt đầu từ năm 2014 CTĐT được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV. Năm 2018, để đáp ứng CTGD phổ thông mới theo hướng phát triển năng lực SV, phù hợp với CĐR và nhu cầu xã hội, CTĐT được điều chỉnh lại theo Quyết định 2975/QĐ-ĐHCT [H1.01.01.01], Quyết định 5002/QĐ-ĐHCT [H1.01.01.01] và văn bản số 2194/BB-ĐHCT ngày 16/10/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT [H3.03.01.01]. CTĐT ngành SP Hóa học theo hệ thống tín chỉ ở KSP Trường ĐHCT đã bao quát toàn bộ nội dung chương trình phổ thông hiện hành, ngoài ra còn có nhiều khối kiến thức bổ trợ một cách đầy đủ, rõ ràng đáp ứng CĐR theo quy định của chung của Trường ĐHCT. CTĐT gồm 141TC (86 HP gồm các HP Bắt buộc và tự chọn), CTĐT thể hiện rõ HP cơ bản, HP cơ sở ngành, HP chuyên ngành kể cả tiểu luận hoặc luận văn tốt nghiệp.

CTĐT được thiết kế và xây dựng qua nhiều bước cụ thể được sự đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học BM SPHH, KSP đáp ứng MT đào tạo và CĐR, chương trình luôn chú ý đến sự cân đối các khối kiến thức theo định hướng phát triển năng lực và kết quả học tập của SV.

(1) Kiến thức đại cương (39 tín chỉ gồm 24 TC bắt buộc và 15TC tự chọn). Kiến thức đại cương bao gồm kiến thức về Giáo dục quốc phòng (8TC), GD thể chất (3TC); Kiến thức về Giáo dục chính trị (10TC); Ngoại ngữ (10TC); Pháp luật Đại cương (2TC),

Logic học Đại cương (2TC), Xã hội học Đại Cương (2TC), Cơ sở Văn hóa Việt Nam (2TC), Tiếng Việt thực hành (2TC), Văn bản và lưu trữ học đại cương (2TC), Kỹ năng mềm (2TC), Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2TC). Khối kiến thức này không chỉ trang bị cho SV có kiến thức nền tảng khoa học mà còn cung cấp kiến thức chính trị xã hội, pháp luật và văn hóa, giúp SV trở thành công dân toàn diện.

(2) Khối kiến thức cơ sở ngành (36 tín chỉ gồm 34 TC bắt buộc và 2 TC tự chọn)

Kiến thức cơ sở ngành là khối kiến thức Hóa học nền tảng bắt buộc. SV được đào tạo kiến thức cơ sở ngành trước khi SV bước vào khối kiến thức chuyên môn sâu của ngành SPHH.

(3) Khối kiến thức chuyên ngành (66 tín chỉ gồm 56 TC bắt buộc và 10 TC tự chọn): Kiến thức chuyên ngành là những kiến thức trọng tâm bắt buộc của ngành SPHH. Trong khối kiến thức chuyên ngành các môn tự chọn mà SV học bao gồm các HP: Tham quan thực tế (1TC) và Luận văn tốt nghiệp (10TC), hoặc Tiểu luận tốt nghiệp (4TC). Bên cạnh các HP lý thuyết, SV còn được tham gia các NCKH của chính mình hay tham gia vào các đề tài nghiên cứu của GV, qua đó sẽ hình thành ý tưởng nghiên cứu và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn. Kết quả BM SPHH đã có nhiều SV nhận giải thưởng NCKH cấp trường [H3.03.01.02], Xuất bản một số bài báo khoa học, từ đó khuyến khích và nuôi dưỡng niềm đam mê NCKH của SV.

Liên tục đào tạo nhiều năm theo hệ thống tín chỉ, CTĐT ngành SPHH đã có những điều chỉnh CĐR theo hướng tăng cường các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ SP cũng như các môn tự chọn đáp ứng CĐR đã công bố. Mặc dù có nhiều ưu điểm so với đào tạo theo niên chế, đó là tính linh hoạt, mềm dẻo, thuận lợi cho SV... Tuy nhiên, nhìn tổng thể, cấu trúc chương trình vẫn chủ yếu theo tiếp cận nội dung nên kiến thức trang bị quá tải và mang tính chất hàn lâm, thiếu tính ứng dụng cho nghề dạy học, đặc biệt chưa chú trọng phát triển năng lực cá nhân và phẩm chất nghề giáo. Vì vậy chương trình SP nói chung và ngành SPHH nói riêng ở KSP trường ĐHCT vẫn chưa đi theo sự phát triển khoa học giáo dục của các nước, đặc biệt là các nước phát triển (OECD). Để khắc phục các nhược điểm trên, cũng như hiện đại hóa CTĐT SP đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, trường ĐHCT đã triển khai thực hiện đánh giá và điều chỉnh CTĐT nhằm xây dựng CĐR và CTĐT tiếp cận năng lực và đưa vào áp dụng đào tạo tất cả các khối ngành trong đó có SPHH từ khóa 45 năm 2019 [H1.01.01.01], [H1.01.01.03] (sơ đồ Hình 3.1).

KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU & THỰC TẾ CHUYÊN NGÀNH

Tham quan Thực tế (1TC)

KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

HỌC PHẦN BẮT BUỘC

Hóa học đại cương 1	2TC
Hóa học đại cương 2	3TC
Thực tập hóa cơ sở	2
Hóa lý 1	3
Hóa lý 2	3
AV chuyên ngành Sư phạm Hóa	2
TT. Hóa lý	2
Hóa lượng tử	2
Hóa vô cơ 1	3
Hóa vô cơ 2	3
TT. Hóa vô cơ	2
Thiết kế bài tập HH	2
Tham quan thực tế	1

Hóa phân tích 1	3
Hóa phân tích 2	3
TT. Hóa phân tích - SP. Hóa	2
PP Phân tích công cụ	2
TT. PP phân tích công cụ	1
Các PP phổ nghiệm hữu cơ	2
Hóa hữu cơ 1	3
Hóa hữu cơ -2	3
TT. Hóa hữu cơ	2
Hóa sinh học	2
TT. Sinh hóa	1
TT. Pp giảng dạy hóa	2

HỌC PHẦN TỰ CHỌN

Luận văn tốt nghiệp - Hóa học	10
Tiểu luận tốt nghiệp - Hóa học	4
Hóa công nghệ và Hóa nông nghiệp	2
Lịch sử Hóa học	2
GD môi trường qua GD HH	2
Hóa học ứng dụng	2
Hóa học HCTT	2
Kỹ thuật tách chiết HCTT	2
KT phòng thí nghiệm HH	2
Tổng hợp hữu cơ	2
Tổng hợp vô cơ	2

KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

HỌC PHẦN BẮT BUỘC

Tâm lý học đại cương	2TC
Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT	2TC
Tâm lý học sư phạm	2TC
Giáo dục học	3TC
Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2TC
Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2TC
PPDH Hóa học	2TC
Lý luận dạy học Toán và khoa học tự nhiên	2TC

Phát triển chương trình giáo dục khoa học tự nhiên	2TC
Đánh giá kết quả học tập Toán và khoa học tự nhiên	2TC
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Hóa học	2TC
Tập giảng Hóa học	3TC
Kiểm tập sư phạm	2TC
Thực tập sư phạm	2TC
Toán cho Hóa học	2TC
Vật lý đại cương	2TC

HỌC PHẦN TỰ CHỌN

Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2TC
Giáo dục hòa nhập	2TC

KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

HỌC PHẦN BẮT BUỘC

GD quốc phòng	8TC	Tư tưởng HCM	2TC
GD thể chất	3TC	LS Đảng CSVN	2TC
Triết học Mac-Lenin	3TC	Pháp luật đại cương	2TC
Kinh tế CT Mac- Lenin	2TC	CNXH Khoa học	2TC
Tin học căn bản	1TC	Thực tập TH CB	2TC

HỌC PHẦN TỰ CHỌN

Tiếng Anh căn bản	10TC
Tiếng Pháp căn bản	10TC
Logic học đại cương	2TC
Xã hội học đại cương	2TC
Cơ sở văn hóa Việt nam	2TC
Tiếng Việt thực hành	2TC
Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2TC
Kỹ năng mềm	2TC
Văn bản và lưu trữ học ĐC	2TC

Hình 3.1 Sơ đồ mô tả CTĐT

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng CTĐT, Nhà trường đã xây dựng phiếu điều tra, khảo sát ý kiến và phản hồi của các BLQ, bao gồm: Quyết định ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy Trường ĐHCT [H1.01.01.06]; Thông tin việc lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV trường ĐHCT và Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy để không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học.

CTĐT ngành SPHH được thiết kế dựa trên MT đào tạo ngành học, khung năng lực, CDR và ma trận [H1.01.01.05]. Ngoài ra khi thiết kế CTDH, KSP cũng đã tiến hành tham khảo và đối sánh với CTĐT ngành SPHH của các trường ĐHSP Hà Nội [H3.01.01.03], ĐHSP Tp HCM [H3.01.01.03], ĐHSP Huế [H3.01.01.03], Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV của tất cả các môn học/HP trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CDR.

Trong CTĐT, có một số HP giúp SV tăng cường năng lực bản thân từ khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề, phương pháp tiếp cận thực tiễn như HP Tham quan Thực tế; tiếp cận khoa học như HP Phương pháp NCKH Giáo dục. Thêm vào đó, với MT trang bị kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV, ngoài việc đánh giá qua các bài kiểm tra, GV còn định hướng giúp SV tự tìm và lĩnh hội kiến thức, nhận xét đánh giá từ các seminar từ đó cải thiện khả năng tự học, làm việc nhóm và ưu thế phát triển nghề nghiệp. SV được phát triển các kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua HP Tập giảng và các hoạt động báo cáo seminar và bảo vệ luận văn tốt nghiệp cuối khóa học.

Chương trình dạy học có các HP tiếng Anh căn bản, Khoa học Xã hội và Nhân văn giúp SV cải thiện và phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống.

- Các HP tiếng Anh căn bản (10TC) tập trung vào 3 học kỳ đầu tiên của CTĐT giúp SV tiếp cận hiệu quả hơn với HP Anh văn chuyên ngành vào học kỳ thứ 6. Chương trình thiết kế rèn luyện khả năng tiếng Anh cùng với kiến thức chuyên môn về giảng dạy Hóa học.

- Các HP Khoa học Xã hội và Nhân văn bao gồm các HP Pháp luật đại cương, Logic học Đại cương, Xã hội học đại cương, Cơ sở Văn hóa Việt nam, Tiếng việt thực hành, Văn hóa và lưu trữ học đại cương góp phần phát triển nhân cách và hỗ trợ kỹ năng làm việc bản thân.

2. Điểm mạnh

- CTDH đã được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT ngành SPHH, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa CTDH, CĐR và MT.

- Đề cương chi tiết các HP được thiết kế có cấu trúc và nội dung hợp lý, đồng bộ với CĐR trong CTĐT, giúp NH có thể đạt được các CĐR của CTĐT sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các BLQ về CTDH chưa thường xuyên và đồng bộ (chủ yếu là lấy ý kiến từ SVTN, cựu SV. Đối với việc lấy ý kiến các nhà tuyển dụng (Sở GD, BGH...) chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, BM SPHH sẽ chủ động triển khai lấy ý kiến các BLQ về cấu trúc và nội dung của CTDH hàng năm.

5. Tự đánh giá: mức 5/7).

Tiêu chí 3.2 Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

Nội dung các môn học đều hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT, với khối lượng 141 tín chỉ các HP được phân phối theo MT và CĐR: Kiến thức kỹ năng, thái độ và nhất là quan tâm đến vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

CTĐT ngành SPHH được thiết kế với 141 tín chỉ bao gồm ba khối kiến thức. Những HP tiên quyết là điều kiện để đảm bảo đủ kiến thức cần thiết cho những HP chuyên sâu; các HP tự chọn phong phú đảm bảo sự liên tục và đáp ứng nhu cầu chọn lựa của SV hướng đến kiến thức và thực hiện Luận văn tốt nghiệp về lĩnh vực chuyên sâu của ngành SPHH. Các HP giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ là được xem như là những HP điều kiện. Tất cả HP trên đều có những MT tổng quát và cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế theo hệ thống dựa trên khung chương trình của BGD và ĐT, phù hợp với yêu cầu nhân lực của xã hội.

Sự đóng góp của mỗi HP trong việc giúp SV đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong MT, khung năng lực, mô tả MT của các HP [H2.02.02.02]. CTĐT được thiết kế dựa trên CĐR với 3 khối kiến thức: Khối kiến thức đại cương; Khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Khối kiến thức chuyên ngành có các HP về Lý luận và PPDH Hóa học và các HP thuộc nghiệp vụ SP. Các môn học thuộc khối kiến thức đại cương; Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Giáo dục học; Tâm

lý học, ... đáp ứng các CĐR về yêu cầu SV hiểu biết ngành SP nói chung và SPHH nói riêng, quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục Việt Nam, vận dụng những tư tưởng của Hồ Chí Minh và những nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin để hiểu triết lý giáo dục, đặc thù ngành nghề SP và quản lý hành chính trong lĩnh vực giáo dục. Các môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành, (HP Toán cho hóa, Hóa học Đại cương, Ngoại ngữ) trang bị cho SV kiến thức nền tảng, làm cơ sở cho SV hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản đó để học các môn chuyên ngành hóa học (Hóa lý, Hóa phân tích, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ...). Khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 52,85%, làm tiền đề cho khối kiến thức chuyên ngành SPHH chiếm 47,15% (Đánh giá kết quả học tập khoa học tự nhiên và phương pháp NCKH trong dạy học hóa học; Lý luận và PPDH hóa học; Phát triển chương trình môn Hóa học; Thực hành PPDH hóa học). Các môn chuyên ngành NVSP, giúp SV những kiến thức cơ bản về nghiên cứu KHGD ngành Hóa học, vận dụng lý thuyết và thực hành các PPDH Hóa học theo tiếp cận năng lực. Một số môn học có những seminar giúp SV thực hiện các MT cụ thể về nghề dạy học trong CĐR. CTĐT tiếp cận năng lực đã được thiết kế tích hợp nhằm tinh gọn số đầu môn học và tạo điều kiện phát triển năng lực SV. Các môn chuyên ngành đã chú trọng đến đáp ứng CĐR về đo lường đánh giá trong dạy học hóa học cũng như phát triển chương trình môn Hóa học ở THPT theo yêu cầu của CTGD phổ thông 2018. Vì vậy, CTĐT SPHH đã đáp ứng được nhu cầu xã hội. Các môn học trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành SPHH khi ra trường được thể hiện thông qua MT, khung năng lực và CĐR của CTĐT.

Để đánh giá SV đạt được CĐR của mỗi HP, bên cạnh điểm thi kết thúc HP, kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, thảo luận đóng góp trong học tập, thí nghiệm, thực hành, báo cáo seminar, ...) đáp ứng CĐR môn học. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng HP được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá SV [H3.03.02.01], [H3.03.02.01].

Trường ĐHCT đã xây dựng và công bố CĐR cho ngành SPHH, CĐR này được xây dựng dựa trên chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, trên cơ sở khảo sát các BLQ và các CTĐT được thông báo trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh đầy đủ. Đề cương chi tiết các HP đều dựa trên ma trận môn học - CĐR và phân bố trong bảng ma trận ma trận trong CTDH ngành SPHH. Định kỳ căn cứ trên sự phản hồi của

SV, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các GV BM đề xuất [H2.02.02.04].

Bảng 3.1 Tóm tắt lấy ý kiến SVTN năm học 2018-2019 thể hiện sự hài lòng của người học với CTĐT

Câu hỏi	Mức độ hài lòng của SVTN (*)	Tỉ lệ hài lòng sát(**)%
Sự cân đối giữa kiến thức cơ sở và chuyên ngành	34/38	89,47
CTĐT bồi đắp và khuyến khích năng lực học tập và nghiên cứu của bạn	36/38	94,73
Đề cương chi tiết các HP giúp bạn hiểu rõ các KQHT mong đợi về kiến thức, kỹ năng, và thái độ	32/38	84,21
Bạn hài lòng với sự gắn kết hài hoà giữa các HP trong CTĐT	34/38	89,47
PPGD của các GV giúp bạn phát triển các kỹ năng học và kỹ năng mềm	32/38	84,21
Bạn hài lòng với cách thức và nội dung lấy ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy HP của GV	34/38	89,47
Nhìn chung, bạn hài lòng về CTĐT mình đã học	33/38	86,84

(*) Mức độ hài lòng tính theo số SV được khảo sát (38 SVTN) và (**) tỉ lệ phần trăm.

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTĐT ngành SPHH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CDR. Nội dung các HP trong CTĐT thể hiện việc đạt được CDR và được lấy ý kiến phản hồi của BLQ.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng được HP PPGD Hóa học bằng tiếng Anh ở các trường PTTH giúp cho SV có cơ hội tham gia giảng dạy ở một số trường quốc tế trong nước.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021 BM SPHH sẽ có kế hoạch bổ sung HP PPGD Hóa học bằng tiếng Anh,

tăng cường bổ sung trong đề cương các HP chuyên ngành Hóa học phương pháp tiếp cận tiếng Anh qua các seminar để giúp SV có cơ hội tham gia giảng dạy ở một số trường quốc tế trong nước sau khi TN.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

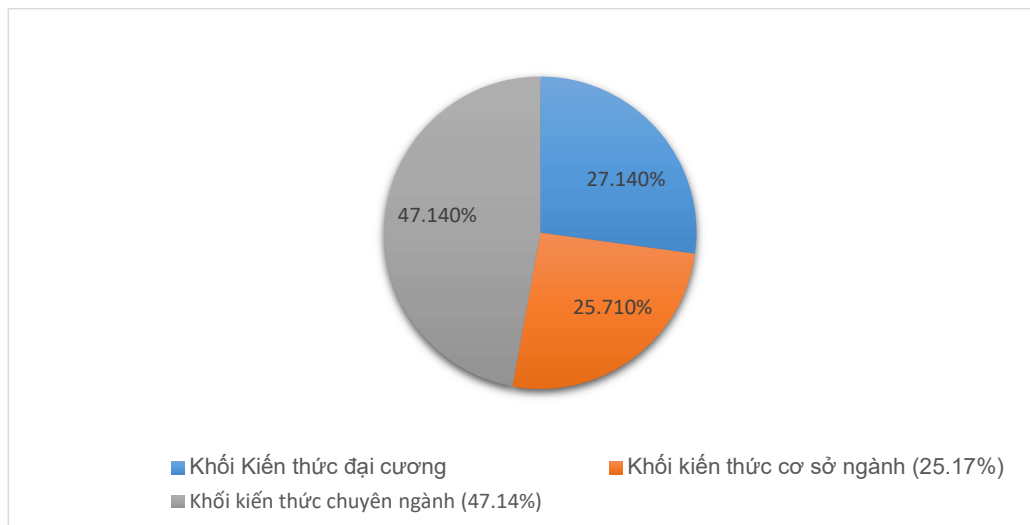
Tiêu chí 3.3 CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

Mô tả:

Như đã trình bày trong tiêu chí 3.1, năm 2018, CTĐT ngành SPHH được thiết kế theo định hướng tiếp cận năng lực SV có 85 HP gồm 140 tín chỉ, trong đó có 10 tín chỉ tự chọn, trung bình 17,5 tín chỉ/1 học kỳ (nếu tính trên 8 học kỳ). Tỷ lệ khối kiến thức đại cương chung và cơ sở ngành chiếm 52,86%, kiến thức chuyên ngành chiếm 47,14% khối lượng chương trình (Hình 3.2), mỗi học kỳ SV có thể đăng ký học từ 14 đến 20 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình. Trường ĐHCT có thêm học kỳ hè. Học kỳ này kéo dài 7 tuần, tạo điều kiện cho SV có thể học thêm một số tín chỉ để hoàn thành chương trình sớm hoặc đúng tiến độ. Trước khi xây dựng được CĐR và CTDH, BM SPHH đã tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (SV năm cuối, giáo viên dạy hóa học ở các trường THPT, lãnh đạo phòng ban các Sở Giáo dục và Đào tạo), làm cơ sở thực tiễn. Khoa SP cũng đã tổ chức nhiều phiên họp, thảo luận và lấy ý kiến góp ý từ hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa SP [H3.03.03.01] và cuối cùng là góp ý của HĐKH đào tạo Nhà trường để nhóm biên soạn chỉnh sửa và trình duyệt. Trong quá trình xây dựng CĐR, khoa SP đã tổ chức nhiều đợt tập huấn với sự hỗ trợ của các chuyên gia trong nước và ngoài nước, qua đó đã giúp cho nhóm biên soạn có thêm kỹ năng viết CĐR và thiết kế CTĐT [H3.03.03.02]. Khi xây dựng chương trình Khoa đã có sự phân tích đối sánh với CTĐT ngành SPHH của các trường ĐH trong nước [H3.03.01.03].

Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành. SV có thời gian hợp lý trong việc học tập trên giảng đường và thực hiện các hoạt động thực hành trong các PTN, kiến tập và thực tập tại các trường THPT. Chương trình còn cung cấp cho SV kinh nghiệm chuyên môn và kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, tư duy, và khả năng làm việc nhóm), trách nhiệm đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp, và cam kết học tập suốt đời để đạt được thành công trong bất kỳ môi trường làm việc nào. Nhìn chung, CTDH ngành SPHH,

trường ĐHCT được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý tỷ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành, trải nghiệm. Tích hợp nhiều nội dung kiến thức và kỹ năng học tập và phát triển năng lực SV.



Hình 3.2 Sơ đồ tỷ lệ phân bổ các khối kiến thức

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTĐT ngành SPHH được cấu trúc đảm bảo logic giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; đảm bảo tính tích hợp giữa mạch nội dung kiến thức với phát triển năng lực SV. Các HP trong CTĐT được bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 4 năm 1 lần.

3. Điểm tồn tại

CTĐT từ năm 2007 trở về trước còn mang nặng tính lý thuyết, chưa có nhiều tiết thực hành, kỹ năng. CTĐT ĐH ngành SPHH theo hướng tiếp cận năng lực mới được thực hiện nhiều năm và từng bước dần thay đổi nhưng vẫn chưa lường trước được những khó khăn tiềm ẩn xuất hiện, đặc biệt dù có sự đánh giá sản phẩm SV ra trường từ các trường THPT và các Sở Giáo dục và Đào tạo, nhưng vẫn chưa có sự so sánh sản phẩm của CTĐT ĐH ngành SPHH của các trường trong khu vực và quốc tế do việc tiếp cận chương trình còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

BM SPHH tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng về chất lượng SV khi tiếp nhận công việc giảng dạy hằng năm, bắt đầu từ 2020. Tăng cường tham khảo và đối sánh với CTĐT ĐH ngành SPHH của các trường ĐH khu vực và trong nước.

5. Tự đánh giá: mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung CTĐT ngành SPHH được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, có tham khảo đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong nước, bám sát MT, CDR. Chương trình được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các BLQ. Các học phần trong CTDH ngành SPHH được cấu trúc đảm bảo sự logic giữa các HP, giảm tải các nội dung hàn lâm, tích hợp về kiến thức và năng lực SV, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CDR đã công bố.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3: 4,67/7.

TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn theo quan điểm lấy SV làm trung tâm, PPDH đa dạng và sáng tạo, đáp ứng CĐR đã được trường ĐHCT tuyên bố trong các CTĐT. Đặc biệt, ngành SPHH chú trọng hơn đến PPDH phát triển năng lực SV, nhấn mạnh các CĐR với 5 cấp độ nhận thức: (1) biết/nhớ; (2) hiểu; (3) vận dụng; (4) phân tích/tổng hợp; (5) đánh giá.

CTĐT ngành SPHH được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, bám sát MT đào tạo và CĐR của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 4.1 Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các BLQ

1. Mô tả

Nghị quyết số 29 (NQ 29-NQ/TW) Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI năm 2013 xác định MT của GDĐH là “*tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của SV*”. Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29, Đại hội Đảng lần thứ XII cũng đã đề ra phương hướng “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất SV*”.

Theo phương hướng đó, Trường ĐHCT với vai trò là cơ sở đào tạo ĐH và sau ĐH trọng điểm quốc gia tại ĐBSCL, là trung tâm văn hóa, khoa học-kỹ thuật của vùng, đã không ngừng xây dựng và phát triển các cách tiếp cận giảng dạy, học tập dành cho GV và SV của trường, phù hợp với yêu cầu mới đặt ra đối với GDĐH. Từ năm 2007, Trường ĐHCT đã hoàn thiện mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ dựa trên “Quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” do BGDĐT ban hành năm 2007. Triết lý sâu xa của mô hình đào tạo này là việc áp dụng quan điểm lấy SV làm trung tâm trong quá trình dạy và học.

MT giáo dục của trường được ghi rõ trong báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHCT tháng 6 năm 2017 [H4.04.01.01] và đề án Quy hoạch phát triển Trường ĐHCT trọng điểm đến 2022, tầm nhìn 2030 [H4.04.01.02].

MT giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong MT đào tạo của Khoa là đào tạo SV trở thành những giáo viên, những nhà giáo dục có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có năng lực giảng dạy và học tập suốt đời, có nhân cách và phẩm chất tốt.

MT giáo dục của khoa được chi tiết hóa trong MT đào tạo của BM và thể hiện trong các CDR của CTĐT và đề cương HP [H1.01.01.03]. Trong mỗi đề cương đều có mô tả rõ ràng MT, CDR, nội dung HP, PPGD, nhiệm vụ SV, các hình thức kiểm tra đánh giá, tài liệu tham khảo và hướng dẫn tự học giúp SV dễ dàng trong việc lập kế hoạch học tập, luôn chủ động và định hướng tốt trong việc xây dựng kiến thức. Tất cả những thông tin về tầm nhìn, sứ mạng của trường, MT đào tạo của Trường đều được công bố trên website của trường và trong báo cáo thường niên năm 2018 [H4.04.01.03] đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các BLQ [H1.01.01.06].

Việc thiết kế CTĐT cho phép SV được tự do xây dựng kế hoạch học tập, sao cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của từng SV trong từng học kỳ [H4.04.01.04]. Hầu hết các HP trong CTĐT ngành SPHH đều có phần lý thuyết kết hợp với thực hành tại PTN, qua đó giúp nâng cao kỹ năng thực hành cho SV. Các HP đều có đề cương chi tiết và đều được công bố chi tiết trên trang web của trường [H1.01.01.05].

Đầu năm học trường ĐHCT, khoa SP đều có tổ chức các buổi sinh hoạt để hướng dẫn cho SV mới về chiến lược học tập theo hệ thống tín chỉ và sinh hoạt cho tất cả SV các khóa cũ về những điểm cần lưu ý trong quá trình học tập theo hệ thống tín chỉ [H4.04.01.06]. Ngoài ra, SV có thể tham khảo chi tiết về học chế tín chỉ thông qua Quy chế học vụ. [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

MT giáo dục của Nhà trường và của CTĐT ngành SPHH được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, các văn bản ban hành, sổ tay SV, HV, ... đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Công tác quảng bá, truyền thông về MT giáo dục của Nhà trường tới các BLQ đôi khi chưa hiệu quả.

Việc khảo sát lấy ý kiến của các BLQ còn hạn chế, chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm Trường ĐHCT và khoa SP tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn như tổ chức hội nghị, báo cáo chuyên đề ...

để các BLQ đều có thể biết đến Trường ĐHCT và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu một cách dễ dàng.

- Từ năm học 2020-2021, 2 năm 1 lần, BM SPHH sẽ tổ chức các buổi tọa đàm với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về MT giáo dục, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh MT, chương trình, CDR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 4.2 Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả

Khi thay đổi CTĐT, Trường ĐHCT đã ban hành những quy định về CTĐT và những CDR tương ứng. Các CTDH được BM SPHH thiết kế tương thích và đạt được các CDR, các GV sử dụng đa dạng các PPGD tùy vào đặc điểm của từng lớp HP, trình độ và số lượng SV trong lớp nhằm giúp SV chủ động tiếp thu lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR thể hiện rõ trong CTĐT [H1.01.01.03].

Một số HP thực hành, tập giảng... được tổ chức giảng dạy trực tiếp trên PTN, phòng tập giảng của BM để tăng cường kỹ năng thực hành của SV, từ đó hình thành các kỹ năng, kỹ xảo mà SV sẽ phải thực hiện trong hoạt động nghề nghiệp sau này [H4.04.02.01].

HP luận văn tốt nghiệp nhằm giúp SV tiếp cận với việc giải quyết trọn vẹn một vấn đề NCKH [H4.04.02.02]. Trong CTĐT mỗi SV vào năm cuối trong thời gian học của mình phải thực hiện 01 luận văn tốt nghiệp hoặc tiểu luận tốt nghiệp, cá nhân mỗi SV sẽ phải thực hiện độc lập đề tài mình đã chọn. Sau đó SV làm đề tài sẽ đến gặp GV được phân công hướng dẫn để trao đổi thảo luận chi tiết đề tài của mình [H4.04.02.03] Để có thể hoàn thành luận văn tốt nghiệp, SV phải chủ động tìm và đọc tài liệu, tự học thêm phương pháp phân tích, thống kê số liệu, viết và trình bày kết quả nghiên cứu. Các hoạt động này đều giúp SV có được các kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề. Ngoài tiểu luận tốt nghiệp, SV chọn học ba môn, mỗi môn hai tín chỉ (tương đương 6 tín chỉ) thay thế tiểu luận và luận văn, để hoàn thành số tín chỉ bắt buộc trước khi tốt nghiệp, được qui định trong CTĐT. HP KTSP và HP TTSP là một HP bắt buộc của CTĐT, SV sẽ có 04 tuần KTSP không tập trung và 8 tuần TTSP tập trung tại trường PTTH để dự giờ, học hỏi kinh nghiệm, tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp về công

tác GVCN và công tác giảng dạy chuyên môn [H4.04.02.04].

Các hoạt động đoàn thể, đội, nhóm còn giúp SV rèn luyện các kỹ năng như giao tiếp, phối hợp trong công việc, tác phong làm việc chuyên nghiệp... các kỹ năng này đều được đánh giá và theo dõi trong suốt quá trình học tập tại trường của mỗi SV thông qua phiếu đánh giá điểm rèn luyện của SV [H4.04.02.05].

Để đánh giá mức độ hài lòng của GV, SV với các hoạt động dạy và học cũng như PP dạy và học được sử dụng trong CTĐT, trường, khoa và BM SPHH tổ chức thu thập ý kiến của các BLQ qua nhiều kênh thông tin. Hệ thống lấy ý kiến khảo sát trực tuyến của trường thu thập ý kiến của từng SV về việc giảng dạy của GV đối với các HP mà SV đã đăng ký trong học kỳ. GV có thể xem được kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá của SV của từng HP mình đã dạy trong học kỳ, xếp hạng của từng tiêu chí, những nhận xét góp ý của SV liên quan đến HP [H4.04.02.06]. Ngoài hệ thống khảo sát trực tuyến, SV còn có thể phản ánh về nhiều vấn đề khác nhau thông qua các buổi họp lệ với CVHT [H4.04.02.07], họp đầu học kỳ với Khoa và với Trường.

Bên cạnh đó, hàng năm, BM SP Hóa học còn chỉ đạo CVHT tổ chức buổi với SV để tổng kết năm học, trao đổi những kinh nghiệm học tập có hiệu quả các môn chuyên ngành vào cuối năm học [H4.04.02.08].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học được GV, SV sử dụng đa dạng, linh hoạt, CTĐT có nhiều HP thực tập, thực hành, GV và SV có tham gia các hoạt động NCKH.

Các hoạt động dạy - học thường được GV thiết kế, điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng HP nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

3. Điểm tồn tại

Một số HP đại cương (như hóa cơ sở 1, hóa cơ sở 2...) có các hoạt động dạy và học của chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực tế nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế chưa cao.

Chưa thường xuyên tổ chức hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực SV cho khối ngành SP.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2019-2020, 2 năm 1 lần, KSP, BM SPHH tổ chức lấy ý kiến với các BLQ để giới thiệu về MT, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh MT, chương trình, CDR cho sát với yêu cầu thực tiễn.

- Hàng năm tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, trao đổi với SV về đổi mới các PPDH theo hướng phát triển năng lực.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 4.3 Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV

1. Mô tả

Nhằm tăng cường việc học tập suốt đời và kỹ năng nghề nghiệp cho SV, việc thiết kế CTĐT có chú trọng các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của SV, cụ thể là 100% đề cương chi tiết các HP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp học phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm và nâng cao khả năng học tập suốt đời cũng như 100% đề cương chi tiết các HP mô tả hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

Phần lớn các HP trong khối kiến thức chuyên ngành là nền tảng, cơ sở để SV có thể tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn là các HP như hóa cơ sở hóa phân tích, hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa lý. Khối kiến thức cơ sở ngành này giúp SVTN có thể tìm được việc và phát triển nghề nghiệp của mình ở một ngành khác thuộc khối ngành tự nhiên như làm việc ở các cửa hàng hóa chất, làm việc ở các trung tâm phân tích mẫu, ...

NCKH được trường khuyến khích để giúp SV từng bước tiếp cận được với thế giới khoa học, kết nối các kiến thức đã học với những vấn đề đặt ra trong đời sống. Dưới sự hỗ trợ, động viên của GV, hàng năm SV có thể đề xuất đăng ký thực hiện các đề tài NCKH [H4.04.03.01] để phát triển tư duy phản biện trong việc nhận định, đánh giá và phân tích các vấn đề từ đó giúp SV của mình đạt được CĐR.

Một trong những điều kiện quan trọng để SV ngành SPHH có tốt nghiệp ra trường, là phải có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) đạt được tương đương trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu [H4.04.03.02]).

Tự học đóng một vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược dạy và học theo hệ thống tín chỉ nhằm giúp người học đạt được CĐR. Nguyên tắc của hệ thống đào tạo tín chỉ đòi hỏi SV phải có 2 giờ tự học tương ứng với 1 giờ lên lớp đã được mô tả rõ ràng trong CTĐT ngành SPHH K45. [H4.04.03.02].

Ngoài ra, việc đánh giá năng lực của SV trong mỗi học kỳ không chỉ dựa trên kết quả thi các HP mà còn dựa vào các hoạt động ngoại khóa, SV cần phải tham gia một số

các hoạt động xã hội và hỗ trợ cộng đồng để nhận được điểm rèn luyện **[H4.04.03.03]**.

Trường ĐHCT có các quy định rõ về việc công nhận kết quả của SV khi SV tham gia một hoặc hai học kỳ ở các trường khác **[H4.04.03.04]**. Trường có quỹ học bổng khuyến khích SV tham gia các chương trình trao đổi SV với các trường quốc tế **[H4.04.03.05]** Khoa và BM SPHH cũng không ngừng đẩy mạnh công tác trao đổi SV với các trường ĐH tại Nhật và tại Thái lan **[H4.04.03.06]** nhằm tạo nguồn động lực thúc đẩy SV không ngừng nỗ lực học tập, tạo sự đa dạng trong môi trường học tập và tạo cơ hội cho SV có thể được tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn tại các trường ĐH ở nước ngoài để tìm kiếm cơ hội tốt cho bản thân trong tương lai.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của KSP và BM SPHH đưa ra đã tạo động lực cho SV rèn luyện các kỹ năng, giúp SV có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp SV tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chỉ chú trọng đến việc học kiến thức, xem nhẹ việc rèn luyện các kỹ năng trong quá trình học tập, đặc biệt là các kỹ năng mềm.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm khoa SP, BM SPHH tổ chức buổi hội thảo, trao đổi với SV về kỹ năng giúp SV tự tin hơn, phát huy những điểm mạnh của bản thân .

Khoa SP, BM SPHH, GV tiếp tục sử dụng linh hoạt các hoạt động dạy và học, khuyến khích SV làm NCKH dưới nhiều hình thức (đăng ký đề tài NCKH cấp trường theo nhóm SV, làm LVTN trước khi ra trường ...), tạo động lực cho SV hình thành ,phát triển kỹ năng nghề nghiệp cũng như nền tảng vững chắc để nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Với MT giáo dục rõ ràng, Khoa SP và Bộ môn SPHH đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các BLQ để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tổ chức các hoạt động gắn NCKH, hoạt động gắn kết với CTĐT nhằm rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của SV. Bên cạnh đó, BM SPHH cần tạo các môi trường giúp SV có thể đi tìm hiểu các trường THPT ngay từ năm thứ nhất, có

cái nhìn thực tế về nghề dạy học; tổ chức những hội nghị, hội thảo về cải tiến CTĐT cho SV và cách dạy học cho GV theo tiếp cận CDIO.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 4: 5,00/7.

TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của SV đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Do đó, việc đánh giá kết quả học tập SV ngành SPHH được Trường và Khoa chú trọng bắt đầu từ khâu tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp. Việc đánh giá được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CDR của CTĐT. Trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV và được thông báo công khai trước mỗi khóa học và trước khi học mỗi HP. Trong quá trình đánh giá sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV nhằm giúp SV có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập của SV. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của ngành SPHH – Trường ĐHCT nhận được sự phản hồi tốt của các BLQ (GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng,..).

Tiêu chí 5.1 Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả

Việc đánh giá người học của ngành SPHH luôn được thực hiện xuyên suốt và có hệ thống từ khi tuyển sinh đầu vào, trong quá trình đào tạo cho đến khi tốt nghiệp ra trường. Hệ thống đánh giá người học được thực hiện như sau:

Trước khi vào học

Để có đủ năng lực để đạt được các kết quả học tập mong đợi của CTĐT ngành SPHH, những ứng viên muốn vào học ngành SPHH trước hết phải vượt qua kỳ thi tuyển sinh chung của Bộ và có tổng số điểm của tổ hợp 3 môn đạt được một chuẩn nhất định do Trường quy định cho ngành học.

Năm 2015, tuyển sinh đầu vào ngành SPHH có 4 tổ hợp xét tuyển: Toán - Lý - Hóa ; Toán – Hóa – Sinh; Toán – Hóa – Anh và Toán – Hóa – Pháp. Năm 2016, 2017 chỉ gồm 2 tổ hợp Toán - Lý - Hóa và Toán – Hóa – Sinh. Từ năm 2018 đến năm 2020, việc tuyển sinh đầu vào có thêm hai tổ hợp là Toán, Hóa, Anh và Toán, Hóa, Pháp [H5.05.01.01]. Sự thay đổi này cũng nhằm đạt được MT đào tạo là SV sẽ trở thành GV có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành và

đồng bộ với CĐR của chương trình là SV phải đạt trình độ ngoại ngữ nhất định khi tốt nghiệp [H1.01.01.03].

Trong quá trình học

Nhằm giúp SV biết rõ những MT sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp, Trường đã công bố CTĐT của ngành SPHH trong đó mô tả chi tiết CĐR của SV sau khi tốt nghiệp và danh sách tất cả các HP của ngành [H1.01.01.03]. Đồng thời, Trường cũng đã công bố các đề cương chi tiết của các HP bao gồm các thông tin về MT của HP, cấu trúc HP cũng như quy định về cách đánh giá HP của GV giảng dạy HP [H2.02.02.02]. Để đảm bảo phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT, việc đánh giá người học của ngành SPHH được thực hiện xuyên suốt và có hệ thống trong suốt quá trình đào tạo cho đến khi tốt nghiệp ra trường. Cụ thể như sau.

Trong thời gian học tập, SV trải qua quá trình đánh giá mức độ hoàn thành từng HP trong CTĐT. GV phụ trách HP đánh giá SV dựa trên mức độ đạt được CĐR của mỗi HP. Việc đánh giá kết quả học tập các HP được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm báo cáo seminar, điểm thi giữa HP và điểm thi kết thúc HP nhằm đánh giá mức độ đạt được CĐR một cách toàn diện nhất [H5.05.01.02]. Thi kết thúc HP là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50% [H3.03.02.01]. Việc đánh giá quá trình học tập liên tục và bằng nhiều hình thức giúp việc đánh giá SV được toàn diện hơn, cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV, kích thích SV không ngừng phấn đấu để đạt kết quả tốt hơn trong học tập.

Các công tác tổ chức thi học kỳ, đánh giá kết quả học tập của SV được quy định cụ thể trong Quy định Công tác học vụ và Khung kế hoạch công tác năm học của Trường được công bố vào đầu năm [H3.03.02.01], [H5.05.01.03]. Trong thời gian tổ chức thi học kỳ, KSP đều tổ chức các đoàn kiểm tra công tác coi thi, đảm bảo kỳ thi diễn ra đúng theo Quy định công tác học vụ đã được Trường ban hành [H5.05.01.04]. Hoạt động của các tổ giám sát thi học kỳ ở Khoa cũng phải được báo cáo về cho Trường [H5.05.01.05].

Trước khi hoàn thành CTĐT, SV phải đi TTSP tại một trường phổ thông để thu thập các kinh nghiệm thực tế và làm quen với công việc giảng dạy [H5.05.01.06]. Việc đánh giá quá trình thực tập của mỗi SV do một hoặc hai giáo viên tại trường SV thực tập thực hiện [H5.05.01.07]. SV được đánh giá chủ yếu về hai mặt: giảng dạy và công tác chủ nhiệm. Sau khi kết thúc mỗi đợt TTSP, Khoa đều có Báo cáo tổng kết về tình hình TTSP

của SV, đúc kết lại những thuận lợi, khó khăn và đề ra các giải pháp khắc phục các hạn chế để các đợt TTSP về sau ngày càng tốt hơn [H5.05.01.08].

Ngoài ra, SV SP phải thực hiện luận văn tốt nghiệp 10 tín chỉ hoặc hoặc học một số HP để đạt được khối kiến thức tương đương [H3.03.02.01]. SV làm luận văn phải bảo vệ kết quả nghiên cứu trước một hội đồng đánh giá luận văn. Việc bảo vệ sẽ được công khai trước hội đồng nhằm đánh giá tổng thể những kỹ năng và kiến thức CĐR của CTĐT đã quy định [H3.03.02.01], [H5.05.01.09]. Nếu SV làm tiểu luận thay thế luận văn tốt nghiệp thì cũng phải nộp kết quả nghiên cứu cho hội đồng chấm tiểu luận.

Điểm trung bình các HP dùng để xếp loại học tập của SV [H3.03.02.01]. Ngoài ra, mỗi SV sẽ được xét điểm rèn luyện cuối mỗi học kỳ để đánh giá vào quá trình phấn đấu, học tập và tham gia các phong trào của lớp, Khoa, Trường và cộng đồng. Điểm rèn luyện không được tính vào kết quả học tập của SV mà được dùng để khen thưởng và xét học bổng [H3.03.02.01], [H5.05.01.10].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT đã ban hành các quy định, quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của SV đồng thời BM SPHH cũng đã xây dựng đầy đủ đề cương chi tiết các HP trong đó nêu rõ MT/CĐR của HP và các hình thức đánh giá KQHT phù hợp với mục tiêu/ CĐR của HP đó.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá KQHT của SV được GV thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR và các phương thức đánh giá HP đã được công bố công khai trong đề cương chi tiết HP. Để đảm bảo GV thực hiện việc ĐG HP đúng như những gì đã công bố trong đề cương chi tiết, trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của SV về hoạt động dạy học của GV. Tuy nhiên, do tỉ lệ SV tham gia lấy ý kiến còn thấp nên kết quả thu được từ việc lấy ý kiến này chưa mang lại nhiều giá trị. Nhận thấy được vấn đề này, từ học kỳ 1 năm học 2019-2020 BM SPHH đã tiến hành rà soát công tác đánh giá HP của các GV ở BM.

4. Kế hoạch hành động

- Khắc phục tồn tại: Trường cần có quy định để đảm bảo tất cả SV của lớp HP tham gia lấy ý kiến trực tuyến về hoạt động GD của GV để kết quả lấy ý kiến thu được có giá trị, từ đó giúp trường, khoa kiểm đảm bảo được việc ĐG KQHT của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

- Phát huy điểm mạnh: GV thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức đánh giá KQHT để đảm phương pháp ĐG KQHT luôn phù hợp với CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: mức 6/7.

Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của SV (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV

1. Mô tả

Nhằm ĐBCL đào tạo, Trường ĐHCT đã ban hành những quy định cụ thể về vấn đề đánh giá KQHT và công bố công khai tới SV với nhiều hình thức khác nhau.

Lịch trình giảng dạy, công tác và đặc biệt là công tác kiểm tra đánh giá SV của toàn Trường được hoạch định rõ ràng, chi tiết cho từng năm học. Các thông tin này được công bố cho tất cả cán bộ và SV trong toàn trường vào đầu năm và đầu mỗi học kỳ trên trang thông tin điện tử của trường [H5.05.01.03], [H5.05.02.01].

Theo quy định trong Quy chế công tác học vụ dành cho SV ĐH hệ chính quy do Trường ban hành [H3.03.02.01], việc đánh giá KQHT dựa trên điểm số của các HP. Hình thức đánh giá HP, trọng số các điểm thành phần do GV đề xuất, trưởng BM, trưởng khoa quản lý HP duyệt và công bố trong đề cương chi tiết HP [H2.02.02.02]. Cả Quy chế công tác học vụ dành cho SV ĐH hệ chính quy và Đề cương chi tiết các HP đều được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường để SV dễ dàng tiếp cận [H5.05.02.02], [H5.05.02.03]. Trường ĐHCT cũng ban hành các quy định về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập, cụ thể là về công tác tổ chức thi, chấm thi, quản lý bài thi, hồ sơ và kết quả thi. Các quy định này cũng được phổ biến đến SV qua Quy chế công tác học vụ dành cho SV [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Trường, BM đã ban hành đầy đủ các quy định về vấn đề đánh giá KQHT của SV các. Các quy định này đều được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường đồng thời GV cũng thông báo đến SV những quy định này.

3. Điểm tồn tại

Chưa nhận thấy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Phát huy điểm mạnh: Thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp với CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: mức 7/7.

Tiêu chí 5.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Hàng năm, Trường ĐHCT đều ban hành Quy định công tác học vụ dành cho SV trong đó có quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng HP cũng như các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H3.03.02.01].

Việc đánh giá KQHT được thực hiện thông qua đánh giá kết quả các HP. Mỗi HP có MT riêng về kiến thức, kỹ năng và thái độ nên phương thức đánh giá của các HP khác nhau cũng sẽ khác nhau nhằm phù hợp với mức độ đạt được CDR. Phương thức đánh giá HP được mô tả chi tiết trong đề cương chi tiết các HP [H2.02.02.02]. Bên cạnh đó, để hỗ trợ GV thực hiện tốt các công tác đánh giá KQHT của SV, Trường đã ban hành quyển Sổ tay GV trong đó hướng dẫn chi tiết về phương pháp đánh giá KQHT [H5.05.03.01].

Sự đa dạng trong việc sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT của SV được thể hiện trong Bảng 5.1 [H5.05.03.02].

HP Hóa Cơ Sở 1 là HP lý thuyết nên điểm thành phần được chia thành 2 phần: điểm giữa kỳ 30%, điểm cuối kỳ 70% như đối với đa số các HP lý thuyết khác và phù hợp với quy định trong Quy định công tác học vụ. Về hình thức đánh giá HP, do đặc thù của ngành SPHH là SV sau khi ra trường sẽ đi dạy, SV cần được rèn luyện kỹ năng lập luận có logic, nói/viết đều phải rõ ràng, mạch lạc nên tất cả các HP lý thuyết trong CTĐT của ngành đều được thiết kế hình thức thi kết thúc HP là thi viết (tự luận). Đối với HP TT Hóa Cơ Sở là HP về thực hành, đòi hỏi SV phải có mặt trong tất cả các buổi TT nên trong thang điểm của HP có thêm điểm chuyên cần để khuyến khích sự chuyên cần của SV. Về hình thức thi cuối kỳ với các HP thực tập nói chung, BM SPHH không quy định phải thi tự luận (có thể chọn hình thức thi trắc nghiệm). Tuy nhiên do HP Thực tập hóa đại cương là HP thực tập đầu tiên và nền tảng của SV SPHH, đòi hỏi SV phải nắm vững kiến thức và kỹ năng thu nhận được từ HP này nên phần đánh giá kết thúc HP phải là thi viết để GV có thể đánh giá chính xác mức độ SV đạt được yêu cầu của HP.

Bảng 5.1 So sánh cách đánh giá KQHT giữa HP Hóa cơ sở 1 và HP Thực tập hóa đại cương

	HP Hóa cơ sở 1	HP Thực tập hóa đại cương
Điểm thành phần của HP (trọng số)	- Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%). - Điểm thi kết thúc HP (70%).	- Điểm chuyên cần (10%). - Điểm lý thuyết thực hành (30%). - Điểm thi kết thúc HP (60%).
Hình thức đánh giá	- Điểm kiểm tra giữa kỳ: bài tập, kiểm tra giữa kỳ. - Thi kết thúc HP: thi tự luận (bắt buộc)	- Điểm chuyên cần: đánh giá qua khâu chuẩn bị thí nghiệm, phức trình thực tập. - Thi lý thuyết thực hành: kiểm tra trắc nghiệm khách quan. - Thi kết thúc HP: thi viết (bắt buộc).

Điểm HP của SV được GV công bố công khai cho SV thông qua trang thông tin điện tử của BM đồng thời GV sắp xếp lịch hẹn với SV để giải quyết các khiếu nại về điểm số [H5.05.03.03]. Sau khi giải quyết hết các khiếu nại về điểm của SV, GV nhập điểm lên hệ thống quản lý của Trường đồng thời nộp bảng điểm có chữ ký của SV để Khoa lưu trữ [H5.05.03.04]. Bài thi cuối kỳ của SV được Khoa lưu trữ lại để phục vụ cho công tác QLCL [H5.05.03.05] (chưa chụp).

Vào cuối mỗi học kỳ Trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của SV về hoạt động giảng dạy của GV [H5.05.03.06]. Các thông tin thu thập được là một kênh thông tin phản hồi cần thiết giúp GV điều chỉnh lại PPGD phù hợp hơn, sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng hơn, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Tuy nhiên tỉ lệ SV tham gia khảo sát thấp nên kết quả khảo sát thu được không mang tính đại diện cho đa số SV đang theo học ngành SPHH [H5.05.03.07].

Bên cạnh hoạt động lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của SV vào cuối mỗi học kỳ, Khoa SP và BM SPHH cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ vào mỗi năm (gồm GV và SV SPHH) về phương pháp ĐG KQHT của GV ở BM SPHH [H5.05.03.08], [H5.05.03.09]. Kết quả khảo sát năm 2018 được trình bày trong Bảng 5.2.

Kết quả khảo sát cho thấy hơn 50% SV và GV đều cho rằng việc ĐG KQHT của GV ở BM SPHH là đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng (đạt hài lòng

ở mức 4).

Bảng 5.2 Tổng hợp KQ khảo sát ý kiến SV về việc ĐG KQHT trong CTĐT SPHH

Câu hỏi khảo sát	% Người hài lòng theo các mức				
	①	②	③	④	⑤
Phương pháp ĐG KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng?	0.0	5.7	24.5	50.9	18.9

Ghi chú:

- Tổng số người trả lời khảo sát: 53

- Mức 1 = rất kém, Mức 2 = kém, Mức 3 = trung bình, Mức 4 = tốt, Mức 5 = rất tốt.

Về việc tổ chức thi kết thúc HP, đối với các HP chung của nhiều chuyên ngành sẽ được Khoa quản lý HP sắp xếp. Đối với các HP riêng lẻ, GV giảng dạy HP tự sắp xếp để tổ chức thi và chịu trách nhiệm hoàn toàn công tác ĐG. Nhằm đảm bảo độ giá trị và sự công bằng trong hoạt động ĐG kết quả học tập của các HP riêng lẻ, từ học kỳ 1 năm học 2019-2020, BM yêu cầu GV kiểm tra sự phù hợp của đề thi, đáp án, thang điểm với CDR HP và đề cương đã công bố thông qua việc lập biên bản rà soát đề thi, đáp án, thang điểm và gửi về cho Trưởng BM xét duyệt [H5.05.03.10], H5.05.03.11].

Bảng 5.3 Tổng hợp KQ khảo sát ý kiến GV về việc ĐG KQHT trong CTĐT SPHH

Câu hỏi khảo sát	% Người hài lòng theo các mức				
	①	②	③	④	⑤
ĐG KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng?	0.0	6.7	0.0	60.0	33.3

Ghi chú:

- Tổng số người trả lời khảo sát: 15

- Mức 1 = đáp ứng <30%, mức 2 = đáp ứng 30-<50%, mức 3 = đáp ứng 50%, mức 4 = đáp ứng >50-80%, mức 5 = đáp ứng >80%.

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá KQHT của ngành SPHH sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá dựa trên CDR và các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực.

3. Điểm tồn tại

Chưa có hoạt động khảo sát lấy ý kiến của SV đã tốt nghiệp về hình thức đánh giá KQHT đối với từng HP, đảm bảo việc đánh giá KQHT của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Khắc phục tồn tại: thực hiện khảo sát lấy ý kiến của SV đã tốt nghiệp về hình thức đánh giá KQHT đối với từng HP, đảm bảo việc đánh giá KQHT của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.

- Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực, đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập và sử dụng phù hợp với đối tượng, tiến tới chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm tra, đánh giá trong đào tạo.

5. Tự đánh giá: mức 4/7.

Tiêu chí 5.4 Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Bắt đầu mỗi năm học, Trường đều ban hành Kế hoạch công tác khung năm học trong đó có yêu cầu GV cần hoàn thành công tác giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của SV theo đúng tiến độ đã định [H5.05.01.03].

Các quy trình đánh giá kết quả học tập được quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo các quy trình được thực hiện theo đúng kế hoạch, để kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV đảm bảo SV có điều kiện cải thiện kết quả học tập. GV phải trả bài kiểm tra và bài thi trước lớp; nhập điểm HP vào hệ thống quản lý trực tuyến theo quy định của Trường [H3.03.02.01].

Trường có Hệ thống quản lý, đảm bảo quản lý kết quả học tập của SV chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của SV dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.01]. Bảng điểm của từng HP của SV được Trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở Khoa, lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường. Kết quả học tập được thông báo kịp thời đến SV qua tài khoản của SV trên trang web của Trường.

Trường có quy định về việc thông báo, cảnh báo học vụ đối với các SV theo từng học kỳ, nhằm thông báo cho SV có kết quả học tập kém biết và có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời Trường cũng có quy định tạo điều kiện cho SV có thể học lại và học cải thiện điểm để cho SV đạt kết quả học tập tốt nhất [H3.03.02.01].

Để nắm tình hình học tập của SV và hỗ trợ SV trong quá trình học tập Khoa đã phân công cán bộ phụ trách các lớp chuyên ngành (CVHT) [H5.05.04.02]. CVHT có trách

nhiệm ghi nhận thông tin và hỗ trợ SV giải quyết các vấn đề khó khăn trong học tập, trong đó bao gồm các vấn đề về việc phản hồi kết quả đánh giá học tập của SV.

Trường có các quy định hướng dẫn về việc đề nghị xem xét lại điểm thi từ phía SV và quy định trách nhiệm và thời gian phản hồi, Khoa là đơn vị chuyên trách giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình đánh giá. Các vấn đề liên quan đến ý kiến của SV về điểm thi đã được giải quyết kịp thời và thông tin tới SV theo đúng quy trình và thời gian quy định [H3.03.02.01].

Khoa SP và BM SPHH cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của SV về phương pháp ĐG KQHT của GV [H5.05.03.08]. Kết quả khảo sát năm 2018 được trình bày trong Bảng 5.4.

Bảng 5.4: Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến SV về việc ĐG KQHT trong CTĐT SPHH

Câu hỏi khảo sát	% Người hài lòng theo các mức				
	①	②	③	④	⑤
Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.	0.0	1.9	22.6	45.3	30.2

Ghi chú:

- Tổng số người trả lời khảo sát: 53

- Mức 1 = rất kém, Mức 2 = kém, Mức 3 = trung bình, Mức 4 = tốt, Mức 5 = rất tốt.

2. Điểm mạnh

- Kết quả học tập của SV được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác thông qua hệ thống phần mềm quản lý chuyên dụng và được sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của các bộ phận chức năng và cán bộ, GV.

- 100% SV được thông báo kết quả học tập kịp thời và được tạo điều kiện để cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Vào cuối mỗi học kỳ trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tuy nhiên trong nội dung lấy ý kiến SV chưa có câu hỏi về tiêu chí “*Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập*” nên không thu thập được ý kiến của SV về tiêu chí này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Khắc phục tồn tại: Bổ sung tiêu chí khảo sát “*Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập*” vào danh sách các câu hỏi khảo sát lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của SV về hoạt động giảng dạy của GV.

- Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục thực hiện việc quản lý, lưu trữ, phản hồi kết quả thông qua hệ thống quản lý chuyên dụng của Trường. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành CTĐT một cách tốt nhất.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 5.5 SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Điểm HP được tính từ các điểm thành phần, tối thiểu gồm 2 phần: điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc HP. Điểm kiểm tra giữa kỳ được GV công bố và giải quyết khiếu trực tiếp trên lớp trước khi kết thúc HP. Điểm thi cuối kỳ và điểm tổng kết của HP được GV công bố đến SV trên hệ thống thông tin điện tử của Trường. Nếu SV có khiếu nại về điểm số có thể liên hệ trực tiếp GV giảng dạy HP được xem lại bài thi và đáp án, thang điểm. Thời hạn khiếu nại và chỉnh sửa điểm HP được GV phụ trách HP thông báo với SV theo quy định của Trường **[H3.03.02.01]**.

Để tạo điều kiện cho SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, Trường đã có những quy định cụ thể về quy trình kiểm tra, điều chỉnh kết quả học tập của SV **[H5.05.05.01]**. Những thông tin này được GV giảng dạy phổ biến trước lớp hoặc SV có thể tự tìm hiểu trên trang thông tin điện tử của Trường **[H5.05.05.02]**.

Hằng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập của SV SPHH được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng. Các khiếu nại của SV SPHH và kết quả xử lý, giải quyết khiếu nại được BM SPHH lưu trữ đầy đủ **[H5.05.03.03]**.

2. Điểm mạnh

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về vấn đề khiếu nại kết quả học tập của SV, thông báo công khai đến SV giúp SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

- Trường và Khoa có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ SV trong quá trình giải quyết khiếu nại một cách nhanh chóng và thuận lợi.

3. Điểm tồn tại

Một số HP có hình thức đánh giá là thi vấn đáp, không lưu trữ lại bài thi của SV nên SV gặp khó khăn khi cần khiếu nại về KQHT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Khắc phục tồn tại: Trường/ Khoa hỗ trợ phương tiện để GV lưu trữ lại bài thi của SV khi SV thi vấn đáp (quay video, ghi âm) đồng thời ban hành các quy định cụ thể về phương pháp đánh giá KQHT này.

- Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của SV.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của SV bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Trường đã ban hành các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, MT từng HP; đánh giá được mức độ tích lũy của SV về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho SV. Kết quả học tập của SV được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ SV trong suốt quá trình học tập tại Trường. Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của SV, giúp SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 5: 5,40/7.

TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

KSP Trường ĐHCT được thành lập ngay những ngày đầu thành lập trường từ ngày 31 tháng 03 năm 1966. Với truyền thống hơn 50 năm đào tạo SP, KSP là cơ sở đào tạo giáo viên trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL. Chính sách tuyển dụng của KSP được công khai và cập nhật thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi các ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn GV được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. GV ngành SPHH nói riêng và GV toàn trường nói chung luôn được Nhà trường tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phát triển về mặt NCKH. Hiệu quả công việc của GV được đánh giá trên nhiều hình thức (giảng dạy, NCKH, công tác đoàn thể) và là một trong những công cụ để Nhà trường thực hiện công tác cải tiến chất lượng nhằm hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1 Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHCT đã xây dựng Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm giai đoạn 2015-2020, trong đó có quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường trong giai đoạn này. Trên cơ sở chiến lược của Trường và KSP, BM SPHH đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV ngành Hóa học. Việc quy hoạch đội ngũ GV (GV) luôn được BM chú trọng và được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hằng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng BM [H6.06.01.01].

Nhà trường có văn bản quy định tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm GV dựa trên nhu cầu nhân lực của từng đơn vị trong Trường. Các văn bản này được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.01.02]. Hàng năm, Nhà trường ra thông báo tuyển dụng và tổ chức thi tuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt. Kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng của BM được báo cáo về đơn vị và trường theo quy trình [H6.06.01.03]. Trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm từ các đơn vị, Nhà trường đã tổng hợp và ban hành thông báo tuyển dụng [H6.06.01.04]. Quy trình tuyển

dụng VC của BM SPHH tuân theo quy trình chung của phòng TCCB trường ĐHCT [H6.06.1.05]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.01.06]. Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV được quy định rõ ràng. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành [H6.06.01.07].

Căn cứ vào định hướng phát triển của Trường, Khoa, khối lượng công việc, thực trạng đội ngũ hiện có và nhu cầu của BM. BM luôn có kế hoạch phân công GV giảng dạy có trình độ chuyên môn phù hợp với HP giảng dạy. Hiện nay, đội ngũ GV BM SPHH được quy hoạch theo 4 hướng chuyên ngành bao gồm: Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa Hữu Cơ, Hóa Vô cơ - Phân tích và PPGD Hóa học. Các GV BM được bố trí vào các tổ chuyên ngành phù hợp với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm NCKH liên quan đến lĩnh vực giảng dạy [H06.06.01.08]. Hiện nay, đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành SPHH gồm 13 người, trong đó có 06 TS (chiếm 46%) và 07 Ths (chiếm 54%) (Bảng 6.1 và 6.2). Trong những năm gần đây, do chỉ tiêu tuyển sinh ngành SPHH giảm khoảng 20 SV/năm nên BM SPHH không có chỉ tiêu tuyển dụng GV mới. Tỷ lệ GV có học vị TS là 46%, đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng chuyên môn cho công tác đào tạo.

Bảng 6.1 Số lượng giảng viên

Năm học	Nam	Nữ	Tổng số		Phần trăm có bằng TS (%)
			Số lượng	FTEs	
2014-2105	8	8	16	19	25
2015-2016	6	8	14	18	36
2016-2017	6	8	14	18	36
2017-2018	6	8	14	20	43
2018-2019	6	7	13	19	46

**Cách tính FTEs: GS = 5, PGS = 3; TS = 2; ThS = 1; CN = 0,5*

Công tác NCKH cũng là một trong các tiêu chí để lập kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV. Đến nay các tổ chuyên môn của BM SPHH đều có GV có trình độ TS, đủ năng lực thực hiện các đề tài KHCN các cấp [H6.06.01.09]. Ngành SPHH cũng là một trong những ngành đi đầu trong Trường về công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.01.09].

Các chế độ và phúc lợi xã hội cho CBVC được tuyển dụng, bổ nhiệm hay miễn nhiệm được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và theo các chính sách

hiện hành của Nhà nước [H6.06.01.10]. Ngoài ra để thu hút, khuyến khích và động viên cán bộ, Nhà trường có nhiều chính sách quan tâm đến sự phát triển đội ngũ như tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các cán bộ GV hoàn thành việc bảo vệ luận án TS và được công nhận đạt chuẩn chức danh GS, PGS, cán bộ có bài báo công bố trên tạp chí quốc tế, tạp chí ISI, Scopus [H6.06.01.11].

Bảng 6.2 Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà Trường và kết quả thực hiện ở BM SPHH

Năm học	Quy hoạch nhân lực cấp Trường			Kết quả thực hiện ở BM			Đang học (GV/Tổng số GV)	
	Sau đại học	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Sau đại học	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thạc sĩ
2015	88%	29%	59%	88%	25%	63%	02/16	02/16
2017	94%	37%	57%	86%	36%	50%	01/14	02/14
2019	96%	56%	40%	100%	46%	54%	01/13	0

2. Điểm mạnh

Nhà Trường và Khoa/BM luôn chú trọng việc quy hoạch và đào tạo đội ngũ GV, chính sách tuyển dụng và quy hoạch GV học tập nâng cao trình độ. Nhà trường luôn có chính sách đãi ngộ đối với GV nhằm khuyến khích GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Quy hoạch đội ngũ của Nhà Trường được thực hiện nghiêm túc. Kết quả, đội ngũ GV ngành SPHH được quy hoạch, có chuyên môn, nghiệp vụ SP tốt, có khả năng học tập nâng cao trình độ và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Do kế hoạch tuyển dụng viên chức mới dựa trên tổng khối lượng giờ giảng của GV và số lượng SV của BM nên việc triển khai thực hiện không linh hoạt so với thực tiễn phát sinh.

4. Kế hoạch hành động

BM sẽ tiếp tục làm tốt công tác xây dựng, rà soát, lập kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nguồn cán bộ cơ hữu. Khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ đạt tiến độ phấn đấu được quy định cho GV bậc ĐH.

Cán bộ BM tăng cường các hoạt động NCKH và HTQT, nâng cao trình độ và kỹ năng NCKH nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 6.2 Tỷ lệ GV/SV và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tổng số GV tham gia giảng dạy tại ngành SPHH tính đến 12/2019 là 13 với độ tuổi bình quân là 41 tuổi; Số GV có trình độ TS là 06 (chiếm tỷ lệ 46%), ThS là 07 (chiếm tỷ lệ 54%), trong đó có 1 GV đang làm NCS trong nước [H6.06.02.01]. Tỷ lệ GV/SV của ngành SPHH luôn đảm bảo theo quy định của BGDĐT [H6.06.02.01]. Trong năm học 2018-2019 tỷ lệ GV quy đổi/SV là 1/9.42 (Bảng 6.3). Đây là một trong các căn cứ cho việc xây dựng, rà soát, bổ sung, bồi dưỡng GV cho ngành.

Nhà trường đã ban hành định mức giờ chuẩn cho GV bao gồm giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn, có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của GV [H6.06.01.10], [H6.06.01.11]. Việc thực hiện miễn giảm giờ chuẩn theo chức danh, vị trí công tác và cho GV được cử đi học cũng được quy định rõ ràng [H6.06.02.02]. Để giám sát đảm bảo GV hoàn thành giờ nghĩa vụ của năm, đầu năm học nhà Trường yêu cầu GV đăng ký khối lượng công tác bao gồm giờ đứng lớp, giờ NCKH và các công việc khác. Các công tác này được quy ra giờ chuẩn (G) theo qui định tối thiểu phải thực hiện trong một năm (Bảng 6.4). Trưởng BM SPHH giám sát giờ nghĩa vụ cũng như độ chênh lệch giờ đăng kí và phân công của mỗi GV (GV nhiều nhất và GV có giờ ít nhất) trên cơ sở giờ chuẩn qui định của Nhà Trường. Sau đó, bản đăng kí khối lượng công tác hàng năm của từng GV được trình lên cấp trên phê duyệt và thực hiện [H6.06.02.03]. Vào cuối mỗi năm học, các GV ngành SPHH đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học mới. Căn cứ theo chức danh, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, sau đó việc đánh giá được tiến hành ở BM, hội đồng Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Qua đánh giá, xếp loại, những GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao được hưởng các hình thức khen thưởng theo quy định [H6.06.02.04]. Trong 4 năm gần đây, tất cả các GV ngành SPHH đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn [H6.06.02.05]. Việc này không chỉ giúp từng GV ngành Hóa học đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn

tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

Về hoạt động cộng đồng, ngoài giảng dạy và NCKH, các GV cũng tham gia vào các phong trào tổ chức kỷ niệm, văn nghệ, thể thao được tổ chức bởi KSP và công đoàn khoa [H6.06.02.06]. Cán bộ viên chức được khuyến khích tham gia nhiều hoạt động cộng đồng như tham gia họp mặt kỷ niệm ngày thành lập hội LHPNVN 20/10, tổ chức ngày phụ nữ VN, tổ chức vui tết trung thu, tổ chức quốc tế thiếu nhi cho con em CBVC, hưởng ứng ngày GDVN, tăng cường công tác tuyên truyền cho phong trào hiến máu tình nguyện [H06.06.02.07].

Bảng 6.3 Tỷ lệ giảng viên/người học trong 5 năm 2014-2019

Năm học	Tổng số FTEs của giảng viên	Tổng số FTEs của người học	Tỷ lệ giảng viên/người học
2014-2015	19	184	1/9,68
2015-2016	18	265	1/14,72
2016-2017	18	166	1/9,22
2017-2018	20	206	1/10,30
2018-2019	19	179	1/9,42

*Cách tính: TS:2; Ths:1; CN:0,5; SV:1

Bảng 6.4 Bảng quy đổi giờ chuẩn của GV SPHH từ năm 2014-2019 [H6.06.02.05]

Năm học	Giảng dạy	NCKH	Viết sách, giáo trình, tài liệu học tập	Tổng giờ thực hiện	Số lượng GV	Số giờ chuẩn TB/GV	Số GV đạt định mức giờ chuẩn
2014-2015	8965,7	432,8	17	9415,5	16	588,5	16/16
2015-2016	8521,3	542,4	62	9125,7	14	651,8	13/14
2016-2017	8292,5	523,6	316	9132,2	14	652,3	12/14
2017-2018	9153,6	562,5	76	9792,1	14	699,4	13/14
2018-2019	7282,1	386,1	286	7954,8	13	611,9	12/13

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/người học của ngành SPHH vượt mức cao so với yêu cầu của BGDDT. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sỹ cao và tiếp tục tăng lên trong những năm tiếp theo. Các GV đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục làm tốt công tác cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của GV dựa trên việc đo lường, giám sát tỷ lệ GV/SV và khối lượng công việc. Đến năm 2023, Trường cần có cơ chế định lượng để đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 6.3 Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trường ĐHCT xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và MT phát triển của Nhà trường. Phòng Tổ chức - Cán bộ là đơn vị chuyên trách việc quản lý và nắm bắt tình hình nhân sự, tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường về công tác tổ chức và cán bộ [H6.06.03.01].

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được quy định rõ ràng, cụ thể, trong đó trọng tâm là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ theo Thông tư 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, tiêu chí tuyển dụng vị trí của GV trong trường ĐH ngày càng nâng cao. Trước kia, Nhà trường chỉ đòi hỏi ứng viên có trình độ thạc sỹ, những năm gần đây đòi hỏi ứng viên phải có trình độ từ TS trở lên mới được ưu tiên. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, kế hoạch tuyển chọn, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (Phòng TCCB) và các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.03.02].

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Ngoài ra Trường cũng xây dựng tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như trưởng Khoa/Viện, phó trưởng Khoa, trưởng và phó trưởng BM [H6.06.03.03], các tiêu chuẩn để bổ nhiệm GS, PGS, GVC cũng

được cụ thể hóa và cải tiến theo quy định của BGDDĐT [H6.06.03.04].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV.

3. Điểm tồn tại

Trong năm năm gần đây, BM không có chỉ tiêu tuyển dụng cán bộ trẻ do đó đội ngũ GV kế thừa dưới độ tuổi 30 bị thiếu hụt.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng và bồi dưỡng GV thông qua xác định tốt các tiêu chí tuyển dụng và công khai hóa các tiêu chí này, đồng thời cập nhật và bổ sung các tiêu chí mới khi cần thiết.

Đến năm 2021, Nhà Trường cần có cải tiến trong tiêu chí tuyển dụng để tạo tính liên tục trong đội ngũ kế thừa ở từng Khoa và BM.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 6.4 Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được tuyển dụng được xác định và đánh giá

1. Mô tả

Trên cơ sở quy định của nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức GV theo Thông tư số 36/2014/TTLT-BGDDĐT-BNV- ngày 28/11/2014 và Thông tư số 47/TT-BGDDĐT ngày 31/12/2014, Nhà trường có quy định rõ ràng về năng lực của GV, NCV bao gồm năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu được quy thành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Theo đó, ngoài nhiệm vụ giảng dạy và đánh giá SV, GV còn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, nội dung CTĐT và không ngừng đổi mới chất lượng dạy và học. Ngoài ra, GV cần phải tham gia NCKH, biên soạn tài liệu học tập, tham gia HTQT và đảm nhiệm công tác CVHT. Các công việc này được quy thành giờ chuẩn theo quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHCT [H6.06.02.02].

Để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, Nhà trường cũng có quy định cụ thể về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy, trong đó các GV phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng ngoại ngữ [H6.06.04.01]. GV hoàn thành tiến trình phấn đấu trước thời hạn yêu cầu của quy định sẽ được xem xét cộng điểm trong đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm. Đối với GV được tuyển dụng

trong 5 năm gần đây (từ năm 2014 về sau), khi đến thời hạn yêu cầu của quy định, nếu GV không hoàn thành các yêu cầu theo quy định mà không có lý do chính đáng sẽ có thể bị chấm dứt hợp đồng lao động. Hình thức xử lý này có mức độ nghiêm ngặt ngày càng cao. Cụ thể, đối với các GV được tuyển dụng từ năm 2013 trở về trước nếu chưa hoàn thành chương trình cao học có thể được xem xét chuyển sang vị trí việc làm khác.

Mỗi GV có nghĩa vụ hoàn thành khối lượng giờ chuẩn bắt buộc theo quy định về chế độ làm việc đối với GV ĐHCT [H6.06.02.02]. Số giờ chuẩn bắt buộc được xây dựng căn cứ vào chức danh, trình độ và hệ số lương của các GV. Trong đó, có quy định cụ thể giờ nghỉ vụ dành cho giảng dạy và NCKH. Những đơn vị, BM, cá nhân không hoàn thành giờ nghỉ vụ phải làm báo cáo giải trình và gửi về Trường thông qua Phòng Tổ chức cán bộ [H6.06.04.02].

Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về các tiêu chí và quy trình đánh giá xếp loại cán bộ viên chức [H6.06.04.03]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, sau đó được tiến hành ở BM và Lãnh đạo Khoa, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Từ đó, Nhà trường quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học [H6.06.02.04]. Việc đánh năng lực của GV còn được thể hiện thông qua kết quả tín nhiệm trong các đợt bổ nhiệm các chức vụ quan trọng ở BM, Khoa và Trường.

Cán bộ BM SPHH có năng lực tham gia nhiều đề tài NCKH cấp Bộ, đề tài hợp tác, đề tài cấp cơ sở [H6.06.01.09], [H6.06.04.04]. Công tác đánh giá NCKH của GV cũng được thực hiện theo quy trình nghiêm túc, khách quan, khoa học theo quy định và hướng dẫn cụ thể. Quy trình đăng ký, thuyết minh, thực hiện, nghiệm thu và quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ KHCN cũng được hướng dẫn và quy định rõ ràng [H6.06.01.11]. Ngoài ra, BM cũng tổ chức sinh hoạt học thuật dưới dạng báo cáo seminar ở mỗi học kỳ với các chủ đề về khoa học chuyên môn lẫn phương pháp SP, trong đó các thành viên tham dự trao đổi, chia sẻ thông tin và đóng góp ý kiến và đánh giá cho các nghiên cứu được trình bày [H6.06.04.05].

Về hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, trường cũng có quy định và yêu cầu cụ thể đối với nội dung giáo trình và chức danh, trình độ của ban biên soạn giáo trình. Cụ thể, chủ biên hoặc đồng chủ biên phải có chức danh GS, phó GS hoặc trình độ TS đúng chuyên ngành với giáo trình biên soạn, thành viên tham gia biên soạn giáo trình

phải là GV có kinh nghiệm giảng dạy nội dung biên soạn trên 3 năm. GV được tham gia biên soạn TLHT liên quan đến HP đang giảng dạy, đối với các sách chuyên khảo, chủ biên hoặc đồng chủ biên phải có chức danh GS, PGS, GVC hoặc có trình độ TS. Giáo trình và TLHT phải được thông qua sau quy trình thẩm định của hội đồng [H6.06.04.06].

Như vậy, năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Ngành và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Năng lực này được đánh giá hàng năm qua quy trình tự đánh giá, có góp ý của GV cùng BM và sau đó trình lên Khoa và Trường. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mỗi học kì, Nhà Trường luôn có công văn về thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV. Tuy được thông báo và nhắc nhở nhưng số SV tham gia cho ý kiến rất ít không đủ thông tin để đánh giá năng lực hoạt động giảng dạy của GV từ SV.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc xác định rõ năng lực giảng dạy của GV và tiến hành đánh giá với nhiều hình thức đa dạng và nhiều cấp độ khác nhau.

Từ năm 2021, Nhà Trường cần có quy chế cụ thể để SV tích cực tham gia cho ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi môn học sau mỗi học kì.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 6.5 Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trường ĐHCT luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ GV trẻ, GV tập sự trong giảng dạy và NCKH. Hàng năm, Trường, Khoa đều hướng dẫn các BM xác định nhu cầu về công tác cán bộ, bao gồm nhu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng để đưa vào kế hoạch năm học [H6.06.04.01], [H6.06.05.01],

[H6.06.05.02]. Căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng GV, theo từng năm học Khoa/Viện điều tra soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học chung của đơn vị trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Cán bộ đáp ứng đủ điều kiện học tập nâng cao trình độ sẽ được Nhà trường ra quyết định cử đi học và thu nhận sau khi hoàn thành khóa đào tạo **[H6.06.05.03]**. Trong quá trình đi học thì GV có trách nhiệm báo cáo tiến độ học tập sau mỗi 6 tháng về cho Khoa và Trường. Những trường về chậm tiến độ, kéo dài thời gian học tập phải trình bày lý do hợp lý **[H6.06.05.04]**. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả (Bảng 6.5), từ năm 2015 đến nay ngành SPHH đã có thêm 03 TS, nâng tỷ lệ GV có trình độ TS trong ngành lên 46% **[H6.06.05.05]**. Trong 7 GV còn lại của ngành có 1 GV đang trong quá trình làm luận án TS và 6 GV là thạc sĩ **[H6.06.05.06]**. Các GV trong ngành đều tích cực tham gia tập huấn các khóa về phát triển năng lực nghiệp vụ SP **[H6.06.05.07]**, **[H6.06.05.08]**, **[H6.06.05.09]**, **[H6.06.05.10]**.

Bảng 6.5 Thống kê số lượng viên chức được cử đi học và đang theo học các CTĐT sau đại học

Năm học	GV được cử đi học				GV đang đi học			
	Tiến sĩ		Thạc sĩ		Tiến sĩ		Thạc sĩ	
	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước
2014-2015		01			02	01	02	
2015-2016			01		01	01	02	
2016-2017		01					01	
2017-2018					01	01		
2018-2019					01			

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng BM và định hướng phát triển, Khoa đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và từng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV đến năm 2022 và trong từng năm **[H6.06.01.01]**.

Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác **[H6.06.02.02]**. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn hạn **[H6.06.05.11]** và các đề án của Bộ như 2395, 911.

Khoa đã chú trọng các hình thức sinh hoạt chuyên môn ở các BM, tạo cơ hội cho GV phát huy sức sáng tạo, trao đổi, rèn luyện nghiệp vụ, phương pháp SP một cách

thường xuyên qua các seminar học thuật [H6.06.04.05]. Các hoạt động này đều được xem xét để đánh giá thi đua vào cuối năm học, tạo động lực tốt cho các GV tham gia đầy đủ và hiệu quả.

Nhiều GV ngành SPHH cũng đã tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ SP, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh - quốc phòng cho đội ngũ cán bộ quản lý do trường tổ chức [H6.06.05.08], [H6.06.05.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và ngành SPHH đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Ngành SPHH có đội ngũ GV với tỷ lệ TS đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của hoạt động đào tạo NCKH phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Do hoàn cảnh gia đình, BM SPHH có 2 GV chưa hoàn thành tiến trình phấn đấu được quy định cho GV Trường ĐHCT.

4. Kế hoạch hành động

BM có kế hoạch hàng năm để khuyến khích các GV học tập nâng cao trình độ và nghiệp vụ giảng dạy. Bên cạnh đó, đến năm 2023, BM tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và điều kiện giảng dạy để 2 GV hoàn thành đúng tiến độ phấn đấu được quy định.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 6.6 Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường có quy trình, tiêu chí để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn [H6.06.01.10], [H6.06.01.11], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. Định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHCT. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.01.11]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Hàng năm Trường có hướng dẫn cụ thể về công tác tổng kết năm học, kê khai các hoạt động của GV, đánh giá GV và bình xét danh hiệu thi đua, theo đó

việc đánh giá kết quả công việc phải được thực hiện công khai từ cấp cơ sở [H6.06.04.03].

Vào đầu năm học, Khoa xây dựng kế hoạch năm học cho toàn đơn vị, cụ thể đến từng GV để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động [H6.06.05.01]. Việc đánh giá kết quả hoạt động của GV được tiến hành một cách công khai theo từng BM. Kết quả giảng dạy và NCKH của các GV được kê khai minh bạch và quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học, ... [H6.06.06.01]. Kết quả NCKH công bố trên các tạp chí quốc tế được Trường khen thưởng. Những trường hợp không hoàn thành định mức giảng dạy và NCKH được đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ và không được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm [H6.06.01.11], [H6.06.02.02]. Cuối năm học, BM tổng hợp khối lượng giảng dạy, NCKH, công tác khác kèm theo minh chứng để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó là đánh giá ở cấp Khoa [H6.06.06.02]. Căn cứ trên kết quả đánh giá từ Khoa, Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với cán bộ, viên chức và có các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Bên cạnh đó, những cá nhân có thành tích cao, đột xuất, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng [H6.06.06.03]. Mỗi cán bộ, GV đều có bộ hồ sơ năng lực được bổ sung tích lũy hàng năm [H6.06.06.04] do Phòng TCCB quản lý.

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp GV ngành SPHH nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và Nhà trường. Trong các năm qua, GV của ngành luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy và NCKH [H6.06.02.05]. Kết quả xét thi đua khen thưởng hàng năm, tất cả các GV trong BM SPHH đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến [H6.06.02.04].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống quy định, quy chế quy trình để đánh giá hoạt động của GV được triển khai đồng bộ từ cấp BM đến cấp trường nên tạo động lực và hỗ trợ cho GV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Quy trình đo lường kết quả công việc của GV chưa được định lượng cụ thể nên chưa tạo được động lực phấn đấu cho đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Nhà Trường xây dựng quy trình đánh giá với các tiêu chí có thể định lượng cụ thể nhằm tạo động lực phấn đấu cho GV sau đánh giá ở mỗi cuối năm.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 6.7 Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện MT và sứ mạng xây dựng Trường ĐHCT trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường, hỗ trợ cho quá trình đào tạo. Trường có quy định cụ thể về các loại hình và định mức hoạt động KHCN mà mỗi GV phải đảm nhận tùy theo chức danh và vị trí công tác [H6.06.02.02]. Các loại hình hoạt động và định mức NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án KHCN các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo; hướng dẫn SV NCKH; tổ chức các seminar chuyên môn. Nhà trường cũng có quy định tính giờ chuẩn NCKH cho các loại hình hoạt động KHCN cụ thể này [H6.06.01.11].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPHH, KSP luôn coi trọng công tác NCKH. Trong kế hoạch năm học hằng năm, các GV ngành SPHH luôn đề ra những MT NCKH cụ thể đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định [H6.06.06.01]. Nhà trường và Khoa có hệ thống giám sát, đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV. Phòng QLKH là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động KHCN, đồng thời Khoa phân công một lãnh đạo phụ trách trực tiếp hoạt động này [H6.06.07.01]. Khối lượng các hoạt động NCKH của GV được quản lý trên phần mềm của trường [H6.06.07.02]. Các seminar khoa học được thông báo qua website của trường và có biên bản ở BM [H6.06.04.05]. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của các nhóm nghiên cứu nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH và CN [H6.06.07.03]. Hằng năm, Khoa tiến hành tổng kết hoạt động NCKH của GV và toàn Khoa để đối sánh, điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng

[H6.06.07.04]. Hoạt động NCKH với hiệu quả cao quay trở lại có tác động mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển của hoạt động đào tạo. Gần đây Nhà trường đã có chính sách tăng mức thưởng cho các bài báo được đăng trên các tạp chí có uy tín và GV ngành Hóa học đã có nhiều công trình được nhận thưởng **[H6.06.07.05].**

Bảng 6.6 Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu từ năm 2014-2019

Năm học	Hình thức xuất bản				Tổng số	Số lượng xuất bản bình quân trên GV
	Cấp cơ sở	Cấp quốc gia	Cấp khu vực	Cấp quốc tế		
2014	2	3	0	1 (IF =12,26)	6	0,38
2015	1	2	2	1 (IF =14,70)	6	0,38
2016	2	5	1	1 (IF = 4.85)	9	0,64
2017	2	6	0	2 (IF=2,75)	10	0,71
2018	1	5	0	2 (IF = 2,00)	8	0,62
2019	0	3	2	4 (IF = 7,58)	9	0,69

Trong giai đoạn 2014 đến 2019, các GV ngành Hóa học đã thực hiện nhiều đề tài khoa học các cấp, công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành (Bảng 6.6) cũng như hướng dẫn nhiều SV đạt giải cao trong hoạt động NCKH của cấp trường và cấp Bộ **[H6.06.01.09]**, **[H6.06.04.04]**. Các đề tài NCKH của GV đều thu hút nhiều SV tham gia, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng CĐR. GV trong ngành đã tham gia vào các nhóm nghiên cứu, hoặc nhóm nghiên cứu mạnh để cộng tác, giúp đỡ lẫn nhau và liên kết với các cơ sở khác trong NCKH.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của GV ngành SPHH phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Chất lượng hoạt động NCKH của GV ngành Hóa được cải thiện theo từng năm.

3. Điểm tồn tại

Chưa có điều kiện thực hiện đối sánh với CTĐT tương đồng về các loại hình NCKH.

4. Kế hoạch hành động

- Khuyến khích cán bộ tham gia NCKH qua nhiều hình thức như: cộng tác với các nhóm nghiên cứu cùng chuyên môn ở các Khoa khác như KHTN để học tập kinh nghiệm xin đề tài, cũng như có cơ là hội đồng tác giả trong các công bố khoa học; xin đề tài cấp trường; hướng dẫn đề tài NCKH của SV; báo cáo seminar.

- Hằng năm, thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các loại hình NCKH với chương trình SP tương đồng làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Ngành SPHH có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV SPHH. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi GV xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Việc đánh giá GV được Nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, hằng năm để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 6: 5,00/7.

TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHCT đảm bảo về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có khả năng hỗ trợ, đồng thời tư vấn tốt cho GV và SV cho tất cả các ngành trong trường nói chung và cho ngành SPHH nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch đánh giá năng lực và xếp loại mức độ hoàn thành công việc đối với đội ngũ nhân viên, kèm theo đó là những hình thức khen thưởng hợp lý.

Tiêu chí 7.1 Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Dựa trên đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022 [H4.04.01.02], trường ĐHCT đã tiến hành quy hoạch, hoàn thành đề án vị trí việc làm, ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng trực thuộc trường, cũng như công bố quy trình công tác tại Trường ĐHCT theo Quyết định số 2346/QĐ-ĐHCT [H7.07.01.01].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ NV thể hiện thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ Trường [H6.06.01.10}. Theo đó, hằng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi NV còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác; những NV làm việc trong môi trường độc hại như PTN, thư viện, ... còn được hưởng phụ cấp độc hại; và được nhận thêm khoản tiền hỗ trợ vào các dịp lễ, Tết. Hằng năm, Nhà trường duy trì một khoản kinh phí nhằm thực hiện việc khám sức khỏe thường xuyên cho viên chức toàn trường. Sau khi được tuyển dụng, NV được xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp vị trí công việc.

Hàng năm Nhà trường phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, trên cơ sở đó tiến hành lập kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. [H6.06.01.03]

CTĐT ngành SPHH được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên đông đảo làm việc tại phòng

ban, trung tâm như: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV, Phòng CTCT, Phòng Quản lý Khoa học, Phòng Tài chính, TTHL, Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ và Khởi nghiệp SV, Trung tâm QLCL, văn phòng KSP, thư viện KSP, phòng máy tính của KSP, ... Đội ngũ nhân viên được tuyển chọn theo các tiêu chí của trường, đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.02].

Bảng 7.1 Số lượng NV cấp trường tính đến năm 2019

Nhân viên (2019)	Trình độ cao nhất đạt được							Tổng số
	Dưới sơ cấp	Sơ cấp	TCCN	Cao Đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
P. Công tác chính trị	15	1		1	9	1		27
P. Đào tạo			1		7	2		10
P. Công tác SV			2		10	3	1	16
P. Hợp tác quốc tế					7		3	10
P. Kế hoạch tổng hợp	21				8	2	2	33
P. Quản lý khoa học					8	2	3	13
P. Quản trị thiết bị và QL phòng học	6		3		6	1		16
P. Tài chính			3		7	4		14
TTHL	8	0	3	1	15	7	1	35
TTTTQTM				1	4	4		9
Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên	0	0	0	0	1	1	1	3
Trung tâm Đánh giá năng lực Ngoại ngữ	0	0	0	0	1	2	1	4
Phòng Thanh tra - Pháp chế	0	0	0	0	1	1	1	3

Riêng tại BM SPHH, bên cạnh một GV kiêm nhiệm thư ký của BM, quản lý công việc văn thư và SV, có 5 GV kiêm nhiệm CVHT để hỗ trợ cho việc học tập của SV. Tại các PTN của BM, có 4 GV kiêm nhiệm trưởng PTN, phòng thực hành hỗ trợ quản lý các PTN và bố trí giảng dạy thực hành. BM hiện không có nhân viên phục vụ giảng dạy, tuy nhiên BM có hợp đồng giao khoán công việc với 2 HV cao học để làm nhiệm vụ quản lý PTN, chuẩn bị hóa chất, dụng cụ, dọn vệ sinh cũng như bảo dưỡng tài sản thiết bị tại các PTN [H7.07.01.03].

Bảng 7.2 Số lượng nhân viên của Khoa Sư phạm tính đến năm 2019

Nhân viên	Trình độ văn hóa cao nhất				Tổng số
	Khác	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	
NV thư viện			1		1
NV PTN	1		2	1	4
NV CNTT			2		2
NV hành chính			2		2
NV hỗ trợ người học (trợ lý đào tạo, NCKH, CTSV, văn thư, tái chính, quản lý nhà học, bảo vệ, vệ sinh)	3	1	2		6
Tổng số	4	1	9	1	15

Các nhân viên luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ phục vụ tốt, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của SV và GV qua kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động của nhà Trường, theo đó SV có đóng góp ý kiến về thái độ phục vụ của NV trong toàn trường. Đây là kênh thông tin giúp cho các buổi tiếp xúc giữa BGH, BCN Khoa, BM với SV nhằm giải đáp ý kiến và nguyện vọng của SV, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trong đó có hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV trong trường [H7.07.01.04].

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện thường xuyên và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng NV hiện nay khá lớn, ít nhiều khiến bộ máy hành chính chồng chéo, tạo gánh nặng tài chính cho nhà trường, trong khi công việc hành chính ngày càng phân giao nhiều hơn về đơn vị đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đã lên kế hoạch tinh gọn bộ máy hành chính, theo hướng viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ và viên chức hành chính – quản lý được xác định theo tỷ lệ giảm dần từ 40% tính theo tổng số GV hiện nay (trong đó viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ chiếm 23% và viên chức hành chính – quản lý chiếm 17%) để đến năm 2022,

số lượng viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ và viên chức hành chính – quản lý chiếm tối đa 30% , trong đó viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ chiếm 17,5% và viên chức hành chính – quản lý chiếm 12,5% (theo Đề án phát triển Trường ĐHCT đến 2022).

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 7.2 Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Nhà Trường đã ban hành QĐ 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012 quy định về tuyển dụng đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể với các tiêu chí quan trọng về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học của ứng viên **[H6.06.03.02]**. Trường cũng đã ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của trường ĐHCT theo quyết định 598/QĐ-ĐHCT **[H6.06.03.03]**.

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên được thực hiện dựa trên nhu cầu, phù hợp khối lượng công việc của các đơn vị trực tiếp sử dụng. Nhà trường đề xuất các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng nhân viên. Căn cứ vào nhu cầu của đơn vị, các Khoa, Viện, các Phòng ban, Trung tâm tiến hành rà soát đội ngũ NV **[H6.06.01.01]**. Nhà trường lập kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV cho các đơn vị **[H7.07.02.01]**.

Kế hoạch tuyển dụng, các tiêu chí tuyển dụng, chỉ tiêu tuyển dụng, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được phổ biến công khai, rộng rãi đến với toàn thể cán bộ nhân viên trong trường trên trang web của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng **[H7.07.02.02]**.

Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập **[H7.07.02.03]** và kết quả tuyển dụng được công bố công khai.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai minh bạch nên đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành SPHH đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

3. Điểm tồn tại: không có.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều

chuyên nhân viên đúng quy trình dựa trên các tiêu chí rõ ràng và công khai minh bạch.

5. Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 7.3 Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên tại Trường ĐHCT được xác định rõ ràng qua ràng qua tiêu chí tuyển dụng cho các vị trí công việc cụ thể theo quy định của Nhà nước và được đánh giá để phân loại viên chức và xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

Văn bản quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên được thể hiện rõ ràng trong kế hoạch thực hiện công tác đánh giá và xét thi đua khen thưởng hàng năm.

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức đánh giá cán bộ viên chức của trường trong đó bao gồm cả đội ngũ chuyên viên, nhân viên không trực tiếp giảng dạy, thông qua các quy định rõ ràng về đánh giá xếp loại cho đội ngũ cán bộ không trực tiếp giảng dạy này [H7.07.03.01]. Căn cứ vào nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP của chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức, Nhà trường ra kế hoạch đánh giá viên chức và xét thi đua, khen thưởng; kế hoạch này được phổ biến rõ ràng đến các đơn vị bằng văn bản và thông báo công khai trên website của Trường [H7.07.03.02].

Bảng 7.3 Bảng tổng hợp KQ đánh giá của NV hỗ trợ Khoa SP

Năm	Tổng số nhân viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không xét
2016	18	2	9	5	2
2017	17	4	11	2	
2018	15	5	9		1
2019	15	9	5	1	

Quá trình đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch để đảm bảo tính công bằng dân chủ tại đơn vị và theo đúng các bước như kế hoạch đánh giá đánh giá viên chức và được ghi thành biên bản [H7.07.03.03]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoàn thành tốt vai trò trách nhiệm của mình đa phần đều đạt được danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có cán bộ đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H7.07.03.04].

2. Điểm mạnh

Quy trình đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên được công khai minh bạch và đảm

bảo được tính công bằng khách quan trong việc đánh giá viên chức.

Hàng năm, 100% nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu để đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có các biện pháp phương pháp đánh giá công khai theo nhiều kênh khác nhau về ý kiến của người học và GV liên quan đến các hoạt động hỗ trợ của nhân viên nhưng ý kiến phản hồi nhận được còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiếp tục thu thập ý kiến phản hồi của SV, GV đối với đội ngũ nhân viên một cách thường xuyên.

Triển khai tăng cường giám sát đội ngũ nhân viên bằng nhiều hình thức khác nhau (khảo sát trực tuyến, lắp đặt thêm hệ thống camera...)

5. Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 7.4 Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhà trường có nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên

Dựa trên kế hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT đến năm 2022 [H4.04.01.02], các đơn vị trực thuộc trường đã phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn trường nói chung, của KSP nói riêng [H7.07.04.01].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, Trường tạo điều kiện để các cán bộ nhân viên của Khoa, BM, Phòng ban và các Trung tâm được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học lên bậc thạc sĩ hay TS qua đó nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị trong trường [H7.07.04.02]. Đội ngũ nhân viên được nhà trường tạo điều kiện và khuyến khích thi thăng hạng viên chức hành chính khi đủ điều kiện [H7.07.04.03].

Ngoài ra, trường còn tổ chức cho đội ngũ nhân viên được tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, các hội thảo do các cơ sở ở ngoài trường tổ chức cũng như tạo điều kiện cho nhân viên học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tổ chức các khóa bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh

để đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.04.04].

Bảng 7.4 Bảng thống kê số lượt NV hỗ trợ của KSP được học tập nâng cao trình độ

STT	Nội dung đào tạo	Số lượt cán bộ tham dự				
		2015	2016	2017	2018	2019
1	Bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng đối tượng 4	4	3			
2	Quản lý an toàn PTN					1
3	Kỹ năng giao tiếp và lễ tân hành chính		1			
4	Khóa đào tạo thạc sĩ					1
5	Ứng dụng CNTT		1			

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT quy định rõ ràng việc xác định, đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; có kế hoạch triển khai thực hiện trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các Khoa, BM cũng như có cơ chế kiểm tra giám sát.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn hạn chế số lượng.

4. Kế hoạch hành động

+ Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 7.5 Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHCT, khoa SP luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để việc quản trị tốt kết quả công việc của nhân viên, Trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm [H7.07.01.01] theo QĐ 2346/QĐ-ĐHCT

21/07/2014, [H7.07.01.02] theo QĐ 5706/QĐ-ĐHCT 21/12/2016], đồng thời phổ biến công khai chức năng, nhiệm vụ của các chuyên viên, nhân viên trên trang web của các đơn vị [H7.07.05.01].

Hàng năm, công tác đánh giá kết quả công tác của cán bộ viên chức bao gồm nhân viên hỗ trợ luôn được thực hiện ở các cấp nhằm tạo cơ sở cho việc xếp loại viên chức cuối năm. Hội đồng thi đua khen thưởng của Khoa làm việc định kỳ hàng năm theo quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật của Trường. Công tác đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch dựa trên bản kế hoạch cá nhân đã đăng ký đầu năm học [H7.07.05.02]. Những chuyên viên, nhân viên, Cán bộ phục vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao sẽ được xét các danh hiệu thi đua. Các danh hiệu và khen thưởng theo Quy định về thi đua khen thưởng bao gồm: Lao động tiên, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bộ, Ngành, Trung ương, ... từ đó có cơ sở xét nâng bậc lương.... [H7.07.05.03], đây chính là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Bảng 7.5 Tổng hợp thành tích của nhân viên hỗ trợ của Khoa Sư phạm

Năm	Tổng số nhân viên	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Nâng lương trước hạn
2015	18	16	1	
2016	18	14	2	
2017	17	14	2	1
2018	15	12	1	1
1019	15	8		2

Ngoài các hình thức đánh giá thi đua khen thưởng theo chính sách, Nhà trường có những cơ chế hỗ trợ để lực lượng cán bộ hỗ trợ thêm cho các hoạt động của cán bộ hỗ trợ ngoài thời gian làm việc [H7.07.05.04]. Cấp Khoa và BM có hoạt động tặng quà vào dịp cuối năm như một hoạt động thể hiện sự ghi nhận đóng góp và hỗ trợ của lực lượng cán bộ này.

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa, BM luôn có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ. Các hình thức khen thưởng, kỷ luật hợp lý và kịp thời tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa cụ thể hóa các tiêu chí theo dõi, đánh giá chất lượng công việc đối với nhân viên hỗ trợ theo từng vị trí công việc.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, trường, Khoa và BM tiếp tục có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

Năm học 2020-2021, Nhà trường sẽ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTDT ngành SPHH có chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công tác, được tuyển dụng theo các tiêu chí và kế hoạch rõ ràng. Trường, khoa, BM luôn được quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đánh giá kết quả công việc của NV được thực hiện hằng năm, công khai, minh bạch để tạo động lực cho NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 7: 5,00/7.

TIÊU CHUẨN 8. SINH VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

Mở đầu

Với truyền thống 54 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHCT là một trường ĐH đa ngành đa lĩnh vực; đồng thời là trung tâm đào tạo và NCKH trọng điểm ở ĐBSCL. Với sự nỗ lực không ngừng cải tiến năng lực nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động chuyển giao công nghệ phần đầu trở thành một trường ĐH đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trường ĐHCT luôn là sự lựa chọn hàng đầu cho của các học sinh THPT ở vùng ĐBSCL nhờ vào chất lượng tuyển sinh đầu vào; hệ thống hỗ trợ học tập; sự hỗ trợ của GV, CVHT, BM, Khoa và Trường. Ngoài ra, Trường ĐHCT có môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh sạch và CSVN luôn được đầu tư cũng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 8.1 Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHCT đối với ngành SPHH được xây dựng, xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHCT bám sát quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Tuân thủ sự hướng dẫn của Bộ GDĐT, Trường ĐHCT lập kế hoạch tuyển sinh các ngành, ban hành thông tin tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.01.01], [H8.08.01.02]. Các số liệu về chỉ tiêu tuyển sinh, điểm trúng tuyển của các năm, tỷ lệ cạnh tranh của thí sinh của ngành SPHH cũng được cập nhật và công bố [H8.08.01.03]. Kế hoạch tuyển sinh được công bố trên website thông tin tuyển sinh của Trường sau khi được Bộ GDĐT xét duyệt [H8.08.01.04]. Các thí sinh theo học ngành SPHH đều phải trải qua kỳ thi tuyển do Bộ GDĐT tổ chức. Các chỉ tiêu tuyển sinh cũng như mã tổ hợp môn xét tuyển ngành SPHH được xác định rõ ràng theo chỉ tiêu và quy định của Bộ GDĐT gồm các môn thi như Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh và Tiếng Pháp tùy thuộc vào tổ hợp xét tuyển. Việc xét tuyển được xây dựng một cách đầy đủ và chi tiết từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển.

Trường ĐHCT sử dụng website để thông báo công khai kế hoạch tuyển sinh đến các thí sinh bao gồm mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển các nguyện vọng; cập nhật thông tin xét tuyển; đối tượng ưu tiên; công bố và gửi kết quả trúng tuyển; thời hạn kết thúc việc xét tuyển và thời gian bắt đầu nhập học chính thức [H8.08.01.05]. Ngoài ra,

Trường ĐHCT công khai các chính sách tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông, kết hợp tổ chức ngày Hội Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp để thí sinh có thể tiếp cận các thông tin về ngành học của Trường như điểm trúng tuyển, các tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên xét tuyển [H8.08.01.06]. Các thông tin về Trường, Khoa, BM, CTĐT và cơ hội việc của ngành SPHH làm được giới thiệu ở website của BM, giúp cho các em học sinh THPT định hướng cho việc chọn ngành cũng như cơ hội việc làm [H8.08.01.07].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành SPHH được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

KSP sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHCT, Đoàn thanh niên và Chi hội SV để tăng cường quảng bá công tác tuyển sinh ở các Trường THPT nhằm đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: mức 6/7.

Tiêu chí 8.2 Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV ngành SPHH được KSP và Trường ĐHCT xây dựng từ quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, thông tin tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường ĐHCT [H8.08.01.01], [H8.08.01.02]. Trường thực hiện tuyển sinh dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành và điểm chuẩn không thấp hơn ngưỡng ĐBCL đầu vào của ngành SP do Bộ GDĐT quy định. Trường ĐHCT thông báo đến các SV đủ điều kiện trúng tuyển các thông tin cần thiết như mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển; cập nhật thông tin xét tuyển; công bố và gửi kết quả trúng tuyển; thời hạn kết thúc việc xét tuyển; thời gian bắt đầu nhập học chính thức để các tân SV thuận lợi cho việc hoàn thành thủ tục nhập học tại Trường. Công tác thu nhận SV hệ chính quy được tổng kết qua từng năm tuyển sinh thông qua các báo cáo tổng kết về công tác tuyển sinh của Trường ĐHCT [H8.08.02.01],

[H8.08.02.02]. Từ năm 2015–2017, không có sự thay đổi trong tổ hợp xét tuyển cho ngành SPHH với khối A00 (Toán–Lý–Hóa) và B00 (Toán–Hóa–Sinh). Từ năm 2018, Trường ĐHCT đã bổ sung 2 tổ hợp xét tuyển D07 (Toán–Hóa–Tiếng Anh) và D24 (Toán–Hóa–Tiếng Pháp) cho ngành SPHH. Việc bổ sung tổ hợp xét tuyển giúp cho các thí sinh có nhiều sự lựa chọn ngành SPHH. Số lượng và cơ cấu chỉ tiêu tuyển sinh được Bộ GDĐT quy định và chỉ tiêu tuyển sinh ngành SPHH do Bộ GDĐT cho phép đào tạo giảm từ năm 2018. Đây cũng là tình hình khó khăn chung của KSP trong việc tuyển và đào tạo giáo viên. Tuy nhiên, thông qua điểm trúng tuyển đợt 1 ngành SPHH qua các năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 2019 **[H8.08.02.03]**, cho thấy điểm trúng tuyển của ngành SPHH ở mức cao so với điểm chuẩn. Kết quả cho thấy, việc giảm số lượng tuyển sinh là do nguyên nhân khách quan như yêu cầu của Bộ GDĐT và nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển chọn SV của Trường là cơ sở tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển một cách nghiêm túc, công bằng và khách quan.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHCT chưa tổ chức tuyển sinh theo hình thức thi tuyển theo hình thức kiểm tra và đánh giá năng lực thí sinh cho ngành SPHH.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

KSP sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHCT trong việc xác định tiêu chí và phương pháp tuyển sinh phù hợp với đặc thù của ngành SPHH.

KSP cần có chiến lược và kế hoạch tuyển sinh phù hợp; tiến tới xây dựng và công bố phương thức tuyển sinh cho ngành SPHH theo phương thức đánh giá năng lực thí sinh.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 8.3 Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV

1. Mô tả

Từ năm 2007, Bộ GDĐT ban hành quy chế đào tạo ĐH và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Trường ĐHCT đã triển khai hệ thống đào tạo theo tín chỉ cho các CTĐT tại Trường từ năm 2007 **[H8.08.03.01]**. Trường cũng lần lượt tiến hành họp bàn giao về công tác đào tạo trong lộ trình tín chỉ hóa và phân cấp quản lý thực hiện đào tạo tín chỉ cũng như thống nhất những nội dung trong quá trình chuyển đổi công tác đào tạo

theo hệ thống tín chỉ **[H8.08.03.02]**, **[H8.08.03.03]**. Trường cũng ban hành quy chế học vụ cho SV ĐH chính quy quy định về việc thực hiện KHHT, đăng ký HP, đánh giá HP cũng như trách nhiệm của CVHT và CB giảng dạy **[H3.03.02.01]**. Trên hệ thống website của Trường ĐHCT cung cấp các CTĐT ngành SPHH cho các khóa về kiến thức các môn đại cương, chuyên ngành, nghiệp vụ SP, thể chất và lý luận chính trị **[H1.01.01.01]**. Quá trình học tập của SV được giám sát và theo dõi một cách có hệ thống. Trường ĐHCT đã sử dụng phần mềm tin học quản lý công tác dạy và học, tạo điều kiện thuận lợi cho SV đăng ký HP, theo dõi tiến độ học tập của SV để có những thay đổi và cải thiện HP. Hệ thống quản lý trực tuyến của Trường được nâng cấp thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho SV sử dụng CNTT mọi lúc mọi nơi **[H8.08.03.04]**. Ngoài ra, hệ thống còn hỗ trợ Trường, Khoa và BM cập nhật nhanh chóng tiến độ học tập của SV chuyên ngành SPHH. CVHT và CB quản lý của BM, Khoa theo dõi tốt hơn về các phần việc được giao. Trong hệ thống quản lý của Trường, các trường hợp SV bị cảnh báo học vụ, lý do SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, khối lượng học tập của SV được trình bày rõ ràng, cụ thể và có hệ thống. Hệ thống phần mềm quản lý giúp kết nối việc giám sát tình hình và tiến độ học tập của SV được chặt chẽ từ CVHT đến BM, Khoa và Trường qua từng học kỳ. Trường có thể nắm bắt cụ thể tình hình và kết quả học tập của từng SV trong suốt thời gian học, từ đó có những thông tin phản hồi tới SV về xử phạt, khen thưởng và rèn luyện cá nhân **[H8.08.03.05]**, **[H8.08.03.06]**.

Ngoài ra, Trường còn có các CB chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV một cách kịp thời. Công tác giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của SV được quản lý thường xuyên với sự hỗ trợ của CVHT **[H8.08.03.07]**, **[H8.08.03.08]**. Hàng năm, SV các khóa đều được hướng dẫn sinh hoạt đầu khóa từ cấp độ BM, Khoa và Trường về hoạt động học tập, văn nghệ thể thao của BM, Khoa, Trường **[H4.04.01.06]**. Trường, Khoa và BM kết hợp tổ chức sinh hoạt đầu khóa để cung cấp, hỗ trợ cho tân SV những thông tin cần thiết, giới thiệu CVHT để hướng dẫn SV về KHHT và các sinh hoạt khác theo lớp chuyên ngành. Trường xây dựng hệ thống CVHT để theo dõi, góp ý và điều chỉnh quá trình học tập của SV. CVHT tổ chức các buổi sinh hoạt thường niên với lớp cổ vấn được phân công 4 lần trong mỗi học kỳ chính để cung cấp thông tin và hỗ trợ kịp thời cho SV trong quá trình học tập tại Trường. Các kết quả tốt nghiệp hàng năm cũng như rèn luyện của SV theo từng học kỳ cũng được thông báo đến từng SV, CVHT, BM và Khoa **[H8.08.03.09]**, **[H8.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện trên phần mềm quản lý dưới nhiều mức độ quản lý khác nhau. Sự tiến bộ của SV được giám sát bởi một hệ thống gồm GV, CVHT, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

GV vừa đảm nhận công việc giảng dạy và NCKH vừa làm CVHT do đó GV chưa phát huy hết vai trò cố vấn đối với SV.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trung tâm QLCL tiếp tục nâng cao hiệu quả về công tác chủ nhiệm lớp và CVHT trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện.

Phòng Tổ chức Cán bộ có chính sách đào tạo đội ngũ CB chuyên trách về công tác cố vấn để phát huy tốt nhất vai trò của CVHT.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 8.4 Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV

1. Mô tả

Đội ngũ CB các đơn vị và các bộ phận chức năng trong Trường ĐHCT đều có vai trò hỗ trợ SV đạt kết quả học tập và rèn luyện tốt. Trường phân công cụ thể chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các đơn vị phối hợp chính hỗ trợ cho SV: Phòng Công tác SV thực hiện công tác tư vấn – hỗ trợ SV trong học tập, đời sống, chỗ ở và việc làm; các chế độ chính sách của Nhà nước, Bộ, Trường liên quan học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, khen thưởng và kỷ luật đối với SV. Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV chủ yếu tổ chức các hoạt động liên quan đến việc làm bán thời gian, hội chợ việc làm, giao lưu, hội thảo và hội nghị liên quan việc làm của SV; tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng sống, kỹ năng mềm, chuyên đề, các hoạt động và các sự kiện gắn liền với nhu cầu của SV [H7.07.01.01]. CVHT nắm vững CTĐT, quy định công tác CVHT, chế độ chính sách đối với SV để tư vấn, hỗ trợ giúp đỡ cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện và các vấn đề khác có liên quan [H8.08.04.01]. Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Thanh tra Pháp chế và Văn phòng Đoàn trường có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện công việc CVHT của CB trong từng học kỳ theo thời

khóa biểu của Trường đã phân công **[H8.08.04.02]**. Công việc hỗ trợ cho các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác cho SV đều có vai trò hỗ trợ SV đạt kết quả học tập và rèn luyện tốt.

- Hỗ trợ về học tập

Đặc trưng của các ngành SP là HP KTSP và TTSP cho SV năm thứ 3 và thứ 4. Hằng năm, Trường ĐHCT và KSP liên hệ với các sở GDĐT Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang và Sóc Trăng lên kế hoạch để xin chỉ tiêu KTSP và TTSP để phân bổ SV SPHH về các trường THPT cho phù hợp với số lượng SV và đội ngũ giáo viên hướng dẫn của các Trường THPT **[H8.08.04.03]**, **[H8.08.04.04]**. Công việc tiếp theo, bố trí CB hướng dẫn đoàn xuống các trường THPT để thống nhất lịch đưa rước, lo chỗ ăn ở cho và nội dung công việc SV sẽ thực hiện tại các trường THPT. SV kiến tập sẽ có thời gian 4 tuần và SV thực tập sẽ có thời gian 8 tuần xuống trường để hoàn thành HP KTSP và TTSP ở các cơ sở tổ chức kiến tập và thực tập **[H8.08.04.05]**, **[H8.08.04.06]**.

Để HP KTSP và TTSP đạt hiệu quả đồng thời hỗ trợ cho SV yêu thích môn học và bước đầu làm quen với công việc sau khi ra trường, Khoa và Trường ĐHCT tổ chức buổi sinh hoạt KTSP và TTSP để hướng dẫn SV các kỹ năng giao tiếp, ứng xử, hồ sơ cũng như giải đáp các thắc mắc của các em trước khi xuống các trường để tiếp xúc thực tế với công việc chủ nhiệm và giảng dạy cho học sinh. Trường cũng mời các hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường THPT để tiếp xúc trao đổi, tư vấn và giải đáp thắc mắc cho SV **[H8.08.04.07]**, **[H8.08.04.08]**.

Song song với các hoạt động học tập, ngoại khóa là các chính sách hỗ trợ cho SV. Để khuyến khích SV học tốt, bên cạnh học bổng khuyến khích học tập cho các SV xuất sắc, giỏi chiếm khoảng 10% số lượng SV mỗi lớp, Trường còn kết hợp với các tổ chức để trao học bổng cho SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn và SV dân tộc thiểu số có thành tích học tập tốt **[H8.08.04.09]**.

Bên cạnh đó, trao đổi học thuật với các Trường ĐH đào tạo tín chỉ trong khối ASEAN là một hoạt động thường niên ở các BM của KSP. BM, KSP và Trường rất chú trọng đến việc trao đổi học thuật để tạo cơ hội học tập và tìm việc làm cho SV có chuyên môn giỏi và vốn ngoại ngữ tốt **[H8.08.04.10]**. Trường cũng có những quy định cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của các BLQ trong việc cử SV học tập nước ngoài **[H4.04.03.05]**.

- Hỗ trợ về các hoạt động ngoại khóa

Bên cạnh các hoạt động học tập, BM, Khoa, Trường cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa lành mạnh, bổ ích, mang tính giáo dục cho SV ngành SP của Chi Đoàn các lớp, Đoàn Khoa và Đoàn Trường [H8.08.04.11]. Các sân chơi nhằm khơi dậy tình đoàn kết, tinh thần tập thể và ý thức cộng đồng trong SV ngành SP. Ngoài ra, Trường tổ chức sân chơi hùng biện Tiếng Anh cho SV thông qua hội thi olympic Tiếng Anh SV, nhằm giúp SV thể hiện được sự tự tin, trao dồi vốn ngoại ngữ để hỗ trợ cho chuyên môn và hội nhập Quốc tế [H8.08.04.12].

- Hỗ trợ tuyển dụng và việc làm

Một quan tâm của hầu hết các SV khi ra trường là vấn đề việc làm. BM, Khoa và Trường cung cấp những thông tin tuyển dụng của các sở GDĐT các tỉnh về nhu cầu tuyển dụng SV ngành SP [H8.08.04.13]. Trong vài năm gần đây, Khoa và Trường còn tổ chức công tác khảo sát việc làm đối với các SV sau 1 năm tốt nghiệp, nhằm nắm bắt thông tin phản hồi từ xã hội để điều chỉnh công tác giảng dạy, chuyên môn và nghiệp vụ sao cho phù hợp với nhu cầu của xã hội [H8.08.04.14]. Ngoài ra, BM SPHH còn thực hiện được việc lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm cho SV [H8.08.04.15]. Từ kết quả khảo sát cho thấy rằng, SV ngành SPHH có sự hài lòng cao về hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của BM.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập được Trường, Khoa triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học tập của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa được SV ngành SP hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình rèn luyện và học tập tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đoàn thanh niên tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá: mức 6/7.

Tiêu chí 8.5 Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân SV

1. Mô tả

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Trường ĐHCT không ngừng phấn đấu để trở thành cơ sở đào tạo ĐH và Sau ĐH trọng điểm của vùng ĐBSCL. Trường ĐHCT đã không ngừng hoàn thiện và phát triển cả về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan tự nhiên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu cho SV và người học. Trường ĐHCT được biết đến là Trường ĐH có khuôn viên rộng, đẹp và môi trường làm việc thân thiện trong cả nước. Cơ sở đào tạo của Trường ĐHCT tọa lạc trên 4 địa điểm: khu I, khu II, khu III thuộc thành phố Cần Thơ và khu Hòa An thuộc tỉnh Hậu Giang; giảng đường và ký túc xá.

Trường có khuôn viên thoáng mát, đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học sạch sẽ và hệ thống thoát nước tốt. Trong Trường có sơ đồ nhà học, ký hiệu phòng học để thuận tiện cho việc học tập của SV. BM SPHH, ngoài phòng thực hành PPGD còn có các phòng thực hành và PTN để giảng dạy cho SV các HP thực tập cũng như các NCKH ở BM [H8.08.05.01]. Công tác y tế, sức khỏe cũng được Trường quan tâm chu đáo cho SV học tập ở Trường. Phòng Công tác Sinh viên cũng cấp những quy trình chăm sóc sức khỏe cần thiết cho SV trên website của Trường để các SV có nguồn thông tin tham khảo về các biện pháp phòng bệnh [H8.08.05.02]. Khi bắt đầu năm học mới, Trường đều tổ chức khám sức khỏe cho tất cả các SV vừa trúng tuyển vào Trường [H8.08.05.03].

Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong giao tiếp ứng xử, trang phục, an toàn giao thông, an ninh trật tự, giữ gìn cảnh quan môi trường nơi sinh sống và học tập của SV [H8.08.05.04]. Công tác PCCC được xem là công tác không thể thiếu cho SV. Trường ĐHCT ban hành những quy định về PCCC, thành lập các đội PCCC ở các đơn vị và kiểm tra việc thực hiện PCCC hàng năm [H8.08.05.05], [H8.08.05.06], [H8.08.05.07]. Song song với công tác PCCC, vấn đề an toàn thực phẩm ở các căn tin của Trường phục vụ cho SV cũng được quan tâm. Hàng năm, chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Cần Thơ kiểm tra, đánh giá an toàn thực phẩm và chống ngộ độc thực phẩm ở các căn tin của Trường [H8.08.05.08].

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến SV về học tập, rèn luyện, cảnh quan, sinh hoạt và môi trường tâm lý; các buổi tiếp xúc lấy ý kiến ban cán sự các lớp với BCN BM, SV với Khoa và SV với lãnh đạo Trường ĐHCT bằng các cuộc tọa đàm trực tiếp. Sau các buổi tiếp xúc trực tiếp Trường luôn có văn bản để giải đáp những thắc mắc một cách cụ thể và minh bạch trên website của Trường [H8.08.03.09]. Đây được xem là kênh thông tin phản hồi khá hữu hiệu về SV do Trường tổ chức hiệu quả.

Thông qua đó, Trường có cơ sở để thực hiện các biện pháp cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của SV.

Với đặc trưng là một chuyên ngành thực nghiệm, ngành SPHH không chỉ phát triển mạnh các nghiên cứu về giáo dục mà còn phát triển về nghiên cứu tự nhiên. Câu lạc bộ Hóa học đem lại sự yêu thích môn học và giúp các SV áp dụng những kiến thức lý thuyết với thực tế. Câu lạc bộ Hóa học được tổ chức mỗi năm hai lần trở thành môi trường học thuật bổ ích để SV trao đổi kiến thức và chuyên môn nghề nghiệp [H8.08.04.10]. Để có sự gắn kết và hoạt động có hiệu quả, Công đoàn phối hợp với các chi đoàn cũng như Đoàn thanh niên tổ chức Hội chợ xuân nhằm giới thiệu cho SV những trò chơi dân gian trong Tết cổ truyền của dân tộc và quyên góp quần áo, sách cũ hỗ trợ cho các bạn SV nghèo [H8.08.05.11].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không tệ nạn xã hội, thân thiện, tích cực đảm bảo phục vụ các hoạt động học tập và NCKH của SV trong suốt quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Không có.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, Phòng Quản trị Thiết bị tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể Trường ĐHCT. Ngoài ra, Trường, Khoa và BM phổ biến đầy đủ các quy định về PCCC cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC theo định kỳ.

5. Tự đánh giá: mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Với sự tổ chức có hệ thống, chuyên nghiệp từ khâu tuyển sinh cho đến các hoạt động học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao cho SV, Trường ĐHCT cho thấy được vai trò quan trọng đối với việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Riêng đối với KSP Trường ĐHCT cho thấy được vai trò then chốt trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ tốt, năng động, sáng tạo trong công việc trồng người, đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho khu vực ĐBSCL. Trong đó, BM SPHH luôn tạo môi trường học tập tốt cho SV, giúp SV tiếp cận với những PPDH tích cực, tạo điều kiện tốt nhất để SV có thể phát huy được năng lực, phẩm chất SP.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8: 5,00/7.

TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Cùng với sự hỗ trợ từ nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước, ĐHCT và KSP luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập tốt nhất để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được MT và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện (TTHL và các nguồn học liệu mở) đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có PTN và phòng thực hành với trang thiết bị phù hợp với yêu cầu chuẩn chất lượng của BGD-ĐT, hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) được cập nhật định kỳ. Bên cạnh đó, ĐHCT và KSP luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho SV ngành SPHH.

Tiêu chí 9.1 Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

ĐHCT có đầy đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp theo quy định hiện hành đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH.

Tổng diện tích sàn phục vụ cho giảng dạy và NCKH của Nhà trường là 120.913,18 m² đáp ứng đầy đủ nhu cầu làm việc của các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu. Trong đó KSP có diện tích là 14.593m² bao gồm: Văn phòng, thư viện, giảng đường lớn 3.345m², nhà học lý thuyết C₂ 5.235m², nhà thí nghiệm Sinh Hóa 2.912m², trường THPT Thực Hành SP 1.712m², Trung tâm Kỹ năng Thực hành SP 1.389m². Năm 2019, tổng số phòng học của KSP quản lý có sức chứa dưới 50 chỗ là 10 phòng; phòng học từ 50 - 100 chỗ có 26 phòng; phòng học có sức chứa là 100 - 200 chỗ là 6 phòng và 1 hội trường 200 chỗ ngồi. Diện tích phòng học lý thuyết bình quân ở KSP đạt 85,16m²/phòng và 4,40 m²/SV đối với tất cả các ngành học trong toàn trường [H9.09.01.01], [H9.09.01.02], [H9.09.01.03].

BM SPHH trực tiếp quản lý 1 văn phòng BM SPHH dùng tổ chức các cuộc họp, báo cáo chuyên đề, trao đổi NCKH giữa cán bộ với SV và 4 phòng thực hành và 1 PTN với các trang thiết bị đầy đủ đáp ứng được nhu cầu học tập và NCKH của cán bộ, SV. Ngoài ra, GV và SV có thể sử dụng được hệ thống các PTH, PTN ở các đơn vị bạn trong Trường ĐHCT như: Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Công nghệ, PTN Chuyên sâu...

[H9.09.01.01], [H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Nhà trường ban hành biểu quản lý, sử dụng PTN, PTH, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành SPHH. KSP có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và NCKH. Nhà học C₂ và Trung tâm Kỹ năng Thực hành SP được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, hệ thống loa; một số phòng chất lượng cao được trang bị điều hòa không khí, máy tính, máy in... [H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.08].

Các phòng học cũng được trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến và 6 phòng máy tính trực thuộc KSP được nối mạng, máy chiếu Projector phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành SPHH được cung cấp, bổ sung, sửa chữa hàng năm [H9.09.01.09].

KSP đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi GV về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPHH. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPHH cơ bản đáp ứng yêu cầu của SV. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ GV về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 40% ý kiến đánh giá đáp ứng được khá tốt CTĐT và 26,7% đánh giá tốt về CSVC về phòng học và PTN, PTH [H9.09.01.10].

2. Điểm mạnh

Có đủ phòng làm việc, phòng học, giảng đường, ... với trang thiết bị hiện đại được bố trí hợp lý đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường.

Hệ thống thiết bị thí nghiệm thực hành phục vụ giảng dạy phong phú và chuyên sâu đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường có nhiều nỗ lực trong việc trang bị các điều kiện CSVC cho GV và SV làm việc và học tập, việc sử dụng chung thiết bị thí nghiệm và thực hành chung giữa các đơn vị đào tạo làm hạn chế tính linh động trong việc bố trí giảng dạy và nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2020 Phòng Quản Trị Thiết ĐHCT bị tiếp tục đầu tư kinh phí mua sắm, sửa chữa các PTH, PTN đáp ứng sự thay đổi theo chương trình sách giáo khoa mới.

Phòng Quản Trị Thiết Bị ĐHCT sẽ tối ưu hóa việc được bố trí hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường trong năm 2020.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 9.2 Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

ĐHCT trang bị hệ thống thư viện (thư viện truyền thống và thư viện điện tử) với đầy đủ các tài liệu được cập nhật phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu ngành SPHH.

Hệ thống thư viện ĐHCT gồm có do tổ chức từ thiện Atlantic Philanthropies (Mỹ) tài trợ xây dựng cùng với hệ thống thư viện phục vụ chuyên môn tại từng Khoa chuyên ngành (14 thư viện trực thuộc các đơn vị). TTHL xây dựng 4 tầng với tổng diện tích sử dụng 7200m² bao gồm: 300 máy tính hiện đại được nối mạng Internet và 50 máy phục vụ đào tạo, tập huấn; 10 phòng đọc ở TTHL và 13 phòng đọc ở các đơn vị; 1000 chỗ ngồi ở TTHL và 801 chỗ ngồi ở các đơn vị; tầng 4 có các phòng hội trường và hội nghị hiện đại là nơi tổ chức các hội nghị, hội thảo [H9.09.01.01], [H9.09.02.01].

SV ĐHCT khi nhập học đều được hướng dẫn về: nội quy sử dụng TTHL, nội quy thư viện ở các đơn vị, khai thác cơ sở dữ liệu trực tuyến, tra cứu tài liệu học tập [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho SV khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác và cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên hàng năm [H9.09.02.07].

Thư viện trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và SV ngành SPHH. Hiện tại, TTHL có khoảng 188.196 đầu sách, trong đó có 1.947 đầu sách chuyên ngành phục vụ cho CTĐT ngành SPHH [H2.02.02.03], [H9.09.02.08], [H9.09.02.09]. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của GV và SV [H9.09.02.10], [H9.09.02.11], [H9.09.02.12]. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý tự động hóa thông qua truy cập website <http://lrcopac.ctu.edu.vn/pages/opac/wpids-search-stype-form-quick.html> thay cho giải pháp sử dụng thư viện truyền thống.

Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành SPHH cho thấy GV và SV về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. 60% ý kiến đánh giá tốt và 26,7% ý kiến đánh giá rất tốt [H9.09.01.09], [H9.09.02.13].

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường hiện nay có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng nhu cầu cho SV và GV ngành SPHH. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép GV và SV thuận lợi tra cứu tài liệu trực tuyến và download cơ sở dữ liệu quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tạp chí khoa học (trong nước và quốc tế) phục vụ đào tạo và nghiên cứu của ngành SPHH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHCT tiếp tục đầu tư kinh phí phân giao cho TTHL mua thêm đầu sách phục vụ cho đào tạo và NCKH cho SV ngành Hóa nói chung, SPHH nói riêng, HV cao học và GV của trường.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 9.3 PTN, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

ĐHCT cung cấp một hệ thống các phòng THTN, phòng máy tính với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH cho ngành SPHH [H9.09.01.03], [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Hệ thống các phòng thực hành Hóa học đã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị máy móc, dụng cụ đặc thù cho ngành SPHH. Với 4 phòng thực hành và 1 PTN trực thuộc BM SPHH với các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản cho SV và học sinh cấp 3 (thuộc trường THSP) [H9.09.01.05]. Ở mỗi PTH, PTN đều nội quy PTN [H9.09.03.03] và có hệ thống tủ y tế, hệ thống chữa cháy, hệ thống nhà vệ sinh để xử lý các tình huống cháy nổ, bị thương khi thực hành của SV, học sinh. Đặc biệt, do bản chất ĐHCT là ĐH đa ngành, BGH và các Phòng chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho SV và GV các chuyên ngành có thể sử dụng các thiết bị thí nghiệm chuyên sâu ở các đơn vị có liên quan như các PTN Hóa học thuộc Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Công Nghệ [H9.09.01.01]

Các thiết bị ở PTN, PTH đều có nhật ký sử dụng cho từng thiết bị và thời gian sử dụng trung bình của các PTH, PTN là khoảng 900G/năm [H9.09.03.04], [H9.09.03.05]. Hàng năm, Trường ĐHCT đều phân giao kinh phí mua sắm và sửa chữa thiết nhằm phục vụ tốt công tác đào tạo ngành SPHH [H9.09.01.06], [H9.09.01.08].

KSP đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi GV về hệ thống PTH, PTN phục vụ CTĐT ngành SPHH. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ GV về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 40% ý kiến đánh giá đáp ứng được khá tốt CTĐT và 26,7% đánh giá tốt về CSVC về phòng học và PTN, PTH [H9.09.01.10].

2. Điểm mạnh

ĐHCT có hệ thống phòng học thực hành, thí nghiệm với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại mới đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của SV ngành SPHH.

3. Điểm tồn tại

Trang thiết bị phục vụ thực hành cho CTĐT còn hạn chế, độ chính xác chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Đẩy mạnh khai thác phòng thực hành phục vụ học tập, đào tạo và NCKH của GV, SV ngành SPHH. Phòng Quản Trị Thiết Bị ĐHCT cần bổ sung các thiết bị mới phục vụ THTN theo chương trình sách giáo khoa mới và định hướng NCKH của SV, học sinh.

Tiếp tục phát huy thế mạnh của các PTN, PTH trong ĐHCT của các đơn vị khác để đẩy mạnh công tác giảng dạy và NCKH của SV, HV cao học, GV trường ĐHCT.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 9.4 Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng học trực tuyến, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và học tập của GV và NH [H9.09.04.04], [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Nhà trường sử dụng hệ thống phần mềm tích hợp giúp trường tin học hóa hầu hết các hoạt động quản lý và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu có ứng dụng CNTT. Hệ thống phần mềm tích hợp được cập nhật thường xuyên hàng năm [H9.09.04.07].

SV, cán bộ, viên chức của trường đều được cấp 1 tài khoản về email và 1 tài

khoản trên hệ thống phần mềm tích hợp để quản lý công việc giảng dạy, học tập. Cán bộ và SV của trường phải thực hiện đúng quy định của trường về tài khoản được phân giao [H9.09.04.08], [H9.09.04.09], [H9.09.04.10], [H9.09.04.11], [H9.09.04.12].

Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV có trình độ TS trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.09.04.13].

Hệ thống đào tạo trực tuyến giữa GV và SV đã và đang được xây dựng, đáp ứng nhu cầu đổi mới PPDH [H9.09.04.14], [H9.09.04.15].

Việc đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống phần mềm được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống CNTT của Nhà trường được đầu tư và nâng cấp hàng năm, việc đăng ký học của SV trên hệ thống được thuận lợi hơn [H9.09.04.16], [H9.09.04.17].

2. Điểm mạnh

Chất lượng hệ thống thông tin và CSDL của Nhà trường tốt, được đầu tư hiện đại, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và NCKH của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng người dùng và số lượng giao dịch lớn nên có thời điểm việc truy cập internet và hệ thống intranet của trường bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

Trung tâm thông tin và quản trị mạng cần phân luồng đăng ký học trực tuyến hợp lý theo khóa để giảm thiểu sự cố nghẽn mạng; nâng cấp hạ tầng cơ sở viễn thông và phần mềm quản lý Nhà trường.

KSP cần đẩy mạnh tin học hóa trong hoạt động giảng dạy, học tập. NCKH theo công nghệ 4.0.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 9.5 Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

ĐHCT gồm 4 khu với diện tích tổng cộng khoảng 200 ha, luôn được duy trì xanh, sạch đẹp và an toàn. Môi trường cảnh quan của ĐHCT, KSP và BM SPHH đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

Nhà trường ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và

an toàn thông qua quy chế đào tạo và quy chế chi tiêu nội bộ nhằm điều chỉnh các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản (nội trú và ngoại trú) [H8.08.05.04], [H9.09.05.01]. Trường có tổ chức các cuộc tập huấn diễn tập ứng phó khẩn cấp, triển khai công tác an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ [H8.08.05.06], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04], [H9.09.05.05].

Hệ thống ký túc xá được xây dựng theo phương thức địa phương và Nhà trường cùng đầu tư với sức chứa khoảng 9.000 SV. Hệ thống ký túc xá này được trang bị tốt đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, TDTT theo quy định. Trường có khuôn viên đẹp, có căn-tin, nhà ăn; nhà thi đấu đa năng với các phòng tập bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng đá và đặc biệt dự án hồ bơi đạt tiêu chuẩn đã được duyệt, đáp ứng các hoạt động TDTT và văn hóa, văn nghệ... của SV (<https://ssc.ctu.edu.vn/gioi-thieu/thong-tin-chung-ve-ktx.html>)[H9.09.05.06].

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh, tạo không gian thoáng mát cho SV. Nhà trường thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh cho GV và SV nói chung, và GV và SV ngành SPHH nói riêng [H9.09.05.07], [H9.09.05.08].

Trường có trạm Y tế riêng ở khu II đối diện nhà học B1, đảm bảo về CSVC, thiết bị y tế, nhân lực cho việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho học sinh, SV và cán bộ trong trường [H9.09.05.09], [H9.09.05.10], [H9.09.05.11], [H9.09.05.12].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được BGH quan tâm. Nhà trường có đội Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Ngoài ra, Trường đã lắp đặt hệ thống camera giám sát ở các vị trí then chốt trong toàn trường nhằm tăng cường đảm bảo an ninh trật tự và kịp thời giải quyết khi phát hiện sự cố. GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường [H9.09.05.13], [H9.09.05.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo quy định tiêu chuẩn xây dựng trường ĐH hiện hành. Hệ thống cây xanh hợp lý tạo cảnh quan xanh, sạch,

đẹp cho Nhà trường.

Hệ thống ký túc xá khang trang, hiện đại đáp ứng nhu cầu ăn ở của SV và khách đến trường để hợp tác nghiên cứu.

Trường có đội Bảo vệ được trang bị đầy đủ để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường.

Trường có phòng Y tế đảm bảo về CSVC, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho GV và SV ngành SPHH.

3. Diểm tồn tại

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai, hệ thống các nhà học được thiết kế thêm lối đi cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường có kế hoạch xác định và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Phòng quản trị thiết bị và phòng công tác SV cần tiếp tục đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe trong khuôn viên trường ĐHCT.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Nhìn chung, ĐHCT luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, thư viện và các nguồn học liệu, phòng thực hành và các trang thiết bị thực hành, hệ thống CNTT... Hệ thống CSVC và trang thiết bị phục vụ học tập và NCKH luôn phù hợp và được cập nhật thường xuyên. Môi trường học tập, vui chơi, giải trí, an toàn sức khỏe luôn được đảm bảo nhằm góp phần các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của GV và SV.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 9: 5,00/7.

TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Trường, ĐHCT, Khoa SP và BM SPHH rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ từ đó thiết kế, phát triển CTDH đảm bảo được chất lượng trong kiểm tra, đánh giá. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả

Từ năm học 2014, sau khi đánh giá CTĐT theo hệ thống tín chỉ, trường ĐHCT đã ra quyết định số 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28/08/2014 ban hành 93 CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa 40 trong đó có ngành SPHH có số tín chỉ tăng lên 140 tín chỉ (gồm 83 HP) [H10.10.01.01].

Nhà trường đã có hệ thống văn bản quy định, quy trình thực hiện và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai việc thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ để xây dựng và phát triển CTDH. TT. QLCL đã triển khai công tác lấy ý kiến trực tuyến các BLQ (SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) một cách định kỳ, thường xuyên hàng năm trên web <https://qat.ctu.edu.vn/> [H10.10.01.02]. Phiếu khảo sát các BLQ được thiết kế các tiêu chí đánh giá bao gồm: hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện CSVC. Thông tin phản hồi đã được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.03]. Đến năm 2018, Nhà trường ra quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT thành lập tổ thư ký và các tổ điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH. [H10.10.01.04].

Năm 2018, BM SPHH cũng có đợt khảo sát thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ (gồm nhà tuyển dụng, , SV đang học và, SV đã tốt nghiệp). Kết quả khảo sát nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH cho ngành SPHH K45 [H10.10.01.05].

Ngoài ra, thông qua việc tổ chức thực tập cho SV ngành SPHH, các phản hồi của SV trong quá trình TTSP, cũng như các ý kiến góp ý của các trường THPT về chuyên môn, PPGD của SV thực tập cũng là kênh thông tin để Nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTDH [H10.10.01.06].

Bên cạnh đó, BM có mời các nhà tuyển dụng báo cáo, chia sẻ về yêu cầu chuyên môn tạo cơ hội việc làm cho SV ngành SPHH sau tốt nghiệp mà không tham gia giảng dạy ở các trường phổ thông, BM đã nhận được nhiều ý kiến về yêu cầu thực tiễn trong việc phát triển CTĐT [H10.10.01.07].

KSP, BM SPHH sau khi tổng hợp thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đã tiến hành được xử lý thông tin và sử dụng để tiến hành điều chỉnh CTDH cho ngành SPHH K45 [H10.10.01.08].

2. Điểm mạnh

- Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT và CTDH.

- Hoạt động lấy ý kiến SV về quá trình đào tạo được triển khai hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ các BLQ gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được đầy đủ BLQ và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2020, BM tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng (tổ trưởng chuyên môn, BGH trường THPT, lãnh đạo Sở GD) và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo SPHH 02 năm/1 lần.

- Hàng năm BM tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV về quá trình đào tạo, hợp tác chặt chẽ với các trường THPT và để nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác TTSP.

- Định kỳ theo kế hoạch tiếp tục đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 10.2 Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Việc thiết kế phát triển CTDH trình độ ĐH ngành SPHH được thiết lập, có quy trình thiết kế và phát triển, định kỳ được rà soát đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

CTDH trình độ ĐH ngành SPHH thiết lập căn cứ vào CĐR ngành SPHH trường

ĐHCT [H10.10.02.01]. và kế hoạch điều chỉnh, biên soạn, xây dựng CTGD ĐH hệ chính quy của Nhà trường.

Trong năm 2013, trường ĐHCT đã đưa ra quyết định thành lập tổ điều chỉnh MT đào tạo, CĐR của các CTĐT dựa trên hướng dẫn số 2098/ĐHCT ngày 08/11/2013 [H10.10.02.02]. Từ năm 2014, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành SPHH được lấy ý kiến đánh giá, điều chỉnh và cải tiến dùng cho SV SPHH K40.

Năm 2017, Nhà trường tiếp tục lên kế hoạch về việc kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết HP thuộc CTĐT ĐH hệ chính quy và rà soát CTĐT và đến năm 2018, trường ĐHCT đã ra quyết định lập tổ thư ký và tổ điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH. Theo cuộc họp của Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT, thường trực Hội đồng khoa học Trường ĐHCT số 2194/BB-ĐHCT ngày 16/10/2018 và kế hoạch điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH áp dụng từ khóa 45, BM SPHH kết hợp với HĐKH Khoa SP, tiến hành họp điều chỉnh CTĐT của ngành SPHH căn cứ vào việc khảo sát ý kiến SV về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của GV về chất lượng CTĐT, có sự đối chiếu với các CTĐT cùng chuyên ngành của các trường ĐH có uy tín trong nước và đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo phù hợp với CĐR ngành SPHH để thiết kế CTĐT mới áp dụng cho SV của ngành SPHH. [H10.10.02.03]

Bảng 10.1 So sánh CTDH năm 2014 và CTDH năm 2019

CTDH	Năm 2014 (K40)	Năm 2019 (K45)
MT của CTĐT	MT (chung)	MT chung, MT cụ thể
CĐR của CTĐT	Bao gồm hầu hết các chuẩn trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên THPT	Chỉ bao gồm các mức độ tối thiểu trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên
MT của HP	Không đối chiếu với CĐR của CTĐT	Có đối chiếu với CĐR của CTĐT
CĐR của HP	Không được xác định	Được xác định, có đối chiếu CĐR HP với MT HP và CĐR CTĐT
Cách đánh giá HP	Đối chiếu với MT HP	Đối chiếu với CĐR HP

Sau khi thẩm định, Hội đồng khoa học của Khoa chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để trường ĐHCT thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT ngành SPHH năm 2019 [H10.10.02.04] có cải tiến so với CTĐT năm 2014 (Bảng 10.1).

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ

theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc cải tiến CTĐT được căn cứ theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường thiếu sự chủ động của BM là chưa chủ động tổ chức lấy ý kiến các BLQ hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm, Khoa và BM tiếp tục đánh giá và cải tiến định kỳ CTDH cũng như cập nhật, điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 10.3 *Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.*

1. Mô tả

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV thể hiện rất rõ trong các văn bản của Trường, như: đề cương chi tiết HP [H10.10.03.01], quy định về công tác học vụ [H10.10.03.02], kế hoạch giảng dạy, đăng ký HP của mỗi học kỳ [H10.10.03.03], và kế hoạch giám sát kiểm tra coi thi kết thúc HP mà BM và GV phải thực hiện [H10.10.03.04].

Hàng năm, Nhà trường đều đề ra kế hoạch rà soát, đánh giá thường xuyên kết quả hoạt động của SV, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR [H10.10.01.02].

TT.QLCL phối hợp phối hợp cùng BM tiến hành lấy ý kiến phản hồi của SV liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung GV có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.05].

Mỗi học kỳ, BM thường xuyên tổ chức các cuộc họp giữa BCN BM, CVHT và Ban cán sự các lớp SPHH, nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.06].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết HP, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá, ... Mỗi HP phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có quy định về trọng số điểm và đề thi phải bám sát MT HP và CDR cần đạt

được [H10.10.03.07].

Kết quả học tập của SV được quản lý chặt chẽ và được kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu quản lý điểm SV [H10.10.03.08].

Việc ra đề, chấm thi đều do GV dạy HP đảm nhiệm và được quy định cụ thể trong văn bản của Nhà trường [H3.03.02.01].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học được tổ chức và thực hiện nghiêm túc, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

Phần lớn các môn học có hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường ĐHCT, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Còn vài môn học việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá nhưng kết quả còn hạn chế về việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2020, mỗi học kỳ BM SPHH tổ chức lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, SV để cải thiện quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tiếp cận năng lực để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 10.4 Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Hằng năm, GV và SV BM luôn tích cực tham gia NCKH. Các NCKH của GV và SV thực hiện ở các cấp (Bảng 10.2) [H10.10.04.01]. Trong đó có nhiều đề tài liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH sau khi được nghiệm thu và công bố được chuyển tải thành nội dung giảng dạy trong CTDH tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu [H10.10.04.02]. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm tài liệu học tập và nghiên cứu cho SV trong quá trình đào tạo [H10.10.04.03].

Các kết quả NCKH có liên quan đến việc dạy và học được đưa vào hoạt động dạy và học để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV [H10.10.04.04], như việc sử dụng kết quả phân tích các hợp chất tách chiết được trong

các đề tài về chuyên ngành Hóa hữu cơ đưa vào bài tập cho SV phân tích phổ ở môn cơ sở lý thuyết Hóa hữu cơ...; các đề tài nghiên cứu về hoạt động giảng dạy SV, sách tham khảo về thiết kế hoạt động trải nghiệm môn KHTN... giúp SV có nguồn tài liệu quý, hoàn thiện hơn trong các HP về phương pháp như Tập giảng, Phương pháp giảng dạy, nguyên lý dạy học Hóa học, KTSP, TTSP... bổ sung thêm cho SV các phương pháp dạy và học mới theo hướng phát triển năng lực nhằm phát huy tính sáng tạo, khả năng tự học của SV.

Bảng 10.2 Các công trình khoa học GV BM SPHH từ năm 2015 - 2019

TT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1	Đề tài cấp Bộ*	1				
2	Đề tài cấp trường	1			3	2
3	Sách chuyên khảo				1	
4	Sách giáo trình		1	1	2	
5	Sách tham khảo					1
6	Tạp chí khoa học quốc tế	2	1	2	1	3
7	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	3	4	7	5	4
8	Tạp chí/ tập san của cấp trường		3	2	1	2

Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành SPHH thuộc các lĩnh vực chuyên môn đào tạo như Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa lý và Hóa phân tích, Lý luận và PPDH hóa học để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học [H10.10.04.05].

Bảng 10.3 Thông tin đề tài NCKH của SV từ năm 2015-2019

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1	Số SV tham gia NCHK	2	3	5	3	3
2	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	1	0	1	1	1
3	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	0	1	1	0

Các đề tài của SV SPHH trong năm năm gần đây tuy khiêm tốn về số lượng nhưng

trong số đó cũng có các đề tài đã đạt giải trong hội nghị NCKH Trẻ trường ĐHCT và giải thưởng SV NCKH của Bộ giáo dục [H10.10.04.06] (Bảng 10.3) đã khẳng định tính tích cực của hoạt động NCKH đối với GV và SV cũng như sự đóng góp của nó vào việc dạy và học, làm động lực để thúc đẩy hơn nữa chất lượng và hiệu quả NCKH.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau (đề tài NCKH, viết sách tham khảo, sách chuyên khảo), kết quả của nhiều nhiều nghiên cứu được vận dụng có hiệu quả vào việc gắn kết với các hoạt động giảng dạy của GV và việc học tập của SV, giúp GV có thêm nhiều ví dụ, SV có nhiều nguồn tài liệu tham khảo để cải tiến việc dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng kết quả NCKH có liên quan đến việc dạy và học để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- GV BM SPHH tăng cường sử dụng các NCKH vào bài dạy nhằm cải hoạt động giảng dạy, cũng như khuyến khích SV sử dụng các NCKH, sách tham khảo, chuyên khảo làm nguồn tài liệu phục vụ cho hoạt động học tập của SV.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 10.5 *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện Khoa, TTHL của trường, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến*

1. Mô tả

Trường ĐHCT luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đóng góp một phần rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. *Trường có văn bản quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01].*

Trường thực hiện việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn SV, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa). Hằng năm, Trường thực hiện kiểm tra chất lượng của các PTN, hệ thống CNTT, hệ thống thư viện để ĐBCL hỗ trợ và tiện ích nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy và học tập [H10.10.05.02]. Ngoài ra, Trường cũng thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của SV về các dịch vụ và tiện ích của Trường và

KSP đối với việc giảng dạy và học tập [H10.10.05.03]. Nhìn chung, SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện CSVC, các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích phục vụ cho việc học, nghiên cứu thông qua kết quả khảo sát ở Bảng 10.4.

Bảng 10.4 Kết quả khảo sát SV về các hoạt động hỗ trợ học tập năm 2018 (%)

	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
Có các hoạt động tư vấn học tập, sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động thanh niên	0,00	0,00	12,20	73,17	14,63
Môi trường xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho SV	0,00	0,00	12,20	70,73	17,07
Có hệ thống phòng học và giảng đường được trang bị phù hợp để hỗ trợ học tập và sinh hoạt tập thể	0,00	0,00	9,76	73,17	17,07
PTN, thực hành, và trang thiết bị phù hợp và hiện đại để hỗ trợ các hoạt động và NCKH	0,00	0,00	9,76	58,54	31,71
Thư viện có các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động học tập và NCKH	0,00	0,00	9,76	58,54	31,71
Hệ thống CNTT phù hợp và hiện đại để hỗ trợ các hoạt động học tập và NCKH	0,00	0,00	4,88	70,73	21,95

Mỗi học kỳ, BCN BM SPHH, CVHT họp với đại diện BCS, BCH Chi đoàn các lớp và định kỳ hàng năm, Nhà trường đều tổ chức buổi “Hiệu trưởng tiếp xúc SV” nhằm thể hiện sự quan tâm, lắng nghe những ý kiến chính đáng của SV, từ đó, tiếp thu và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp trong công tác quản lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.05.04].

Dựa trên kết quả kiểm tra, khảo sát, Trường *thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác*. Hàng năm Trường, KSP đều xem xét và đề xuất nâng cấp, sửa chữa hoặc mua mới các đồ dùng phục vụ học tập, các thiết bị như máy chiếu, màn hình nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ việc giảng dạy và học tập cho cán bộ và SV [H10.10.05.05].

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho SV được tương tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho SV như Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ (<https://ctts.ctu.edu.vn/>), (<https://lrc.ctu.edu.vn/>), Trung tâm NC và Ứng dụng công nghệ (<https://ccac.ctu.edu.vn/>), Trung

tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV (<https://scs.ctu.edu.vn/>), Không gian sáng chế (<https://mis.ctu.edu.vn/>) [H10.10.05.06].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của GV, cán bộ viên chức và SV được thực hiện thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ.

Đã có nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho SV;

3. Điểm tồn tại

Một số các phản hồi từ GV và SV về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (PTN), hệ thống CNTT chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào ngân sách và quy hoạch tổng thể của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019-2020, rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học;

Tiếp tục hàng năm đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại TTHL, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác)

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 10.6 Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các BLQ để phát triển CTDH, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của SV ngành SPHH được thực hiện một cách hệ thống. Trung tâm QLCL là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các BLQ trong cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Trường ĐHCT đã xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các BLQ trên cơ sở đó lập kế hoạch khảo sát và hướng dẫn các bộ phận trong việc triển khai khảo sát. Nhà trường thực hiện việc khảo sát trực tuyến thông qua SV đã tốt nghiệp về CTĐT [H10.10.01.02]. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường thông báo tới các đơn vị liên quan và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và

các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Năm 2017, BM cũng đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến GV qua các cuộc họp ở BM [H10.10.06.01].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức thực tập cho SV ngành SPHH. Phòng Đào tạo và BM lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động TTSP và tổ chức kiểm tra thực tập của SV tại các trường THPT. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng CTDH, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho SV đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.06.02].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, trung tâm QLCL tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các BLQ để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.03]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các BLQ, phòng QLCL gửi kết quả khảo sát cho lãnh đạo BM, GV giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, BM phân tích làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTDH [H10.10.06.04].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống;

Cơ chế phản hồi được đánh giá, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Các phản hồi của SV về trang thiết bị đôi khi chưa được cải tiến kịp thời do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm định kỳ tổ chức lấy ý kiến BLQ, kịp thời phản hồi đến Trường Khoa nhằm nâng cao chất lượng, phát triển CTDH.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện một cách có hệ thống cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPHH đã được Nhà trường, Khoa và BCN BM xem trọng, định kỳ đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào CDR ngành SPHH,

trường ĐHCT và kế hoạch biên soạn, xây dựng CTGD ĐH hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu SV, chuyên gia giáo dục tại các trường ĐH là căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh lại CTĐT; thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của SV ở từng HP theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của SV, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 10: 5,00/7.

TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

BM SPHH - Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo ngành cử nhân SPHH với kinh nghiệm trên 50 năm và uy tín hàng đầu ở ĐBSCL. Nguồn SV đầu vào của ngành luôn thuộc top cao trong số các ngành tuyển sinh khối A và B ở Trường ĐHCT nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung. Trong công tác ĐBCL, Trường ĐHCT không những coi trọng đầu vào và quá trình tổ chức thực hiện, mà còn đặc biệt quan tâm đến kết quả đầu ra. Nó được xem là cơ sở quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt động ĐBCL ở các ngành học của Nhà trường. Kết quả đầu ra được đánh giá dựa vào mức độ đạt được của CDR như: tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của SV và mức độ hài lòng của các BLQ.

Tiêu chí 11.1 *Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

1. Mô tả

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của từng khóa đào tạo được Nhà trường xem là chỉ số cụ thể để đánh giá kết quả đầu ra, thường xuyên giám sát và đối chiếu để cải tiến chất lượng. Trường ĐHCT có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV từ cấp Trường cấp Khoa và đến cấp BM đào tạo trong suốt quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp. Các hướng dẫn về cách đánh giá kết quả học tập và điều kiện xét tốt nghiệp của SV, có quy định cụ thể về các trường hợp nghỉ học tạm thời, cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học được qui định rõ trong qui chế học vụ của SV [H3.03.02.01]. CVHT và bản thân SV cũng nắm được các kết quả học tập của SV thông qua tài khoản cá nhân [H11.11.01.01] được liên kết với P.ĐT và P.CTSV.

Từ năm 2015 đến 2019, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành SPHH từng khóa so với số SV nhập học trung bình khoảng 80% [H8.08.03.09] (không tính tỷ lệ SV của khóa 2015-2019 do các em mới vừa tốt nghiệp lần đầu). Phần lớn SVTN xếp loại khá, kể đến là xếp loại giỏi, trung bình, tỷ lệ SVTN loại xuất sắc ít hơn và dao động tùy theo từng khóa (Bảng 11.1).

Tỷ lệ SV ngành SPHH tốt nghiệp theo từng khóa khá cao so với số SV nhập học, tuy nhiên so với các ngành đào tạo khác của KSP vẫn còn thấp hơn, thông qua báo cáo

hàng năm trong hội nghị CB-CNVC của KSP [H11.11.01.02]. Có nhiều lý do khác nhau, phần lớn là do các em bỏ học (được thống kê ở Bảng 11.2) và có kết quả học tập chưa tốt nên bị buộc thôi học hoặc hiện tại còn chưa tốt nghiệp.

Bảng 11.1 Tỷ lệ SVTN 5 khoá gần nhất

Năm học	Số SV nhập học	Số SV đã tốt nghiệp	Xếp loại				Tỷ lệ (%)
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
2011 2015	55	49	0	3 (6,12%)	39 (79,60%)	7 (14,29%)	87,20
2012 2016	69	58	1 (1,72%)	2 (3,44%)	48 (84,48%)	7 (10,36%)	84,06
2013 2017	67	61	0	2 (3,28%)	55 (90,16%)	4 (6,56%)	91,04
2014 2018	57	43	0	3 (6,98%)	37 (86,04%)	3 (6,98%)	75,44
2015 2019	74	18	0	3 (16,67%)	15 (83,33%)	-	-

BM SPHH luôn theo dõi tình hình học tập của SV dựa theo kế hoạch học tập cá nhân và thông qua hệ thống quản lý theo dõi kết quả học tập của SV thông qua CVHT [H11.11.01.03]. Trong trường hợp, SV có kết quả học tập kém nằm trong diện cảnh báo học vụ, P.CTSV sẽ thông báo đến Khoa, BM để báo cho SV và gia đình về tình hình học tập thông qua quyết định cảnh báo học vụ ở mỗi học kỳ [H8.08.03.05]. Bên cạnh đó, CVHT còn là kênh thu thập thông tin tình hình học tập của SV thông qua tiết sinh hoạt CVHT mỗi tháng 1 lần [H8.08.04.02], và định kì mỗi năm học để nắm bắt các phản hồi từ SV về các vấn đề học tập [H11.11.01.04]. Thông tin về tình hình học tập là tín hiệu giúp SV thay đổi thái độ học tập khi cần thiết nhằm cải thiện được kết quả học tập ở các học kỳ tiếp theo để đạt được kết quả học tập mong đợi, qua đó giúp SV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Mặt khác, BM SPHH còn nắm bắt tình hình về thái độ học tập của SV thông qua GV BM ở các HP có số SV còn nợ để có những chỉ đạo kịp thời.

Về tình hình SV bỏ học, giai đoạn từ 2014 đến năm 2019, tỷ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học 17,39 % (Bảng 11.2) [H8.08.08.05].

BM SPHH luôn xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện, bởi vì SV thôi học đồng nghĩa với việc phải tốn thêm thời gian để lựa chọn và học tiếp ngành khác hoặc lãng phí thời gian và kinh phí đã đào tạo. BM SPHH đã tổ chức các buổi họp BM với

các CVHT, đại diện SV các Khóa để phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và hướng xử lý [H11.11.01.05]. Qua tìm hiểu được biết một số nguyên nhân sau:

Bảng 11.2 Tỷ lệ SV thôi học (trong 5 khoá gần nhất)

Năm học	Số SVTN	Số SV nhập học	Số SV nghỉ học
2011 - 2015	49	55	6
2012 - 2016	58	69	11
2013 - 2017	61	67	6
2014- 2018	43	57	14
2015 - 2019	55	74	19
Tính chung	266	322	56 (17,39%)

- Không phù hợp với nghề sư phạm, vào học SPHH do thi các ngành Y, Dược không đậu nên chuyển nguyện vọng.

- Cảm thấy không có cơ hội đầu ra vì hiện nay các sở giáo dục tuyển dụng giáo viên ít và không thường xuyên.

- Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bỏ học đi làm để phụ giúp kinh tế gia đình, không tập trung vào việc học dẫn đến học lực yếu, kém.

- Do sức khỏe không tốt dẫn đến bỏ học.

Thông qua các hoạt động tư vấn, CVHT, BM SPHH đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ SV trong quá trình học tập, cụ thể như sau:

- Tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển năng lực SP và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp như: sinh hoạt chuyên đề nâng cao năng lực SP, câu lạc bộ hóa học, báo cáo kinh nghiệm học tập, rút kinh nghiệm THSP, hướng dẫn tổ chức sinh hoạt tập thể, các hoạt động vì lợi ích cộng đồng,... [H11.11.01.06].

- SV có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó học tốt được nhận học bổng từ nhiều nguồn khác nhau như: học bổng khuyến khích học tập của Nhà trường mỗi học dành cho SV có kết quả học tập và rèn luyện tốt, nguồn quỹ của BM, học bổng Lương Định Của, Nguyễn Trường Tộ, Viet Hope, Cathay life,... [H8.08.04.09].

- Nhà trường còn hỗ trợ SV làm giấy vay vốn học tập ở địa phương,... [H11.01.01.07]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV thông suốt từ cấp Trường, cấp Khoa đến cấp BM, có các quy định, quy trình cụ thể để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

Nhà trường luôn thông tin kịp thời, định kì đến Khoa, BM về các công tác học vụ, nghỉ học của SV đến SV và gia đình, để SV nắm bắt và điều chỉnh thái độ học tập.

BCN BM SPHH có trách nhiệm cao trong việc theo dõi, phân tích tình hình học tập và nghỉ học của SV.

CVHT là người trách nhiệm cao, tận tình và luôn quan tâm với nghề, theo sát tình hình học tập cũng như hoàn cảnh gia đình của SV để có thể tư vấn và hỗ trợ kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ thôi học còn ở mức cao, việc hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn chưa đáp ứng được hết các trường hợp, giáo dục tình cảm nghề nghiệp sư phạm cần được chú trọng và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

- Trường, Khoa và BM SPHH tiếp tục thực hiện các giải pháp hiệu quả việc quản lý, giám sát và hỗ trợ SV SPHH đang học và sau khi tốt nghiệp hàng năm.

- BM SPHH tăng cường các hoạt động giáo dục tình cảm nghề nghiệp: tổ chức các buổi trao đổi nói chuyện về chuyên môn với các giáo viên trường THPT, các buổi sinh hoạt chuyên đề nâng cao năng lực SP,... cho SV đang học mỗi năm một lần.

- BCN BM SPHH tổ chức họp định kì mỗi học kì với SV các khóa và CVHT để theo dõi và nắm bắt thông tin từ SV về các vấn đề học tập, sinh hoạt,...

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thực hiện theo quy định của BGDĐT và Trường ĐHCT, CTĐT ngành SPHH có thời gian thực hiện một khóa đào tạo là 4 năm (8 học kỳ), SV có tối đa 8 năm để tốt nghiệp theo quy định Thông tư số 17/VBHN-BGDĐT ban hành quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Khi mới nhập học SV được CVHT tư vấn lập kế hoạch học tập riêng cho từng SV [H11.01.02.01]. Trong quá trình học tập, các SV có kết quả học tập không tốt được thông báo đến Khoa, BM và CVHT thông qua

danh sách cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học hàng năm, được quy định cụ thể ở Điều 18, quy chế học vụ Trường ĐHCT [H3.03.02.01].

Bảng 11.3 Thời gian tốt nghiệp trung bình 5 khoá gần nhất ngành SPHH

Khoá học	Số lượng SV	Tỷ lệ (%) SVTN/ SV hoàn thành khóa học				
		4 năm	4.5 năm	5 năm	5,5 năm	>6 năm
2011 2015	49	28 (57,14%)	5 (10,20%)	4 (8,16%)	4 (8,16%)	8 (16,32%)
2012 2016	58	34 (58,62%)	2 (3,44%)	7 (12,06%)	5 (8,62%)	10 (17,24%)
2013 2017	61	31 (36,65%)	3 (4,91%)	6 (9,83%)	5 (8,19%)	16 (26,22%)
2014 2018	43	14 (32,56%)	4 (9,30%)	15 (34,88%)	0 (0,00%)	10 (23,26%)
2015 2019	55	18 (32,70%)	17 (30,09%)	Đang theo dõi		

Bảng 11.3 trình bày số liệu về tỷ lệ SV ngành SPHH tốt nghiệp theo thời gian đào tạo được báo cáo hàng năm, có từ 32,56-58,62% SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn (4 năm) trên tổng SV hiện có [H8.08.03.09]. Tỷ lệ SVTN đúng thời gian đào tạo (4 năm) của BM khá thấp so với các ngành đào tạo khác của KSP, có thể giải thích với nhiều lý do khác nhau nhưng phần lớn liên quan đến kết quả học tập, kể đến là vấn đề sức khỏe, vấn đề cá nhân.

BM SPHH thường xuyên chỉ đạo CVHT theo dõi tình hình học tập của các SV bị rớt HP và kế hoạch đăng ký HP ở từng học kỳ của SV năm ba và năm tư để đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.02]. Trong quá trình học, các SV được hỗ trợ bởi CVHT, trợ lý giáo vụ của KSP, P.CTSV, P.ĐT [H11.11.02.03] về các vấn đề liên quan đến công tác học vụ: như mở HP, xin học trùng lịch, xét tương đương HP, hỗ trợ mở các HP vào học kì hè để SV có thể trả nợ,... Các trường hợp SV có bị cảnh báo học vụ do có kết quả học tập yếu kém được Nhà trường thông báo định kỳ hàng năm để giúp SV thay đổi thái độ học tập, nhằm cải thiện kết quả học tập và hoàn thành khóa học [H8.08.03.05].

BM SPHH cũng phân công GV làm CVHT cho các trường hợp SV chưa tốt nghiệp sau 4 năm, nhằm để theo dõi tình hình học tập và hỗ trợ các SV khi gặp khó khăn về tình hình học tập [H11.11.02.04].

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHCT thường xuyên giám sát và có nhiều biện pháp hỗ trợ SV để đảm bảo tiến độ học tập.

- SV có kế hoạch học tập rõ ràng và luôn có ý thức cố gắng để bảo đảm tiến độ học tập trong 4 năm.

- Có mối liên hệ chặt chẽ giữa gia đình và Nhà trường về vấn đề học tập, sinh hoạt của SV.

3. Điểm tồn tại

4. Kế hoạch hành động

- BM SPHH tiếp tục tăng cường công tác tư vấn học tập đối với SV thuộc diện cảnh báo học tập mỗi năm học.

- BM SPHH tìm thông tin để đối sánh nhằm có giải pháp nâng cao hiệu quả cải thiện chỉ số thời gian tốt nghiệp trung bình và thực hiện định kỳ hàng năm.

- KSP điều chỉnh kế hoạch KTSP, TTSP phù hợp, tạo điều kiện cho SV học tập các HP để có thể có SVTN trước hạn.

- Trường ĐHCT, KSP tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ SV: đăng kí HP, xin mở lớp HP, xét các HP tương đương, ưu tiên đăng kí HP cho các SV còn nợ môn, đăng kí nhiều hơn số tín chỉ cho phép trong học kì đối với SV khóa cuối,...

- BM SPHH tiếp tục tăng cường giám sát của CVHT với các SV đã bị trễ tiến độ ở mỗi học kì của năm học.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 11.3 Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để có thông tin phản hồi từ SV sau khi tốt nghiệp, nhằm cải tiến chất lượng, Trung tâm QLCL và KSP đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát SV sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01], giao trực tiếp CVHT và BM SPHH thực hiện khảo sát. Trợ lý quản lý SV của KSP được giao nhiệm vụ phân tích và báo cáo kết quả khảo sát đến Trung tâm QLCL [H8.08.04.14].

Để việc khảo sát đạt kết quả tốt, Trung tâm QLCL đã phối hợp với các đơn vị trong Trường tổ chức tập huấn cho các cán bộ được phân công nhiệm vụ ở các đơn vị [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

Kết quả điều tra những năm vừa qua đã được báo cáo cho BGDĐT, trong đó tỷ lệ

có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp trung bình 4 năm gần đây là 63,24%, tỷ lệ này so với các ngành SP khác của Khoa là khá cao. Tỷ lệ này có khuynh hướng tăng lên theo từng năm, và có khuynh hướng chuyển làm việc ở khu vực tư nhân. Một trong những nguyên nhân quan trọng, do số lượng chỉ tiêu SV ngành SPHH gần đây giảm, SVTN giảm tỷ lệ cạnh tranh với nhu cầu tuyển dụng giáo viên ngành SPHH ở vùng, và đặc biệt nhiều cơ sở giáo dục tư nhân tăng lên về số lượng.

Bảng 11.4 Môi trường làm việc của SVTN ngành SPHH

STT	Môi trường làm việc của SVTN	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tình hình việc làm					
1	Đúng ngành đào tạo	15	20	15	11
2	Liên quan đến ngành đào tạo	2	0	7	1
3	Không liên quan đến ngành đào tạo	0	6	9	4
4	Tiếp tục học nâng cao trình độ	0	5	7	2
5	Chưa có việc làm	8	15	8	4
6	Số SV phản hồi/SVTN	25/36	46/46	46/53	22/27
7	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SV phản hồi (%)	68,00	67,39	82,61	81,82
8	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SVTN (%)	47,20	67,39	71,70	66,67
	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SVTN (%) Trung bình 4 năm	63,24			
Khu vực làm việc					
1	Nhà nước	15	10	8	4
2	Tư nhân	1	14	14	9
3	Tự tạo việc làm	1	1	3	3
4	Có yếu tố nước ngoài	0	1	1	0

Thông tin việc làm của SV sau tốt nghiệp được bộ phận QLCL của KSP xử lý, phân tích đối sánh, cùng với các thông tin phản hồi khác nhằm tìm ra biện pháp cải tiến.

Để nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng tìm việc làm của SV sau tốt nghiệp,

Trường ĐHCT đã có nhiều biện pháp tích cực và thường xuyên như:

- + KSP thường tổ chức sinh hoạt chuyên đề nâng cao năng lực SP với các GV có chuyên môn [H11.11.03.04].

- + KSP đã đưa HP Kỹ năng mềm vào CTĐT cho SV các ngành SP [H1.01.01.02], Trung tâm tư vấn khởi nghiệp và hỗ trợ SV của Trường ĐHCT cũng tổ chức các lớp kỹ năng mềm cho SV và GV [H11.11.03.05].

- + Nhà trường thường xuyên cung cấp thông tin tuyển dụng trên trang website Hội chợ việc làm, Hội cựu SV <https://vieclam.ctu.edu.vn/index.php>, thông tin trên các trang mạng xã hội của Trường để giúp SV tiếp cận dễ dàng và kịp thời. Ngoài ra, thông qua các mối quan hệ cá nhân của GV trong BM cũng giới thiệu việc làm cho nhiều SV có nhu cầu tìm việc.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT và KSP đã có hệ thống và cơ chế để khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV sau tốt nghiệp trả lời khảo sát chưa cao do một số SV sau tốt nghiệp đổi địa chỉ liên lạc làm gián đoạn thông tin, đồng thời, một số SV có việc làm khác ngành nghề đào tạo nhưng mặc cảm nên không cung cấp thông tin chính xác.

4. Kế hoạch hành động

- Trung tâm QLCL, KSP, BM SPHH tiếp tục thu thập thông tin phản hồi việc làm của SV sau khi tốt nghiệp hàng năm, nhằm đối sánh để cải tiến chất lượng đào tạo.

- Trường ĐHCT, KSP, BM SPHH thường xuyên cập nhập thông tin việc làm đến SV thông qua website trường, KSP và BM SPHH.

- Hàng năm, Trường ĐHCT điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 11.4 Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Bên cạnh việc học tập thì NCKH cũng là một hoạt động quan trọng đối với SV, nhằm giúp SV phát triển kỹ năng tự học và nghiên cứu.

Trường ĐHCT đã ban hành “Hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài NCKH của SV” [H11.11.04.01]. Hàng năm, Trường ĐHCT đều thông báo cho SV đăng ký đề tài NCKH

và dành nguồn ngân sách riêng cho các đề tài của SV của Trường, với kinh phí tối đa 15 triệu cho một đề tài [H11.11.04.02]. Ngoài ra, Trường ĐHCT cũng ban hành các quyết định khác nhau nhằm khuyến khích, khen thưởng GV và SV làm tốt công tác NCKH được quy định rõ ở Chương 5, Điều 18 quy định quản lý nhiệm vụ Khoa học Công nghệ Trường ĐHCT [H11.11.04.03]. Trong quá trình giảng dạy cũng như thông qua kênh CVHT, các GV thường xuyên cung cấp thông tin về hoạt động NCKH cho SV, cách thức đăng ký đề tài, định hướng và khuyến khích các em tham gia thực hiện đề tài NCKH.

Hoạt động NCKH của SV ở BM SPHH khá nội bậc so với các chuyên ngành SP khác bởi số lượng đề tài từ năm 2017 đến nay luôn duy trì ổn định được thống kê Bảng 11.5 [H6.06.07.04]. Ngoài việc tham gia vào đề tài NCKH của Trường, SV BM SPHH còn tham gia các hội thảo khoa học SV do KSP, Trường ĐHCT hay hội thảo toàn quốc các trường ĐH SP tổ chức, đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ của BGDDT, Trường ĐHCT: 01 giải nhì (năm 2015), 01 giải nhì (năm 2018), 01 giải khuyến khích (năm 2019), tại hội nghị NCKH Trẻ ĐHCT, giải Khuyến khích SV NCKH 2018 BGDDT [H3.03.01.02]. Thông qua hoạt động NCKH, SV có thể trang bị được nhiều kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp sau này.

Bảng 11.5 Tổng kết hoạt động NCKH trong SV

STT	Năm	Số lượng đề tài NCKH trong SV	
		BM SPHH	KSP
1	2015	01	11
2	2016	02	15
3	2017	05	10
4	2018	01	15
5	2019	02	19

GV của BM SPHH chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.02]. Chính vì thế, nhiều SV của BM SPHH cũng có cơ hội tham gia hỗ trợ cho GV thực hiện đề tài, góp phần phát triển kỹ năng NCKH. Ngoài ra, mỗi học kỳ BM đều tổ chức từ 2 đến 4 seminar cho GV, với SV tham dự [H6.06.04.05]. Thông qua đó SV được tiếp cận với công tác NCKH tốt hơn, dần dần hình thành lòng say mê trong công tác NCKH.

2. Điểm mạnh

- BM SPHH là một trong những đơn vị đi đầu trong công tác NCKH ở KSP, làm động lực tốt để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

- Nhiều SV say mê, thích thú với NCKH.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù BM SPHH chuyên về đào tạo GV, số lượng SV đam mê NCKH còn ít, mặt khác, trang thiết bị phục vụ công tác NCKH cho SV và GV còn ít so với các Khoa khác, nên làm giảm lòng nhiệt huyết của SV cũng như GV BM SPHH.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm, Trường ĐHCT bổ sung trang thiết bị phục vụ NCKH cho SV, tiếp tục duy trì các hình thức khen thưởng, động viên SV và GV trong công tác NCKH.

- Trong các kế hoạch điều chỉnh CTĐT sắp tới của Trường ĐHCT, Tổ điều chỉnh CTĐT của BM sẽ có những điều chỉnh mới trong đó khuyến khích SV NCKH, sáng tạo và khởi nghiệp bằng các dự án học tập, thay đổi một số HP.

- BM SPHH, Khoa thành lập câu lạc bộ NCKH để SV có thể tự trao đổi kinh nghiệm trong NCKH, mỗi năm một lần.

5. Tự đánh giá: mức 5/7.

Tiêu chí 11.5 *Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

1. Mô tả

Sự hài lòng về CTĐT ngành SPHH và chất lượng của SVTN được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát 04 BLQ: (1) SV đang học (tương đương khóa 42, 43, 44 và 45), (2) GV (bao gồm cơ hữu và mời giảng), (3) Cựu SV (từ khóa 41 trở về trước) và (4) Nhà sử dụng lao động (BGH, tổ trưởng chuyên môn và chuyên viên sở Giáo dục và Đào tạo).

- *Đối với GV*

Hàng năm, vào đầu năm học, Trường ĐHCT đều tổ chức hội nghị viên chức ở các cấp từ BM, Khoa và Trường để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn; các ý kiến đóng góp của GV được ghi nhận, đặc biệt là các ý kiến đóng góp nhằm nâng cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc. Bên cạnh đó, mức độ hài lòng của GV được BM SPHH thu thập thông qua các bản hỏi vào tháng 9/2018 [H1.01.01.06] với kết quả như trình bày trong Bảng 11.6.

Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỷ lệ đánh giá tốt các chỉ số của CTĐT đạt kết quả cao.

Bảng 11.6 Một số chỉ tiêu khảo sát giảng viên về CTĐT

(Đơn vị: %)

Mức độ hài lòng	1	2	3	4	5
MT của CTĐT ngành SPHH rõ ràng và phù hợp với MT của Luật Giáo dục Đại học	0,00	0,00	0,00	60,00	40,00
MT và CDR của CTĐT ngành SPHH rõ ràng và phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mệnh của Trường ĐHCT	0,00	0,00	0,00	60,00	40,00
CDR đã phản ánh được MT của CTĐT ngành SPHH (%)	0,00	0,00	6,67	53,33	40,00
CDR đã phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động (%)	0,00	0,00	6,67	53,33	40,00

- Đối với SV

Để có được thông tin phản hồi liên quan đến sự hài lòng, Trường ĐHCT nói chung và KSP nói riêng đã có kế hoạch chủ động thu thập thông tin phản hồi của SV, đánh giá ở tất cả các HP trong CTĐT từ năm 2014 đến nay, thông qua hệ thống lấy ý kiến trực tuyến SV [H4.04.02.08], Hoạt động này đã trở thành một trong các hoạt động ĐBCL trọng tâm, được duy trì cuối mỗi học kỳ chính. Ngoài ra, mức độ hài lòng của SV đang theo học được BM SPHH thu thập thông qua các bản hỏi vào tháng 9/2018 [H1.01.01.06] với kết quả như trình bày trong Bảng 11.7.

Kết quả thống kê khảo sát cho thấy mức độ hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đều đạt ở mức cao. Ngoài ra, định kỳ hàng năm Khoa và Nhà trường đều tổ chức các hội nghị dân chủ SV, tạo diễn đàn tiếp xúc đối thoại trực tiếp giữa SV của từng đơn vị đào tạo với các đơn vị chức năng và với Hiệu trưởng Nhà trường về mọi mặt hoạt động liên quan đến SV [H8.08.05.09], nhằm tiếp thu các ý kiến để nâng cao cải tiến chất lượng đào tạo [H11.11.05.01].

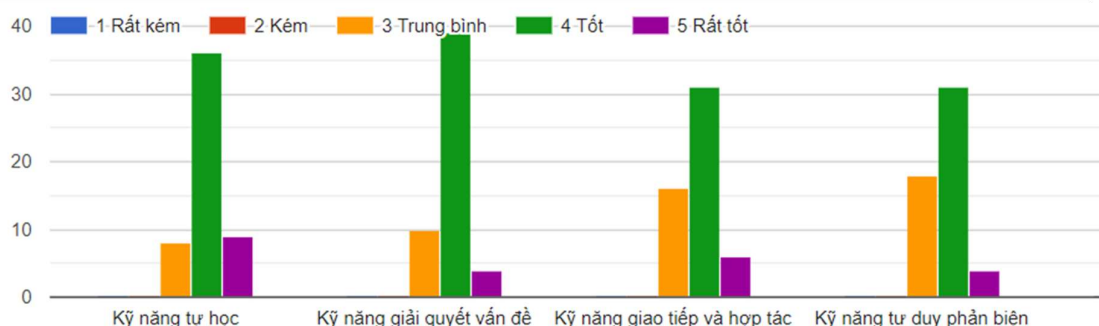
- Đối với cựu SV

Để có được thông tin phản hồi liên quan đến sự hài lòng, Trường ĐHCT hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến SV vừa tốt nghiệp thông qua hệ thống lấy ý kiến trực tuyến của Nhà trường, kết quả khảo sát phần lớn đều cho kết quả hài lòng về CTĐT, các hoạt động tổ chức giảng dạy của GV, dịch vụ hỗ trợ Nhà trường,..[H11.11.05.02], để Nhà trường có những điều chỉnh hợp lý. Mặt khác, BM SPHH thu thập thông qua các bản hỏi vào

tháng 9/2018 [H1.01.01.06] với kết quả được biểu diễn ở các đồ thị Hình 11.1 và 11.2.

Bảng 11.7 Kết quả khảo sát SV về CTĐT (Đơn vị: %)

	<i>Rất kém</i>	<i>Kém</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Tốt</i>	<i>Rất tốt</i>
1. Đánh giá về MT của CTĐT					
Ma trận của CTĐT được xác định rõ ràng	0,00	0,00	4,87	80,49	14,63
Ma trận của CTĐT có phản ánh được nhu cầu thị trường lao động	2,44	0,00	24,39	73,17	0,00
2. Mức độ đạt được về kỹ năng					
Kỹ năng tự học	0,00	0,00	39,02	56,10	4,87
Kỹ năng giải quyết vấn đề	0,00	4,87	29,27	58,24	7,32
Kỹ năng giao tiếp và hợp tác	0,00	4,87	23,81	58,53	12,20
Kỹ năng tư duy phản biện	0,00	7,32	31,70	41,46	7,31
Kỹ năng sử dụng phương tiện truyền thông, công cụ trang thiết bị giảng dạy	0,00	0,00	9,76	80,49	9,76
Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ	0,00	0,00	21,95	56,10	21,95
Kỹ năng NCKH, kỹ năng tổ chức quản lý và lãnh đạo	0,00	2,44	43,90	30,02	14,63
Kỹ năng lập kế hoạch và điều khiển quá trình dạy học	0,00	0,00	14,63	73,17	12,96
Kỹ năng làm việc ở PTN	0,00	0,00	7,32	58,54	34,14

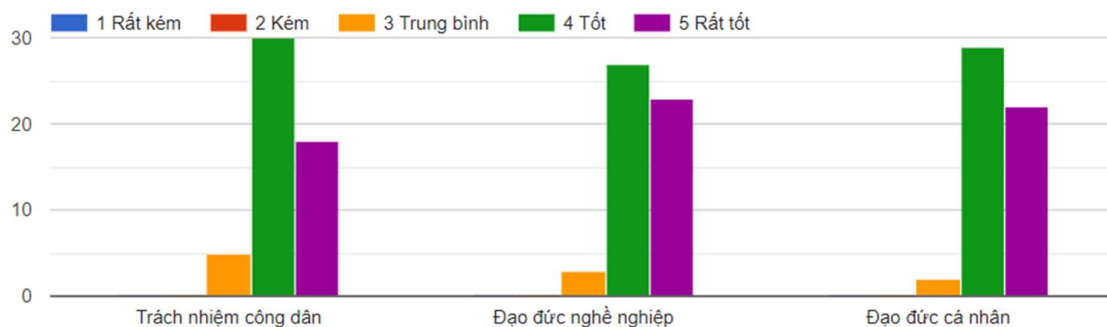


Hình 11.1 Kết quả khảo sát về mức độ đạt được về kỹ năng khi ra trường

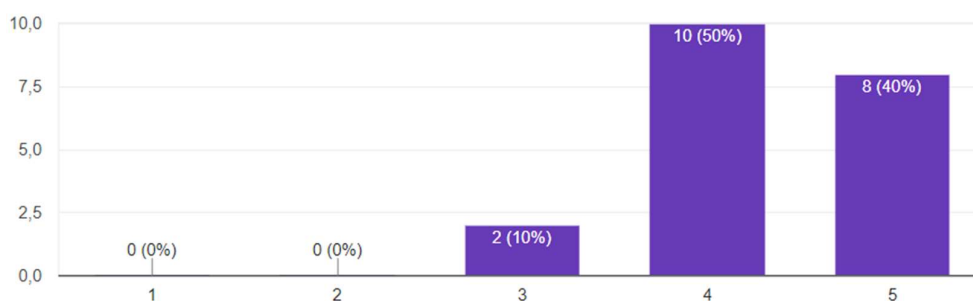
- Đối với nhà tuyển dụng

Ngoài ra, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, BM SPHH còn tiến hành lấy ý kiến nhà tuyển dụng là các BGH các trường THPT trên địa bàn và các tỉnh lân cận về CTĐT để nâng cao chất lượng. BM SPHH thu thập thông tin bằng các hình thức phỏng vấn

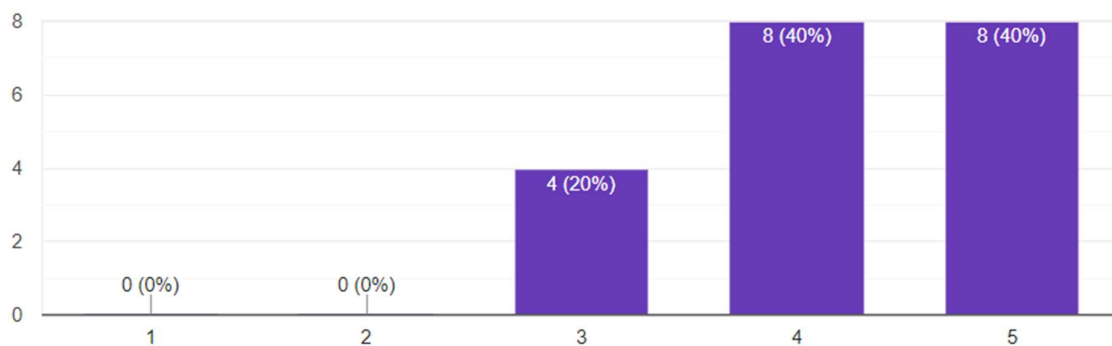
trực tiếp và gián tiếp thông qua các bản hỏi vào tháng 9/2018 [H1.01.01.06], kết quả được biểu diễn ở các đồ thị Hình 11.3, 11.4 và 11.5.



Hình 11.2 Kết quả khảo sát về mức độ đạt được về thái độ/phẩm chất



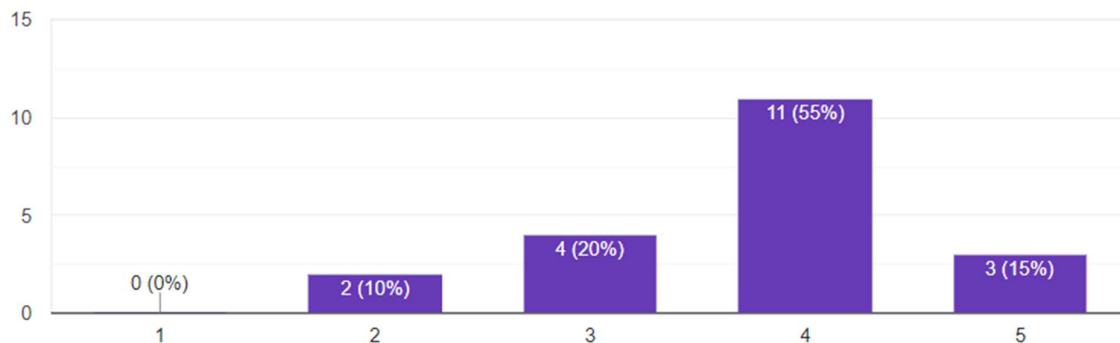
Hình 11.3 Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về MT và CDR của CTĐT ngành SPHH rõ ràng và phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mệnh của Trường ĐHCT



Hình 11.4 Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về CDR đã phản ánh được MT của CTĐT ngành SPHH

Đánh giá của phía nhà tuyển dụng, sử dụng lao động những năm qua, KSP nói chung và BM SPHH nói riêng chủ yếu là những ý kiến qua các cuộc họp mỗi kỳ tổng kết thực kiến tập, TTSP [H11.11.05.03]. Đa số các ý kiến phản hồi từ các cơ sở giáo dục cho thấy trình độ chuyên môn của SV ngành SPHH đều đạt yêu cầu, tuy nhiên cần tự trang bị thêm nhiều kỹ năng giao tiếp, năng lực SP,... Bên cạnh đó còn tổ chức các hội nghị, hội thảo hay các buổi làm việc giữa Nhà trường với các sở giáo dục và đào tạo các tỉnh trong khu vực ĐBSCL, tuy nhiên chưa có cơ chế thường xuyên và chuyên nghiệp trong việc

thu thập và xử lý thông tin để cải tiến chất lượng. Mặc dù vậy, nhiều ý kiến đã được tham khảo để cải tiến CTĐT ngành SPHH, chẳng hạn tăng thời lượng và đổi mới nội dung các môn học lĩnh vực lý luận và PPDH BM hóa trong CTĐT [H1.01.01.01], tăng cường năng lực THPT dạy học và đầu tư PTN [H9.09.01.08].



Hình 11.5 Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về CDR phù hợp với thị trường lao động

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT và KSP có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ GV, SV và khảo sát việc làm SV sau tốt nghiệp có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng chưa thực hiện được thường xuyên và theo định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm, Trung tâm QLCL kết hợp với KSP, BM SPHH tiếp tục khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, với nhiều hình thức: lấy ý kiến trực tuyến, phỏng vấn.

- Từ năm 2020, Trung tâm QLCL kết hợp với KSP, BM SPHH tiến hành nhiều hoạt động lấy ý kiến nhà tuyển dụng với cơ chế rõ ràng và thường xuyên, hai năm một lần.

5. Tự đánh giá: mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV đến cấp BM, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV và GV, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích

cải tiến chất lượng CTĐT. Việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đã được quan tâm và thực hiện thường xuyên hàng năm và khảo sát lấy ý kiến các BLQ (cựu SV) được thực hiện 2 năm/1 lần.

Trường ĐHCT rất chú trọng đến việc tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. Cán bộ của BM SPHH luôn làm gương, quan tâm hỗ trợ để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

Việc khảo sát lấy ý kiến các BLQ ở nhóm đối tượng nhà tuyển dụng chưa được thực hiện theo định kỳ.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 11: 4,80/7.

PHẦN 3: KẾT LUẬN

BM SPHH, trường ĐHCT đã triển khai Tự đánh giá CTĐT ngành SPHH theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDĐT. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên Hội đồng tự đánh giá, phòng ban chức năng và KSP. Với mục đích của Nhà trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về ngành đào tạo SPHH, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng MT đào tạo của trường ĐH trọng điểm một trung tâm lớn của khu vực, của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trong trách đối với Đảng, Nhà nước, BGDĐT và toàn xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường, KSP, BM SPHH phụ trách ngành SPHH đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, SV của Nhà trường cũng như tất cả các BLQ. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn quy định.

KSP đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và MT cho các ngành đào tạo trong đó có ngành SPHH, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực ĐBSCL và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Nam bộ.

MT của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của Nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có MT phù hợp với MT của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được MT của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các BLQ, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 4 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/HP trong CTĐT có đầy đủ thông tin. Đề cương môn học/HP được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/HP, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/HP trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau (trên lớp và trên trang web của

trường). Các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT, đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

CTĐT ngành SPHH được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp và khối kiến thức chuyên ngành Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân SPHH, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các BLQ. Các học phần trong CTĐT ngành SPHH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết. Các HP trong CTĐT ngành SPHH có sự tương thích về nội dung, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt CĐR.

Với MT giáo dục rõ ràng, BM SPHH đã đưa ra những PPGD đúng đắn, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các BLQ để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết SV và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của SV. Bên cạnh đó, BM cần tạo các môi trường giúp SV có thể đi tìm hiểu các doanh nghiệp, có cái nhìn thực tế về các công ty, doanh nghiệp hoạt động; những cuộc hội nghị, hội thảo về cải tiến CTĐT cho SV và cách dạy học cho GV nhiều hơn.

Đội ngũ GV của BM SPHH đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ SP, có tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm công tác. Nhà trường có nhiều cách thức đánh giá năng lực GV ở nhiều cấp độ khác nhau đồng thời có các chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích GV giảng dạy và NCKH. Hệ thống đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ hợp lý có tác động tốt đến tinh thần và sự tích cực trong công việc của cán bộ, GV. BM SPHH có đội ngũ cán bộ, viên chức ĐBCL, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Đội ngũ GV hiện đang được trẻ hóa, GV đạt trình độ thạc sĩ trở lên đạt gần 100%.

BM SPHH đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết GV tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của BM đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, GV được nâng cao.

Thư viện, CSVC, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành SPHH và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy

tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, SV ngành SPHH có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng Internet. Hệ thống phòng học, PTN, thực hành, ký túc xá SV đã được xây dựng đúng quy hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của trường, KSP.

Chất lượng đầu ra của SV được đảm bảo, Trường ĐH Cần Thơ và ngành SPHH đã giám sát việc đạt được các CDR, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thời học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Mặt khác NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của SV có chất lượng, SV ra trường đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: KSP-Trường Đại học Cần Thơ Mã số:.....

Tên CTĐT: SPHH

Mã số: 7140212

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100%
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								4,67	3	100%
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										

Tiêu chí 3.1				5			4,67	3	100%
Tiêu chí 3.2				5					
Tiêu chí 3.3			4						
Tiêu chuẩn 4									
Tiêu chí 4.1				5			5,00	3	100%
Tiêu chí 4.2				5					
Tiêu chí 4.3				5					
Tiêu chuẩn 5									
Tiêu chí 5.1					6		5,40	5	100%
Tiêu chí 5.2						7			

Tiêu chí 5.3			4						
Tiêu chí 5.4				5					
Tiêu chí 5.5				5					
Tiêu chuẩn 6									
Tiêu chí 6.1				5			5,00	7	100%
Tiêu chí 6.2				5					
Tiêu chí 6.3				5					
Tiêu chí 6.4				5					
Tiêu chí 6.5				5					
Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7				5					
Tiêu chuẩn 7									
Tiêu chí 7.1				5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.2				5					

Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5,0 0	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			5,00	6	100%
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			4,80	5	100%

Tiêu chí 11.2					5				
Tiêu chí 11.3					5				
Tiêu chí 11.4					6				
Tiêu chí 11.5					4				
Đánh giá chung CTĐT								50	100%

* Ghi chú: -Mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá.

- Tỷ lệ số tiêu chí đạt tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá bên cạnh những thành tựu đạt được, KSP Trường ĐHCT nói chung BM SPHH nói riêng tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, Nhà trường và KSP và BM SPHH phụ trách sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng ngành SPHH, xứng đáng là một ngành đào tạo có vị thế trong sự phát triển của Nhà trường, của khu vực ĐBSCL và của xã hội.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO

DỤC (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 26/03/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Cần Thơ
 - Tiếng Anh: Can Tho University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHCT
 - Tiếng Anh: CTU
3. Tên trước đây (nếu có): Viện Đại học Cần Thơ
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (84-292) 3832663; Fax: (84-292) 3838474;
7. E-mail: dhct@ctu.edu.vn. Website: www.ctu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 31/03/1966
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1966
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

11. Tên đơn vị thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Sư phạm
 - Tiếng Anh: School of Education
12. Tên viết tắt của BM thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: BM Sư phạm Hóa học
 - Tiếng Anh: Department of Chemistry Education
13. Tên trước đây (nếu có):
14. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Sư phạm Hóa học
 - Tiếng Anh: Chemical Teacher Education
15. Mã CTĐT: 7140212

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
17. Địa chỉ của Khoa/Viện thực hiện CTĐT: Tòa nhà Lý - Hóa Sinh, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ, Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
18. Số điện thoại liên hệ: 02923830261; Số fax: 02923830261
19. E-mail: ksp@ctu.edu.vn; Website: <https://se.ctu.edu.vn/BMhh.html>
20. Năm thành lập BM Sư phạm Hóa học: 1996
21. Thời gian bắt đầu hoạt động: 1976
22. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho: 1980

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Lịch sử phát triển

Khoa Sư phạm là một trong 4 khoa đầu tiên của Trường Đại học Cần Thơ, được thành lập từ năm 1966, với nhiệm vụ đào tạo các ngành sư phạm để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực giáo viên cho cả khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời gian từ 1966 đến 1975, số SV tốt nghiệp sư phạm (hệ 02 năm sau khi học các ngành khác ngoài sư phạm) là 1.435 và tổng số SV tuyển sinh ngành sư phạm trong thời gian này là 2.463 SV. Sau năm 1975, Khoa Sư phạm được tách thành Khoa Sư phạm Tự nhiên và Khoa Sư phạm Xã hội với nhiệm vụ là đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Sau đó, hai Khoa này lại tiếp tục tách thành 5 Khoa: Toán - Lí (1980), Hóa - Sinh (1980), Sử - Địa (1982), Ngữ Văn (1983) và Ngoại ngữ (1983). Trong đó, ngành Sư phạm Hóa học do Khoa Hóa – Sinh phụ trách. Tròn 30 năm sau, năm 1996, Khoa Sư phạm được tái thành lập trên cơ sở các Khoa trên. Tổng số SV chính quy được đào tạo từ sau 1975 đến năm 2016 là 21.525 SV; hệ chính quy đào tạo tại địa phương từ 2000 – 2016 là 2.318 SV. Như vậy, sau 50 năm thành lập (1966 – 2016), tổng số SV sư phạm đã được đào tạo tại Trường Đại học Cần Thơ là **23.843 SV**. Đội ngũ GV cơ hữu có học vị tiến sĩ, có học hàm phó giáo sư của Trường Đại học Cần Thơ đã tích cực tham gia vào lĩnh vực đào tạo sau đại học. Tổng số học viên cao học được nhận bằng thạc sĩ ở các ngành đào tạo có GV sư phạm tham gia giảng dạy, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp là **3.119**.

Đào tạo

Khoa Sư phạm hiện đang đào tạo 09 ngành bậc đại học, bao gồm: SP Toán học, SP Hóa học, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Ngữ văn, SP Lịch sử, SP Địa lý, SP Tin học và Giáo dục Tiểu học bậc cử nhân. Bậc sau đại học có 02 ngành: Lí luận và phương pháp dạy học BM Toán học, Lí luận và phương pháp dạy học BM Văn và tiếng Việt.

Số lượng SV chính quy của KSP hiện nay là 3.483, học viên cao học là 122. Trong những năm qua, chất lượng SV của KSP ngày càng tăng. SV của Khoa ra trường nhận công tác ở các cơ sở giáo dục được đánh giá cao về kiến thức chuyên môn và phương pháp dạy học. SV có thể hòa nhập ngay với môi trường SP, có thể thực hiện nhiệm vụ giảng dạy một cách tự tin và đạt yêu cầu.

Khoa Sư phạm luôn chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng bám sát nội dung, chương trình sách giáo khoa; áp dụng những hình thức và phương pháp dạy học hiện đại, phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo của SV, định hướng hành động, định hướng giải quyết vấn đề và nghiên cứu, gắn với các tình huống thực tiễn giáo dục. KSP căn cứ vào chuẩn giáo viên THPT để xây dựng nội dung CTĐT giáo viên và các tiêu chí đầu ra. Chương trình đào tạo giáo viên của KSP được cập nhật thường xuyên, đáp ứng được chuẩn giáo viên THPT và đặc biệt chú trọng công tác thực hành SP, kỹ năng nghiệp vụ SP.

Ngoài công tác đào tạo, trong nhiều năm qua, KSP đã thực hiện tốt các nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên các tỉnh ĐBSCL như: thay sách cải cách giáo dục, sách phân ban, hoàn thành công tác bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ I (1995 - 1997), chu kỳ II (1997 - 2000) và chu kỳ III (2003 - 2007), bồi dưỡng giáo viên THPT khu vực ĐBSCL thực hiện chương trình – sách giáo khoa mới từ năm 2006 - 2009. Thêm vào đó, theo đề nghị của các Sở GDĐT khu vực ĐBSCL, KSP tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THPT.

Hơn 50 năm, kể từ ngày thành lập, KSP ngày càng khẳng định vai trò đầu tàu của mình trong việc đào tạo giáo viên ở ĐBSCL. Do đó, Bộ GDĐT ngày càng tin tưởng, giao nhiệm vụ cho KSP nói riêng, Trường ĐHCT nói chung để thực hiện những hoạt động quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thông qua Chương trình MT quốc gia về giáo dục và đào tạo như: Dự án Phát triển Giáo dục THPT, Dự án Phát triển Giáo viên THPT và Trung cấp chuyên nghiệp. Đặc biệt, Dự án Phát triển Giáo viên THPT và Trung cấp chuyên nghiệp đã hỗ trợ xây dựng Trường THPT Thực

hành SP tại Trường ĐHCT. Dù đây là đơn vị trực thuộc Trường, nhưng về mặt chuyên môn và cả công tác tổ chức, Trường THPT Thực hành SP gắn bó chặt chẽ với KSP. Bộ GDĐT cũng đã giao nhiệm vụ cho KSP phối hợp với Trường THPT Thực hành Sư phạm thực hiện thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông chuẩn bị cho việc đổi mới sách giáo khoa sau năm 2015. Trong Giai đoạn II của Dự án Phát triển Giáo dục THPT, KSP là một trong 6 đơn vị (Trường Đại học SP Thái Nguyên, Trường Đại học SP Hà Nội, Trường Đại học SP Huế, KSP Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học SP Thành phố Hồ Chí Minh, KSP Trường ĐHCT) được Bộ chọn cấp kinh phí để xây dựng Trung tâm Phát triển Kỹ năng Nghiệp vụ SP nhằm phát triển nguồn lực đội ngũ giáo viên phục vụ cho việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu khoa học

Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, KSP đã chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực của GV và góp phần phục vụ cho công tác đào tạo. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa thông qua việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, tham dự các hội nghị khoa học và các công trình xuất bản. Trong giai đoạn từ 2010 – 2015, KSP đã có 151 bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành, trong đó có 33 bài đăng trên tạp chí quốc tế; 75 báo cáo khoa học tham gia các cuộc Hội thảo, trong đó có 7 báo cáo tham gia Hội thảo KH quốc tế; 05 đề tài cấp Bộ, 28 đề tài cấp cơ sở và 04 đầu sách được xuất bản. Hàng năm, KSP tổ chức khoảng 40 seminar cấp Khoa.

Định kì mỗi năm, Khoa đều tổ chức Hội nghị nghiên cứu Khoa học trẻ cho SV (SV) và học viên (HV) cao học; 02 năm một lần tổ chức Hội thảo Khoa học dạng chuyên đề cấp quốc gia. Tiêu biểu là: Hội thảo Khoa học Văn hóa Nam bộ trên bình diện giao tiếp (Phối hợp với Viện Phát triển bền vững Vùng Nam bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh) năm 2012, Hội nghị khoa học Quốc tế Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và hoạt động nghiên cứu khoa học (*Towards Quality Teacher Education & Educational Research*) vào tháng 10 năm 2013, Hội thảo khoa học Quốc gia Cải tiến công tác đào tạo SV sư phạm, nâng cao năng lực nghiên cứu và dạy học của giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông năm 2015...

Hàng năm, SV của Khoa tham gia các kì thi Olympic quốc gia về Toán học, Vật lí, Hóa học và có nhiều thành tích cao. Kết quả cụ thể năm 2016 như sau:

- Đội tuyển Olympic Toán học: 02 giải nhì môn Giải tích, 02 giải ba môn Đại số và 01 giải ba một giải tích.
- Đội tuyển Olympic Vật lí: 01 giải ba toàn đoàn, 03 giải ba bài thi trắc nghiệm, 03 giải ba thi bài tập và 02 giải ba thi thí nghiệm.
- Đội tuyển Olympic Hóa học: 03 giải nhì và 02 giải ba.

Các đề tài NCKH, các bài viết tham gia Hội thảo Khoa học cấp quốc gia, cấp trường của GV KSP không chỉ tập trung vào các nội dung thuộc khoa học giáo dục, ví dụ như việc thiết kế, thực hiện, cải tiến, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá chương trình giáo dục của Khoa, mà còn nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Ngoài ra, KSP cũng đã thực hiện nhiều dự án, đề tài nghiên cứu khoa học hợp tác với các trường Đại học của Úc, Thái Lan và tổ chức của Nhật trong lĩnh vực phát triển nghiệp vụ sư phạm cho GV và giáo viên.

Hợp tác quốc tế

KSP đã, đang và tiếp tục xây dựng, phát triển các chương trình, dự án hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường sự hiểu biết, trao đổi kiến thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và nghiên cứu khoa học. Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học là kế hoạch chiến lược của Khoa. Để đạt được được MT này, trong thời gian qua, Khoa thực hiện một số chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế: Hogeschool van Amsterdam; Đại học Amsterdam, Hà Lan; Đại học Sydney, Úc; Đại học Quốc gia Lào; Đại học Phranakhon Rajabhat, Thailand; Đại học Surathanee Rajabhat, Thailand; Đại học Jakarta, Indonesia; Các trường phổ thông tại Lào, Thái Lan và Indonesia; Đại học quốc gia Singapore; Đại học New South Wales, Úc; Tổ chức Sumitomo, Nhật Bản; Ngân hàng thế giới và AusAid. Trường Đại học Sư phạm Quốc Gia Daegu, Hàn Quốc, các nước Đông Nam Á,... Hợp tác quốc tế của Khoa được thực hiện bằng các hình thức:

- Trao đổi GV, SV
- Giảng dạy và hướng dẫn sau đại học
- Tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế

- Hợp tác nghiên cứu, công bố các công trình nghiên cứu trong kỉ yếu hội thảo khoa học và tạp chí quốc tế...

Để đẩy mạnh hợp tác, giao lưu quốc tế trong thời kì hội nhập, từ năm 2016, Trường Đại học Cần Thơ có chủ trương cấp học bổng khuyến khích để hỗ trợ SV đi tham gia hội thảo, diễn đàn quốc tế, nhất là trong khối ASEAN. KSP đang có kế hoạch thực hiện chủ trương này bằng cách hàng năm tuyển chọn SV năm thứ ba, có trình độ tiếng Anh và học lực giỏi đi học tập, giao lưu với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á. Chương trình này đã được khởi động, cụ thể là đầu tháng 6 năm 2016, Đoàn GV và SV của KSP gồm 07 thành viên đã đi giao lưu, học tập tại Trường Đại học Srinakharinwirot, Bangkok, Thái Lan trong vòng 02 tuần. *(Nguồn: Đề án Phát triển Khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ thành trung tâm đào tạo sư phạm, bồi dưỡng giáo viên và nghiên cứu khoa học giáo dục tại Đồng bằng sông Cửu Long)*

Đối với ngành SPHH, đã được đào tạo từ năm 1976 trước khi có quyết định thành lập BM SPHH năm 1996. BM đào 1 chuyên ngành đào tạo là SPHH. MT tổng quát của ngành SPHH là “Đào tạo SV trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn Hóa học trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước”. Đội ngũ CBVC BM Sư phạm Hóa học (SPHH) hiện có 12 GV. Đáp ứng các yêu cầu của Bộ GDĐT, tất cả các GV của BM khi đứng đều có bằng cấp sau đại học. Tính đến năm 2019, trong 12 cán bộ GV cơ hữu có 6 GV có trình độ Tiến sĩ, 6 GV có trình độ Thạc sĩ. Tổng số GV có trình độ tiến sĩ chiếm 50% số lượng GV cơ hữu và số GV được đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài chiếm 16,7%. Về cơ cấu giới tính, số lượng GV nữ chiếm 50% tổng số GV của BM. Về cơ cấu tổ chức, BM SPHH được chia thành 4 nhóm chuyên môn riêng biệt: phòng thí nghiệm hóa hữu cơ, phòng thực hành hóa lí, phòng thực hành phương pháp giảng dạy và phòng thực hành hóa vô cơ, phân tích. Trước đây, SV ngành SPHH có thể hoàn thành CTĐT theo học chế niên chế. Đến năm 2007, SV được đào tạo theo học chế tín chỉ dựa trên qui định của Bộ GDĐT. Số tín chỉ qui định dao động theo từng thời kì: 138 tín chỉ (Khóa 33 đến Khóa 35), 120 (Khóa 36 đến Khóa 39), 140 (Khóa 40 đến Khóa 44) và 141 (từ Khóa 45).

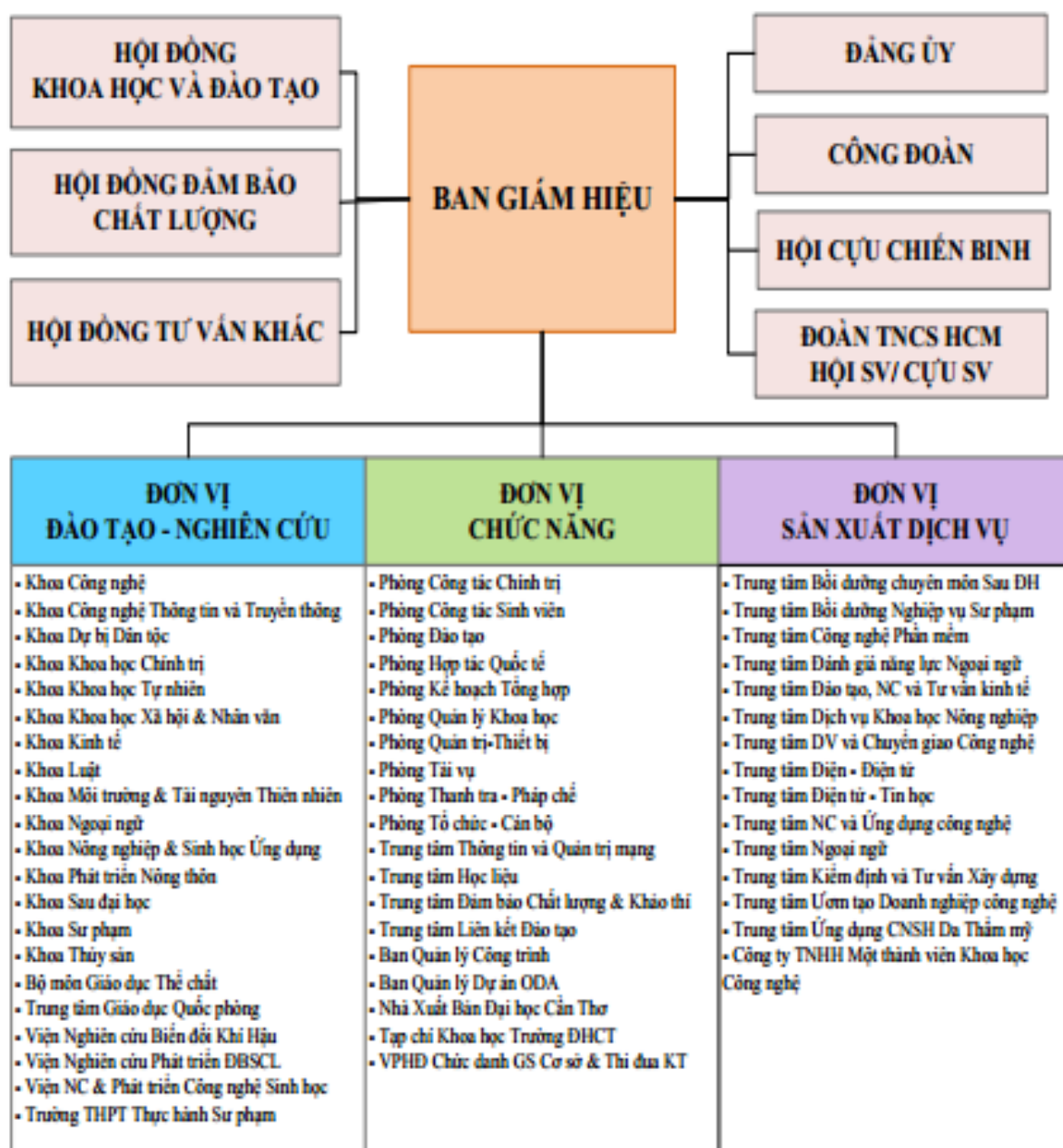
25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Trường Đại học Cần Thơ

Trường ĐHCT được thành lập ngày 31/03/1966 với tên gọi ban đầu là Viện ĐHCT, là trường công lập đa ngành và trọng điểm trực thuộc BGDĐT ở vùng ĐBSCL, là thành viên của tổ chức AUN (từ tháng 07/2013). Hoạt động duy trì và cải tiến chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn mực chất lượng quốc gia và quốc tế là chủ trương nhất quán của Trường. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỷ lệ 92,86%. Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường trong nhóm 251 - 300 trường đại học hàng đầu Châu Á. Năm 2018, Trường ĐHCT còn là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển thành Trường đa ngành đa lĩnh vực. Hiện nay Trường đào tạo 98 chuyên ngành đại học (trong đó có 2 CTĐT tiên tiến, 3 CTĐT chất lượng cao), 45 chuyên ngành cao học (trong đó 1 ngành liên kết với nước ngoài, 3 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 16 chuyên ngành nghiên cứu sinh.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của trường được thể hiện ở Hình bên dưới.



Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Cần Thơ

Chức năng và nhiệm vụ

Chức năng và nhiệm vụ của Trường ĐHCT được xác định theo Công văn số 12/TCCB ngày 02/01/1996 của BGDĐT và được điều chỉnh, bổ sung theo quy hoạch phát triển tổng thể của Trường trong từng thời kỳ Trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ “đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế -xã hội trong vùng. Song song với công tác đào tạo, Trường thực hiện các chương trình NCKH, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa và xã hội của vùng”.

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường ĐHCT đã xác định MT phát triển của Trường đến 2022 tại các quy hoạch phát triển tổng thể của Trường; tuyên bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi tại Quyết định số 1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/04/2014. Những nội dung này được trình bày cụ thể trong Tiêu chuẩn 1.

Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm (KSP) là một trong 4 đơn vị đầu tiên của Viện ĐHCT (nay là Trường ĐHCT), được thành lập vào ngày 31 tháng 3 năm 1966. Có thể nói KSP là một Khoa mà lịch sử xây dựng, phát triển trong những khoa lớn nhất của Trường ĐHCT. Kể từ khi thành lập đến nay, KSP không ngừng phát triển và đào tạo hàng vạn SV các hệ chính quy, chuyên tu, tại chức, liên thông, liên kết theo yêu cầu của các tỉnh trong khu vực ĐBSCL và vùng lân cận. Phần lớn cựu SV của KSP đã và đang là lực lượng nòng cốt của đội ngũ giáo viên các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học và học viện. Đặc biệt, một số cựu SV của KSP còn là các nhà quản lý giáo dục các cấp. Hiện nay, KSP đào tạo 09 chuyên ngành bậc đại học và 02 chuyên ngành bậc cao học. Ngoài ra, KSP còn thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên ở các tỉnh ĐBSCL về phát triển chuyên môn và nghiệp vụ Sư phạm (chúng chỉ nghiệp vụ Sư Phạm, bồi dưỡng thăng hạng cho giáo viên và GV).

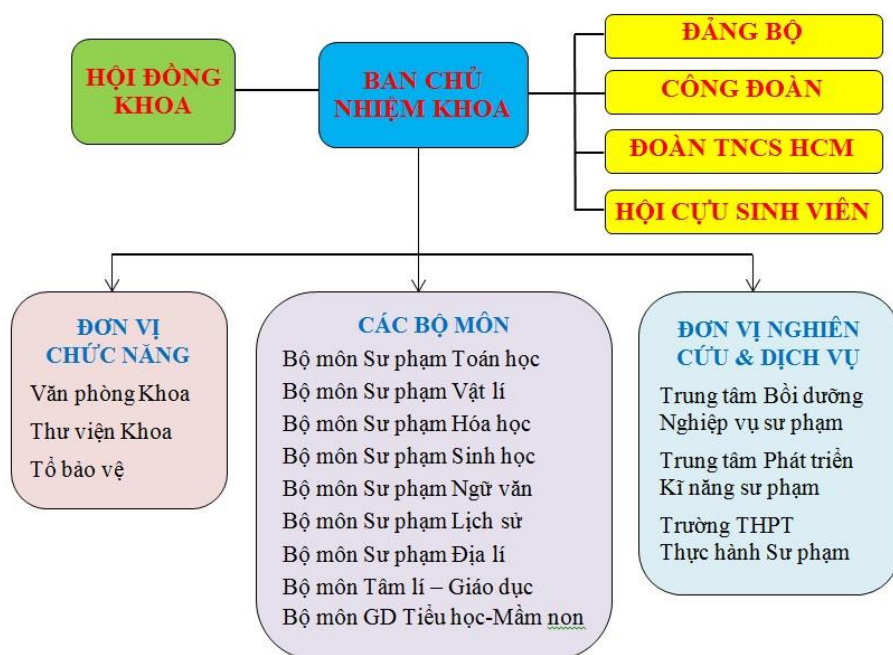
Sứ mệnh

Sứ mệnh của KSP là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên có uy tín đạt chất lượng cao ở khu vực ĐBSCL, góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội của cả nước.

Cơ cấu tổ chức

Tổng số GV và NV của KSP hiện nay là 138 người (5 PGS, 25 tiến sĩ, 80 thạc sĩ trên tổng số 122 GV). Hiện nay, có 24 GV đang học bậc tiến sĩ và 08 GV đang học bậc thạc sĩ. Đội ngũ GV của KSP giàu kinh nghiệm, có chuyên môn và tích cực trong công tác giảng dạy và NCKH (NCKH), thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ trong và ngoài nước. Ngoài ra, đội ngũ GV của KSP thường xuyên cập nhật PPDH để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng sư phạm cho SV và giáo viên.

Cơ cấu tổ chức Khoa Sư phạm được thể hiện ở Hình bên dưới.



Sơ đồ tổ chức của Khoa Sư phạm

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo Trường ĐHTC					
1	Hiệu trưởng	Hà Thanh Toàn		GS. TS.	0292 3830 604	httoan@ctu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	Trần Thị Thanh Hiền		PGS. TS.	0292 3872 098	ttthien@ctu.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Lê Việt Dũng		PGS. TS.	0292 3687 666	lvdung@ctu.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Trần Trung Tính		PGS. TS.	0292 3872 073	tttinh@ctu.edu.vn
5	Hội đồng trường	Nguyễn Thanh Phương		GS. TS.		ntphuong@ctu.edu.vn
6	Chủ tịch Công đoàn	Dương Thị Tuyền		ThS		dtuyen@ctu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
II	Lãnh đạo Khoa Sư phạm					
1	Trưởng Khoa	Nguyễn Văn Nở		PGS. TS.	0292.3872183	nvno@ctu.edu.vn
2	Phó trưởng Khoa	Trần Văn Minh		PGS. TS.	0292.3872182	tvminh@ctu.edu.vn
3	Phó trưởng Khoa	Lâm Quốc Anh		PGS. TS.	0292.3872184	quocanh@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4	Phó trưởng Khoa	Huỳnh Anh Huy		TS	0292.3872181	hahuy@ctu.edu.vn
III. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
	Bí thư Đảng ủy	Trần Văn Minh		PGS. TS.	0292.3872182	tvminh@ctu.edu.vn
	Chủ tịch Công đoàn	Nguyễn Thị Thảo Trúc		ThS.		ntttruc@ctu.edu.vn
	Bí thư Đoàn thanh niên	Phan Hoàng Linh		TS.	0907175881	phlinh@ctu.edu.vn
IV. Các phòng, ban						
1.	Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp	Dương Thanh Long		ThS.	0918934011	dtlong@ctu.edu.vn
2	Trưởng Phòng Công tác Chính trị	Trần Thiện Bình		ThS.	0913759591	ttbinh@ctu.edu.vn
3	Trưởng Phòng Công tác SV	Nguyễn Thanh Tường		TS.	0919 636 757	nttuong@ctu.edu.vn
4	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Trí		ThS.	0292.3872166	nmtri@ctu.edu.vn
5	Trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế	Lê Văn Lâm		PGS. TS.	0292.3872 160	lvlam@ctu.edu.vn
6	Trưởng Phòng Quản lý Khoa học	Lê Văn Khoa		PGS. TS.	0292.3872 175	lvkhoa@ctu.edu.vn
7	Trưởng Phòng Tài chính	Nguyễn Văn Duyệt		ThS.	0292 383 2662	nvduyet@ctu.edu.vn
8	Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Lan Hương		TS.	0292 3872 114	nlhuong@ctu.edu.vn
9	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Nguyễn Văn Trí		ThS.	0916326193	nvtri@ctu.edu.vn
10	Phòng Quản trị - Thiết bị	Lê Phi Hùng		CN.	0918367309	lphung@ctu.edu.vn
11	Trưởng Ban Quản lý Công Trình	Trần Trung Tính		PGS. TS.	0292 3872 162	tttinh@ctu.edu.vn
12	Trưởng Ban Quản lý Dự án Nâng cấp trường ĐHCT	Trần Trung Tính		PGS. TS.	0292 3872 162	tttinh@ctu.edu.vn
13	GD. Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ	Lê Nguyễn Đoan Khôi		PGS. TS.	02923872135	lndkhoi@ctu.edu.vn
14	GD. Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ	Trần Văn Lụa		TS.	0292 387.2295	tvlua@ctu.edu.vn
15	GD. Trung tâm Học liệu	Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương		ThS.	0292 383 1565	nhvvuong@ctu.edu.vn
16	GD. Trung tâm QLCL	Phan Huy Hùng		TS.	02923. 872 170	phhung@ctu.edu.vn
17	GD. Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	Lưu Trùng Dương		ThS.	0292 3830 308	luutd@ctu.edu.vn
18	GD. Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi	Trần Cao Đệ		PGS. TS.	02923 872 284	tcde@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	nghiệp SV					
19	GD. Nhà xuất bản ĐHCT	Trần Thanh Điện		TS.	02923839981	thanhdien@ctu.edu.vn
20	GD. Tạp chí Khoa học Trường ĐHCT	Hà Thanh Toàn		GS. TS.	02923 872 157	httoan@ctu.edu.vn
V.	Các BM					
1	Trưởng BM Sư phạm Toán học	Trần Trung Kiên		TS.	0796980454	ttkien@ctu.edu.vn
2	Trưởng BM Sư phạm Vật Lý	Vũ Thanh Trà		PGS. TS.	0916777386	vttra@ctu.edu.vn
3	Trưởng BM Sư phạm Hóa học	Nguyễn Phúc Đảm		TS.	0939.096.393	npdam@ctu.edu.vn
4	Trưởng BM SPSH	Đặng Minh Quân		TS.	0916749749	dmquan@ctu.edu.vn
5	Trưởng BM Sư phạm Văn học	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		TS.		nthanh@ctu.edu.vn
6	Trưởng BM Sư phạm Lịch Sử	Phạm Đức Thuận		TS.	0919788346	pdthuan@ctu.edu.vn
7	Trưởng BM Sư phạm Đại lý	Lê Văn Nhung		TS.		lvnhuong@ctu.edu.vn
8	Trưởng BM Giáo dục tiểu học & Mầm non	Trịnh Thị Hương		TS.	0985401976	tthuong@ctu.edu.vn
9	Trưởng BM Sư Tâm lý	Trần Lương		TS.	0905520076	tluong@ctu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (BM SPHH):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01.

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không.

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	X	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐

Liên kết đào tạo trong nước ☐ ☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01.

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	21	24	45
I.1	Cán bộ trong biên chế	21	24	45
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ¹)	0	0	0
	Tổng số	21	24	45

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại GV

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ² trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư	01	01	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	03	03	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	27	27	0	0	0	0

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ² trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
5	Thạc sĩ	14	14	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	45	45	0	0	0	0

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người) tham gia đào tạo ngành SPHH:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	8	0	1	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6	42	3	3	0	2	1	3	0
5	Thạc sĩ	6	50	3	3	0	5	1	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	12	100	6	6	0	7	2	3	0

1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 41,6 tuổi.

2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 50,00% .

3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 50,00%.

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ

và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

T T	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	16,67	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	83,33	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2014-2015	497	82	497/60	55	28,5/40	30,75	0
2015-2016	446	74	446/60	69	22,75/30	22,88	0
2016-2017	202	84	202/50	67	21,25/30	20,38	0
2017-2018	546	42	546/40	57	23,25/30	25,00	0
2018-2019	248	27	248/20	74	19,75/30	21,20	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	55	69	67	57	74
Hệ không chính quy					
4. SV cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	77.259,12	77.259,12	77.259,12	75.619,60	73.463,60
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)					

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
Số lượng (người)	2	3	5	3	3
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	3,63	4,34	7,46	5,26	4,05

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. SV tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	28	34	31	14	18
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	28	34	31	14	18
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	50,99	49,27	46,27	24,56	24,33
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng					

cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	47,2	43,48	41,51	44,44	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0,00	13,04	16,98	14,81	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	khoảng 4 triệu	khoảng 4 triệu	khoảng 4 triệu	khoảng 4 triệu	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu	100	100	100	100	

của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1					1
3	Đề tài cấp trường	0,5	1			3	2	3,0
4	Tổng							4,0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh

giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4,0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015	0	0	0
2	2016	0	0	0
3	2017	0	0	0
4	2018	0	0	0
5	2019	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	5	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	5	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0				1		2
2	Sách giáo trình	1,5		1	1		1	4,5

3	Sách tham khảo	1,0					1	1
4	Sách hướng dẫn	0,5						0
5	Tổng							7,5

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 7,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5/12

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				
Từ 4 đến 6 cuốn sách	1	4	1	0
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia				

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	1	2	1	3	13,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	3	4	7	5	4	23
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5		3	2	1	2	4
	Tổng							40,5

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 40,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 40/12

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	3	2
Từ 6 đến 10 bài báo		1	2
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo		1	
Tổng số cán bộ tham gia			

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0		1			1	2
2	Hội thảo trong nước	0,5		1	2	1	1	2,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng							

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 4,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7/12

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học	Cấp hội thảo
--	--------------

tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	3	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia			

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014-2015	0
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài			21	
Tổng số người học tham gia			21	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	1	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	0	1	1	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 2.089.879m².

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 14.593

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²): 178.796,01 m².

- Nơi làm việc: 10.945,89

- Nơi học: 111.971,12

- Nơi vui chơi giải trí: 55.879m².

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 3.662

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,39m²/sv

Số liệu mục 53 dựa trên minh chứng H9.09.01.01 – trang 36

Số liệu mục 54, 55, 56 dựa trên minh chứng H9.09.01.02 (file excel)

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 1947 đầu sách.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): Sử dụng chung tài liệu của trung tâm học liệu.

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 4000

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 400.

- Dùng cho người học học tập: 3600

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 9.47 SV/máy tính

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV :

- Tổng số GV cơ hữu (người): 45 của CTĐT (GV cơ hữu của BM SPHH:12)
- Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 12.
- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 50 % của BM.
- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 50% của BM.

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 322
- Tỷ số người học chính quy trên GV: 322
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 38,82%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90,4 (kiến thức) và 93,37 (kỹ năng).
- Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 9,6 (kiến thức) và 6,63 (Kỹ năng).

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 44,16%
- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 11,21%
- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4.000.000 đồng.

5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100%
- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0.

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0/15
- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5/12

- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:
40/12
- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:
07/12

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 9,47 SV/máy tính
 - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:.....
- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 6,43.

Số: 3404 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 19 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên
giai đoạn 2019 - 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 11, Chương II, của “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Công văn số 28/QLCL, ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng về việc đề nghị ra quyết định Kiểm định chất lượng (KDCL) chương trình đào tạo (CTĐT) giáo viên và cử viên chức tham gia Hội đồng tự đánh giá CTĐT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các Hội đồng Tự đánh giá và các Ban Thư ký của Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên các ngành: Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Tiếng Anh và Giáo dục Thể chất theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành (*Danh sách đính kèm*).

Điều 2. Các Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác KDCL CTĐT giáo viên theo kế hoạch. Nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch hội đồng phân công và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức-Cán bộ, Kế hoạch-Tổng hợp, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

DANH SÁCH

Hội đồng Tự đánh giá và Ban thư ký của Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo Sư phạm Hóa học giai đoạn 2019-2020

(Kèm theo Quyết định số: 3404 /QĐ-ĐHCT, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

I. Danh sách Hội đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vị trí trong Hội đồng TĐG
1.	GS. TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	PGS. TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3.	PGS.TS. Nguyễn Văn Nở	Trưởng Khoa Sư phạm	Phó Chủ tịch
4.	PGS. Nguyễn Chí Ngôn	Thường trực HĐT, Trưởng Ban Tài chính và Cơ sở vật chất	Thành viên
5.	PGS. TS. Bùi Thị Bửu Huệ	Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 2
6.	GVC. ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
7.	CN. CVC. Lê Phi Hùng	Trưởng Phòng.QTTB	Thành viên
8.	GVC. TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc TT.QLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1
9.	ThS. Đặng Bích Tuyền	Chuyên viên, đại diện Trưởng Phòng CTSV	Thành viên
10.	PGS. TS. Lê Nguyễn Đoan Khôi	Phó Trưởng Phòng QLKH	Thành viên
11.	TS. Nguyễn Phúc Đảm	Trưởng Bộ môn Sư phạm Hóa học	Thành viên; phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3
12.	ThS. Thái Thị Tuyết Nhung	Giảng viên BM SP Hóa học	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 4
13.	Nguyễn Đức Trọng	Sinh viên, SP.Hóa học Khóa 44	Thành viên

II. Danh sách Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Vị trí trong Ban Thư ký
1.	TS. Ngô Quốc Luân	Phó Trưởng BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 1&2
2.	ThS. Võ Thị Bích Huyền	Giảng viên BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 1
3.	TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Phó Trưởng BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 2&1
4.	ThS. Hoàng Hải Yến	Giảng viên BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 2
5.	TS. Nguyễn Phúc Đảm	Trưởng BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3&4
6.	ThS. Nguyễn Mộng Hoàng	Giảng viên BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 3
7.	ThS. Thái Thị Tuyết Nhung	Giảng viên BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4&3
8.	ThS. Hồ Hoàng Việt	Giảng viên BM SP Hóa học	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách 4
9.	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên TT QLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1&2
10.	KS. Nguyễn Tuyết Hậu	Chuyên viên TT QLCL	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3&4

HIỆU TRƯỞNG 



Hà Thanh Toàn

Số: 214/KH-ĐHCT

Cần Thơ, ngày tháng năm 2019

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học và đề đăng kí kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong 05 năm (từ năm 2015 đến năm 2019).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH số 769/QLCL-BGDĐT ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng Bộ giáo dục và Đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Thành phần Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được thành lập theo quyết định số 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19/8/2019 của Trường Đại học Cần Thơ, Hội đồng gồm 13 thành viên (danh sách kèm theo)

4.2. Ban Thư kí giúp việc và các nhóm chuyên trách

Ban Thư kí của Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được thành lập theo quyết định số 3404/QĐ-ĐHCT ngày 19/8/2019 của Trường Đại học Cần Thơ, gồm 11 thành viên (danh sách kèm theo)

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Ngô Quốc Luân Võ Thị Bích Huyền Nguyễn Thị Thu Thủy	18/11/2019 đến 29/12/2019	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	Võ Thị Bích Huyền Ngô Quốc Luân Nguyễn Thị Thu Thủy	18/11/2019 đến 29/12/2019	

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nguyễn Thị Thu Thủy Ngô Quốc Luân Võ Thị Bích Huyền	18/11/2019 đến 29/12/2019	
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Bùi Phương Thanh Huân Nguyễn Thị Tuyết Nhung Hoàng Hải Yến	18/11/2019 đến 29/12/2019	
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Hoàng Hải Yến Nguyễn Thị Tuyết Nhung Bùi Phương Thanh Huân	18/11/2019 đến 29/12/2019	
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nguyễn Thị Tuyết Nhung Hoàng Hải Yến Bùi Phương Thanh Huân	18/11/2019 đến 29/12/2019	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nguyễn Phúc Đảm Nguyễn Mộng Hoàng Nguyễn Điền Trung	18/11/2019 đến 29/12/2019	
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nguyễn Điền Trung Nguyễn Phúc Đảm Nguyễn Mộng Hoàng	18/11/2019 đến 29/12/2019	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nguyễn Mộng Hoàng Nguyễn Phúc Đảm Nguyễn Điền Trung	18/11/2019 đến 29/12/2019	
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Thái Thị Tuyết Nhung Hồ Hoàng Việt	18/11/2019 đến 29/12/2019	
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Hồ Hoàng Việt Thái Thị Tuyết Nhung	18/11/2019 đến 29/12/2019	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	- Rà soát, điều chỉnh mục tiêu của Chương trình đào tạo (CTĐT) và Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT. - Viết bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần. - Vẽ sơ đồ cơ cấu tổ chức của bộ môn (5 năm trước : bổ sung các tổ chuyên ngành Chuyển sang tổ chức nhân sự). - Lập Ma trận các kỹ năng. - Cập nhật Trang thông tin điện tử của bộ môn, bổ sung các tài liệu quảng bá, các bản tin về ngành học. - Thu thập và xử lý, phân tích sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan. - Thu thập, sắp xếp các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CTĐT. - Tham khảo các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh. - Rà soát mức độ đáp ứng của CTĐT đối với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường và của Khoa.	- Nhân lực: Ngô Quốc Luân, Võ Thị Bích Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo.	28/10/2019 đến 29/12/2019	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	- Rà soát, điều chỉnh và cập nhật đề cương chi tiết, CDR các học phần của CTĐT. - Vẽ cấu trúc tóm tắt CTĐT, mối tương quan giữa học phần và CDR, biểu đồ khối kiến thức chuyên ngành đào tạo. - Lập Ma trận các kỹ năng. - Thu thập biên bản rà soát, điều chỉnh CTĐT - Thu thập và xử lý, phân tích Sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT.	- Nhân lực: Ngô Quốc Luân, Võ Thị Bích Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo.	28/10/2019 đến 29/12/2019	

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		- Tham khảo Các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh.			
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	- Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật bản mô tả Chương trình dạy học (CTDH) và Bản mô tả học phần. - Lập Ma trận các kỹ năng. - Vẽ bản tóm tắt mối tương quan giữa nội dung, kỹ năng, phương pháp dạy học, đánh giá. - Cập nhật trang thông tin điện tử của bộ môn, bổ sung các tài liệu quảng bá, các bản tin về ngành học. - Thu thập biên bản rà soát, điều chỉnh CTDH. - Thu thập và xử lý, phân tích Sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan CTDH. - Tham khảo các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh.	- Nhân lực: Ngô Quốc Luân, Võ Thị Bích Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo.	28/10/2019 đến 29/12/2019	
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật các phương pháp tiếp cận trong dạy và học. - Vẽ bản tóm tắt mối tương quan giữa CĐR, phương pháp dạy học, đánh giá. - Cập nhật trang thông tin điện tử của bộ môn, bổ sung các tài liệu quảng bá, các bản tin về ngành học. - Thu thập : biên bản, công văn, quy định, rà soát, điều chỉnh phương pháp dạy và học. - Thu thập và xử lý, phân tích sự đóng góp ý kiến của người học. - Tham khảo các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh.	- Nhân lực: Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Hoàng Hải Yến, Bùi Phương Thanh Huân - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo.	28/10/2019 đến 29/12/2019	

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	- Rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật các phương pháp, nội dung và tiêu chí đánh giá kết quả người học. - Vẽ bảng mô tả kết quả đánh giá theo thang điểm và xếp loại. - Thu thập và xử lý, phân tích sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan. - Thu thập : biên bản, công văn, quy định, rà soát, điều chỉnh các phương pháp, nội dung, và tiêu chí đánh giá. - Tham khảo các báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh.	- Nhân lực: Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Hoàng Hải Yến, Bùi Phương Thanh Huân - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, sổ biên bản, tủ hồ sơ, và văn phòng phẩm. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến, chi phí cho việc trả công nhóm chịu trách nhiệm báo cáo.	28/10/2019 đến 29/12/2019	
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	- Phân tích nhu cầu đào tạo và hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH) của Bộ môn. - Thu thập các công văn, quyết định về kế hoạch tuyển dụng và chính sách nhân sự. - Thu thập các thông tin, minh chứng về kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, NCKH cho giảng viên (GV) và nghiên cứu viên (NCV). - Đánh giá kết quả công việc của GV, NCV trong giảng dạy và NCKH, chính sách khen thưởng.	- Nhân lực: Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Hoàng Hải Yến, Bùi Phương Thanh Huân. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, tiền trả nước tổ chức phỏng vấn.	28/10/2019 đến 29/12/2019	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	- Rà soát các công văn qui định về số lượng, tiêu chuẩn nhân viên phòng thí nghiệm (PTN), phòng thực hành (PTH). - Phân tích nhu giảng dạy thực hành, nhu cầu hỗ trợ NCKH của GV và sinh viên (SV). - Thu thập các công văn, quyết định về kế hoạch tuyển dụng và chính sách nhân sự. - Thu thập các thông tin, minh chứng về kế hoạch bồi dưỡng	- Nhân lực: Nguyễn Phúc Đảm, Nguyễn Mộng Hoàng, Nguyễn Diên Trung - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: Chi phí cho việc in ấn, photo, tiền trả nước tổ chức phỏng vấn.	28/10/2019 đến 29/12/2019	

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		nâng cao năng lực chuyên môn, việc làm của nhân viên. - Đánh giá kết quả công việc của nhân viên và chính sách khen thưởng.			
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	- Thu thập thông tin về công tác tuyển sinh (chỉ tiêu, khối thi, phương pháp xét tuyển, điều kiện học tập, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, cơ hội học tập nâng cao trình độ...). - Thu thập các thông tin, minh chứng về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học. - Thu thập các ý kiến phản hồi của sinh viên về điều kiện học tập, giảng dạy của GV, dịch vụ hỗ trợ của Trường. - Thu thập các thông tin, minh chứng liên quan đến việc giải đáp, phản hồi các ý kiến của người học.	- Nhân lực: Nguyễn Phúc Đàm, Nguyễn Mộng Hoàng, Nguyễn Diên Trung. - Cơ sở vật chất: văn phòng làm việc, máy tính, máy in, máy quay phim, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: + Chi phí cho việc in ấn, photo; + Chi phí thực hiện video giới thiệu ngành học; + bồi dưỡng cho các bên liên quan khi lấy ý kiến.	28/10/2019 đến 29/12/2019	
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	- Rà soát lại các quyết định thành lập các phòng thí nghiệm (PTN), phòng thực hành (PTH). - Thu thập danh mục máy móc, thiết bị trong PTN, PTH, Phòng học (PH), phòng làm việc (PLV). - Thu thập danh mục các tài liệu phục vụ cho giảng dạy và NCKH. - Thu thập các kế hoạch mua sắm, sửa chữa dài hạn, ngắn hạn các loại máy móc, thiết bị, tài liệu trong các PTN, PTH, PH, PLV. - Thu thập sổ sách, quản lý PTN, PTH, PLV (sổ nhật ký sử dụng, sổ mượn – trả). - Thu thập danh sách mẫu vật, tiêu bản có trong các PTN, PTH. - Thu thập các văn bản về kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn PTN, PTH, PLV, PH; chống cháy nổ, chống độc hại.	- Nhân lực: Nguyễn Phúc Đàm, Nguyễn Mộng Hoàng, Nguyễn Diên Trung. - Cơ sở vật chất: 03 PTN, 01 PTH, 01 Văn phòng làm việc của Bộ môn, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: chi phí cho việc in ấn, photo các loại sổ sách.	28/10/2019 đến 29/12/2019	

T T	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		- Thu thập các văn bản về kế hoạch, phương án bảo quản, bảo trì các thiết bị, mẫu vật trong các PTN, PTH, PLV.			
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	- Rà soát lại toàn bộ quá trình cải tiến và phát triển CTDH. - Thu thập ý kiến của các bên liên quan về CTDH: + GV trực tiếp giảng dạy ; + SV đã tốt nghiệp sau 2 năm. + Nhà tuyển dụng (Ban Giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn các Trường THPT). - Phân tích kết quả phản hồi của các bên liên quan. - Thu thập các văn bản, kế hoạch điều chỉnh CTDH.	- Nhân lực: Thái Thị Tuyết Nhung, Hồ Hoàng Việt. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: + Chi phí thiết kế hệ thống câu hỏi lấy ý kiến các bên liên quan. + Chi phí cho việc in ấn, photo các loại sổ sách. + Chi phí tổ chức phỏng vấn, lấy ý kiến các bên liên quan.	28/10/2019 đến 29/12/2019	
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	- Thu thập số liệu về người học. - Thu thập thông tin về khảo sát tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp. - Phân tích các số liệu thu thập được từ phản hồi của SV và nhà tuyển dụng về sự hài lòng. - Đánh giá kết quả phân tích được và đề xuất hướng điều chỉnh phù hợp.	- Nhân lực: Thái Thị Tuyết Nhung, Hồ Hoàng Việt. - Cơ sở vật chất: Văn phòng làm việc, máy tính, máy in, giấy A4, sổ biên bản, tủ hồ sơ. - Tài chính: + Chi phí thiết kế hệ thống câu hỏi lấy ý kiến các bên liên quan. + Chi phí cho việc in ấn, photo các loại sổ sách. + Chi phí tổ chức phỏng vấn, lấy ý kiến các bên liên quan.	28/10/2019 đến 29/12/2019	

6. Thời gian thực hiện tự đánh giá

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 4 (12/8/2019 đến 8/9/2019)	- Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.
Tuần 5-9 (9/9/2019 đến 13/10/2019)	- Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 10-14 (14/10/2019 đến 17/11/2019)	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 15-20 (18/11/2019 đến 29/12/2019)	- Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 21-27 (30/12/2019 đến 16/02/2020)	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 28 (17/02/2020 đến 23/02/2020)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;

Thời gian	Các hoạt động
	Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 29-30 (24/02/2020 đến 08/3/2020)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 31-32 (09/3/2020 đến 22/3/2020)	- Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 33-34 (23/3/2020 đến 05/4/2020)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; - Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 35 (06/4/2020 đến 12/4/2020)	- Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các bộ môn, phòng ban có liên quan;
- Lưu VT, KSP.



Lê Việt Dũng

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC MINH CHỨNG

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H1.01.01.01	QĐ v/v ban hành CTĐT áp dụng từ K40	2975/QĐ-ĐHCT ngày 26/06/2014	Trường ĐHCT	
		QĐ v/v ban hành CTĐT áp dụng từ năm 2015 (có điều chỉnh)	5002/QĐ-ĐHCT 31/12/2015	Trường ĐHCT	
		QĐ v/v ban hành CTĐT từ K45	3019/QĐ-ĐHCT 31/07/2019	Trường ĐHCT	
2	H1.01.01.02	Trang thông tin điện tử có đề cập CTĐT			Dùng chung (với các tiêu chí: 1. 2, 1.3)
3	H1.01.01.03	Bản mô tả CTĐT 2014, 2015, 2019	16/06/2014	Trường ĐHCT	Dùng chung (với các tiêu chí: 1. 2, 1.3)
4	H1.01.01.04	Một số đề cương chi tiết HP tiêu biểu		BM	
5	H1.01.01.05	Ma trận kỹ năng 2017, 2019		Khoa SP	Dùng chung (với các tiêu chí: 1. 2, 1.3)
6	H1.01.01.06	Tài liệu khảo sát các BLQ	01/09/2018	BM	
7	H1.01.01.07	Văn bản phát biểu sứ mệnh và tầm nhìn của trường ĐHCT	1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/4/2014	Trường ĐHCT	Dùng chung (với tiêu

			Báo cáo thường niên 2018		chí:1.2)
8	H1.01.01.08	Tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát MT và CDR			Dùng chung (với tiêu chí:1.3)
9	H1.01.01.09	Các báo cáo kiểm định CL và đối sánh		TTĐBCL	Dùng chung (với tiêu chí:1.3)
10	H1.01.01.10	Bảng so sánh kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học		BM	
11	H2.02.01.01	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư kí, Tổ điều chỉnh CTĐT	Số 4946/QĐ-ĐHCT, ngày 30/10/2013	Trường ĐHCT	
12	H2.02.01.02	Hướng dẫn về điều chỉnh MT đào tạo và CDR của CTĐT trình độ đại học áp dụng từ khóa 40.	Số 2098/ĐHCT, ngày 08/11/2013	Trường ĐHCT	
13	H2.02.01.03	Quyết định về việc Thành lập tổ rà soát, điều chỉnh CTĐT.	Số 141/QĐ-KSP, ngày 25/7/2017	Khoa Sư phạm	
14	H2.02.01.04	Quyết định v/v thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT trình độ đại học và sau đại học	Số 4225/QĐ-ĐHCT, ngày 26/9/2018	Trường ĐHCT	
15	H2.02.01.05	Quyết định về việc thành lập Tổ thư ký và các Tổ điều chỉnh CTĐT trình độ đại học	Số 4235/QĐ-ĐHCT, ngày 26/9/2018	Trường ĐHCT	
16	H2.02.01.06	Hướng dẫn điều chỉnh CTĐT trình độ đại học	Số 2223/ĐHCT, ngày 19/10/2018	Trường ĐHCT	
17	H2.02.02.01	Kế hoạch điều chỉnh và biên soạn đề cương chi tiết HP CTĐT bậc đại học từ khóa 40	Số 49/KH-KSP, ngày 25/02/2014	Khoa Sư phạm	
18	H2.02.02.02	Bản mô tả HP trong CTĐT năm 2014	Năm 2014	BM	

19	H2.02.02.03	Đề cương chi tiết các HP áp dụng cho khóa 40 đến khóa 44	Năm 2014	BM	Dùng chung (với các tiêu chí: 2.3)
20	H2.02.02.04	Kế hoạch điều chỉnh CTĐT bậc đại học áp dụng từ khóa 45	Số 2222/KH-ĐHCT, ngày 19/10/2018	Trường ĐHCT	
21	H2.02.02.05	Mẫu Đề cương chi tiết HP trình độ đại học	Số 2224/ĐHCT-ĐT, ngày 19/10/2018	Trường ĐHCT	
22	H2.02.02.06	Đề cương chi tiết các HP năm 2019	Năm 2019	BM	Dùng chung (với các tiêu chí: 2.3)
23	H2.02.02.07	Tài liệu tham khảo thang năng lực nhận thức, kỹ năng, tình cảm			
24	H2.02.03.01	Trang thông tin điện tử có đề cập CTĐT và đề cương chi tiết các HP		Trường ĐHCT	
25	H3.03.01.01	Biên bản họp ban chỉ đạo điều chỉnh chương trình đào tạo, thường trực HĐ KH và ĐT trường về Điều chỉnh CTĐT	Văn bản 2194 BB/ĐHCT Ngày 16/09/2018	Trường ĐHCT	
26	H3.03.01.02	Minh chứng về khen thưởng SV tham gia NCKH	▪ QĐ số 1539/QĐKT ngày 26/05/2015 ▪ QĐ số 1769/QĐ-ĐHCT ngày 03/06/2019	Trường ĐHCT	
27	H3.03.01.03	Khung chương trình ĐH SP Huế, TPHCM, HN...	2018	Các trang web	
28	H2.02.02.02	Bảng mô tả HP		Khoa SP	Dùng chung

					g (với tiêu chuẩn 3.2)
29	H3.03.02.01	Sổ tay sinh viên (Qui chế học vụ SV)		Trường ĐHCT	
30	H2.02.02.04	Kế hoạch điều chỉnh CTĐT bậc đại học áp dụng từ khóa 45	Số 2222/KH-ĐHCT, ngày 19/10/2018	Khoa SP	Dùng chung (với tiêu chuẩn 3.2)
31	H3.03.03.01	Kế hoạch tập huấn điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết HP	Số 2232/KH-ĐHCT ngày 19/10/2018	Trường ĐHCT	
32	H3.03.03.02	Quyết định về việc cử viên chức tham dự tập huấn phát triển CTĐT GVPT tại TPCT	số 373 /QĐ-ĐHCT ngày 22/02/2016	Trường ĐHCT	
33	H4.04.01.01	Báo cáo TĐG của trường ĐHCT	Tháng 08/2017	Trường ĐHCT	
34	H4.04.01.02	Đề án phát triển của Trường trọng điểm đến 2022	Tháng 03/2014	Trường ĐHCT	
35	H4.04.01.03	Văn bản phát biểu sứ mệnh và tầm nhìn của trường ĐHCT Báo cáo thường niên ĐHCT	1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/4/2014 và báo cáo thường niên 2018	Trường ĐHCT	
36	H4.04.01.04	Thông báo mở lại hệ thống nhập kế hoạch học tập.	Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019		
37	H4.04.01.05	Trang thông tin điện tử ĐHCT công bố đề cương chi tiết HP ngành SPHH. K40, K45.		Trường ĐHCT	
38	H4.04.01.06	Kế hoạch sinh hoạt đầu khóa cho sinh viên khóa mới và sinh viên khóa cũ của Trường và Khoa SP	Ngày 12/07/2018 Năm 2016, 2017, 2018	Trường ĐHCT	
39	H4.04.01.07	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác học vụ. Quy định Công tác học vụ	Số 2742/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2017	Trường ĐHCT	

			Năm 2016, 2017, 2018, 2019,....		
40	H4.04.02.01	Đề cương chi tiết một số HP TT và tập giảng.	Năm 2015, 21019	Trường ĐHCT	
41	H4.04.02.02	Đề cương chi tiết HP LV tốt nghiệp – SP hóa).	Năm 2015, 21019	Trường ĐHCT	
42	H4.04.02.03	Thông báo và danh sách SV làm luận văn tốt nghiệp.	Năm 2017, 2018	Bộ môn SPHH	
43	H4.04.02.04	Đề cương chi tiết HP KTSP, TTSP – SP hóa).	Năm 2015, 2019	Trường ĐHCT	
44	H4.04.02.05	QĐ số 73/QĐ-ĐHCT về ban hành qui chế đánh giá điểm rèn luyện của SV, quy trình đánh giá, mẫu phiếu điểm rèn luyện của SV		Trường ĐHCT	
45	H4.04.02.06	Website Hệ thống lấy ý kiến trực tuyến từ các BLQ và kết quả khảo sát trực tuyến ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV		Trường ĐHCT	
46	H4.04.02.07	TKB GV thể hiện buổi họp lệ với cố vấn học tập		Trường ĐHCT	
47	H4.04.02.08	Biên bản buổi họp CVHT với sinh viên vào cuối năm	Năm 2018, 2019	Trường ĐHCT	
48	H4.04.03.01	Quyết định phê duyệt danh mục đề tài NCKH của SV		Trường ĐHCT	
49	H4.04.03.02	Chương trình đào tạo ngành SPHH K.45 https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html	Năm 2019	Trường ĐHCT	
50	H4.04.03.03	QĐ số 73/QĐ-ĐHCT về ban hành qui chế đánh giá điểm rèn luyện của SV và mẫu phiếu đánh giá điểm rèn luyện của SV	11/01/2017	Trường ĐHCT	
51	H4.04.03.04	QĐ số 3570/HD-ĐHCT Hướng dẫn về việc xét miễn và công nhận điểm HP	21/12/ 2016	Trường ĐHCT	
52	H4.04.03.05	QĐ số 770/QĐ-ĐHCT Quy chế về việc cử SV đi học tập ở nước ngoài.	Ngày 15/03/2017	Trường ĐHCT	

53	H4.04.03.06	Quyết định cử SV bộ môn SPHH đi học ở nước ngoài và hình ảnh về hoạt động trao đổi thuộc dự án SEA TEACHER của SV Khoa Sư phạm chương trình trao đổi SV giữa Trường Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat -Thái Lan và Đại học Cần Thơ trên trang https://se.ctu.edu.vn/tin-tuc-su-kien/578-ct-trao-doi-sv.html		Website Khoa SP	
54	H5.05.01.01	Đề thi cuối kỳ và đáp án của học phần SP383	2018	Bộ môn	
55	H5.05.01.02	Kế hoạch khung công tác năm học	4312/QĐ-ĐHCT ngày 7/11/2018	Trường ĐHCT	
56	H5.05.01.03	Quyết định Thành lập tổ giám sát thi kết thúc học kỳ từ năm 2014-2019		Khoa SP	
57	H5.05.01.04	Báo cáo công tác giám sát kỳ thi kết thúc học phần		Khoa SP	
58	H5.05.01.05	Kế hoạch thực tập khoa sư phạm khóa 40	218/KH.KS P Ngày 10/11/2017	Khoa SP	
59	H5.05.01.06	Biểu mẫu thực tập sư phạm		Khoa SP	
60	H5.05.01.07	Báo cáo Tổng kết TTSP từ khóa 37 - 41		Khoa SP	
61	H5.05.01.08	Biểu mẫu chấm điểm luận văn tốt nghiệp		Bộ môn	
62	H5.05.01.09	Mẫu bảng chấm điểm rèn luyện của SV		Trường ĐHCT	
63	H5.05.02.01	Đề án tuyển sinh 2017, 2018, 2019		Trường ĐHCT	
64	H5.05.02.02	Trang thông tin điện tử của trường có chứa thông tin Kế hoạch khung công tác năm học 2018	https://www.ctu.edu.vn/images/uploads/vbdh/vbct/QD_4312-Ban-hanh-ke-hoach-khung-cong-tac-nam-2018.pdf		

65	H5.05.02.03	Trang thông tin điện tử của trường có chứa thông tin về CTĐT ngành SPHH	https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html	ĐHCT	
66	H5.05.02.04	Trang thông tin điện tử của trường có chứa thông tin Quy chế công tác học vụ dành cho SV đại học hệ chính quy 2017	https://www.ctu.edu.vn/images/uploads/vbdh/vbct/2017_2742_QD_CTHV.pdf		
67	H5.05.03.01	Sổ tay giảng viên	6/2010	Trường ĐHCT	
68	H5.05.03.02	Hình chụp bảng điểm học phần của SV trên trang thông tin điện tử của BM		BM SPHH	
69	H5.05.03.03	Công văn về việc nộp bảng điểm lớp học phần		KSP	
70	H5.05.03.04	Hình chụp túi bài thi lưu trữ ở Khoa		KSP	
71	H5.05.03.05	Công văn Thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học trực tuyến về hoạt động giảng dạy của GV		ĐHCT	
72	H5.05.03.06	Trang thông tin điện tử lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV	https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php	Trường ĐHCT	
73	H5.05.03.07	Dữ liệu thu thập được từ việc lấy ý kiến phản hồi từ người học trực tuyến về hoạt động giảng dạy của GV BM SPHH		KSP	
74	H5.05.05.01	Quy trình khiếu nại của SV		KSP	
75	H5.05.05.02	Trang thông tin điện tử tải mẫu đơn xin phúc khảo	https://se.ctu.edu.vn/sinh-vien/bieu-mau.html		
76	H5.05.05.03	Biên bản giải quyết khiếu nại điểm	2019	BM SPHH	
77	H6.06.01.01	- Qui hoạch phát triển tổng thể trường đại học cần thơ trọng điểm đến năm 2022 -Kế hoạch phát triển Khoa SP đến 2030	03/2014 Năm 2018	ĐHCT	

78	H6.06.01.02	Quyết định ban hành quy định về phân cấp và hướng dẫn thực hiện công tác quản lý người lao động do đơn vị trả lương	5806/QĐ-ĐHCT, 12/2018	ĐHCT	
79	H6.06.01.03	Kế hoạch tuyển dụng VC năm 2015 và 2019	- 99/TB-ĐHCT ngày 19/1/2015 - 2907/TB-ĐHCT ngày 11/12/2019	ĐHCT	
80	H6.06.01.04	Tuyển dụng viên chức ngày 08/05/2019	911/TB-ĐHCT	ĐHCT	
81	H6.06.01.05	Quy trình công tác tuyển dụng phòng TCCB		ĐHCT	
82	H6.06.01.06	Kết quả tuyển dụng		ĐHCT	
83	H6.06.01.07	Một số nội dung cơ bản về cách tính lương hưu đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	- 05/2018		
		Quy định về kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên	3137/ĐHCT-TCCB, 12/2019	TCCB	
		Quyết định kéo dài thời gian làm việc của TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	5358/QĐ-ĐCT, 05/11/2019	ĐHCT	
84	H6.06.01.08	Quyết định thành lập các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và cử Trưởng phòng thí nghiệm, Trưởng phòng thực hành	QĐ số 247/QĐ-ĐHCT ngày 29/01/2016	ĐHCT	
85	H6.06.01.09	Bảng thông kê NCKH của GV SPHH từ năm 2014 đến nay		BM SPHH	
86	H6.06.01.10	Quy chế Chi tiêu nội bộ	939/QĐ-ĐHCT, 03/2017	ĐHCT	
87	H6.06.01.11	Quy định quản lý KHCN	144/QĐ-ĐHCT, 01/2016	ĐHCT	
88	H6.06.02.01	Giảng viên/sinh viên ngành SPHH Từ năm 2015 đến nay		BM SPHH	
89	H6.06.02.02	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ĐHCT	4412/QĐ-ĐHCT, 11/2015	ĐHCT	

90	H6.06.02.03	Đăng kí khối lượng công tác		BM SPHH	
91	H6.06.02.04	- Mẫu Bảng chấm điểm thi đua cá nhân năm học - Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2015-2019		TCCB và ĐHCT	
92	H6.06.02.05	Bảng quyết toán hàng năm		BM SPHH	
93	H6.06.02.06	Tổ chức hội thao truyền thống KSP lần 20 năm 2016-2017	153/CV. KSP	Khoa SP	
94	H6.06.02.07	Văn bản liên quan đến hoạt động công đoàn		ĐHCT	
95	H6.06.03.01	Chức năng nhiệm vụ của Phòng TCCB		ĐHCT	
96	H6.06.03.02	QĐ ban hành quy định tuyển dụng viên chức Trường Đại học Cần Thơ	4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012	ĐHCT	
97	H6.06.03.03	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc trường ĐHCT	2511/QĐ-ĐHCT, 06/2013	ĐHCT	
98	H6.06.03.04	Thông báo xét bổ nhiệm chức danh GS, PGS năm 2018	552/TB-ĐHCT, 03/2018	ĐHCT	
99	H6.06.04.01	Quy định về tiến trình phấn đấu	Số 5870/QĐ-ĐHCT 17/12/2013	ĐHCT	
100	H6.06.04.02	Thực hiện công tác chuyên môn của giảng viên 2018-2019	483/ĐHCT-CTCB		
101	H6.06.04.03	Kế hoạch thực hiện đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng năm học 2017-2018	906/ĐHCT-TCCB, 05/2018	ĐHCT	
102	H6.06.04.04	Giải thưởng NCKH của GV và SV		ĐHCT Bộ GDDT	
103	H6.06.04.05	Dữ liệu báo cáo seminar		BM SPHH	

104	H6.06.04.06	Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, xuất bản, phát hành, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu học tập	3054/QĐ-ĐHCT 28/08/2015	ĐHCT	
105	H6.06.05.01	Kế hoạch năm học 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	2015-2019	Khoa SP	
106	H6.06.05.02	- Đào tạo cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ giai đoạn 2010-2020 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức 2015-2019		ĐHCT	
107	H6.06.05.03	Quyết định cử đi học và thu nhận		TCCB	
108	H6.06.05.04	Báo cáo tiến độ học tập định kì 6 tháng Đơn xin kéo dài thời gian học tập		TCCB	
109	H6.06.05.05	Bảng tiến sĩ của các giảng viên		TCCB	
110	H6.06.05.06	Quyết định công nhận NCS hiện nay, bằng thạc sĩ		TCCB	
111	H6.06.05.07	Mở lớp bồi dưỡng GVC	573/TB-ĐHCT ngày 25/3/2019	ĐHCT	
112	H6.06.05.08	Danh sách GV tham gia tập huấn phát triển năng lực NVSP	2015-2019	ĐHCT	
113	H6.06.05.09	Quyết định cử cán bộ tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên	3652/QĐ-ĐHCT, 4867/QĐ-ĐHCT	ĐHCT	
114	H6.06.05.10	Giấy chứng nhận tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giai đoạn 2, GV hạng II, hạng III		TCCB	
115	H6.06.05.11	https://coa.ctu.edu.vn/thong-tin-hoc-bong.html Thông báo về các chương trình học bổng nước ngoài		ĐHCT	
116	H6.06.05.12	Chứng chỉ ngoại ngữ, bồi dưỡng cán bộ quản lý, an ninh quốc phòng.			
117	H6.06.06.01	Quản lý online kết quả giảng dạy và NCKH		ĐHCT	

118	H6.06.06.02	Biên bản xét thi đua khen thưởng		Khoa SP	
119	H6.06.06.03	QĐ nâng bậc lương	2015-2019	ĐHCT	
120	H6.06.06.04	Sơ yếu lí lịch khoa học cán bộ mới nhất		TCCB	
121	H6.06.07.01	Chức năng nhiệm vụ của phòng KH-HTQT		ĐHCT	
122	H6.06.07.02	Dữ liệu thống kê hoạt động NCKH của GV		ĐHCT	
123	H6.06.07.03	Quy định quản lý nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về KHCN cấp Bộ	56/2012/TT-BGDĐT, 12/2012	ĐHCT	
124	H6.06.07.04	Tổng kết NCKH của toàn Khoa Sư Phạm		Khoa SP	
125	H6.06.07.05	Danh sách bài báo quốc tế			
126	H7.07.01.01	Quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng ban thuộc trường. https://dap.ctu.edu.vn/images/upload/QD2346_Quy-dinh-chuc-nang-nhiem-vu-cac-phong-thuoc-truong.pdf	Số 2346/QĐ-ĐHCT Ngày 21/7/2014	Trường ĐHCT	
127	H7.07.01.02	Thống kê số lượng nhân viên các phòng ban chức năng, khoa Sư phạm. Phân công nhiệm vụ ở văn phòng Khoa.	Năm 2018 Số 243/KSP Năm 2018	P. TCCB KSP	
128	H7.07.01.03	Hợp đồng giao khoán công việc phục vụ GD, pha hóa chất. Quyết định thư ký kiêm nhiệm Quyết định CVHT. Quyết định Trường P.TN	Năm 2017, 2018, 2019	Trường ĐHCT	
129	H7.07.01.04	Tổng hợp ý kiến đóng góp	Thông báo 39/KSP		
130	H7.07.02.01	Quyết định điều chuyển bộ phận bảo vệ trường.	1812/ QĐ-ĐHCT Năm 2018	Trường ĐHCT	
131	H7.07.02.02	Thông báo tuyển dụng nhân viên.	Năm 2019	Trường ĐHCT	
132	H7.07.02.03	QĐ Thành lập hội đồng tuyển dụng viên chức		Trường ĐHCT	

133	H7.07.03.01	Mẫu phiếu đánh giá viên chức không là cán bộ giảng dạy có nhận xét của thủ trưởng đơn vị;		Liên hệ VP Khoa SP	
134	H7.07.03.02	Kế hoạch 906/ĐHCT-TCCB thông báo đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua, khen thưởng hàng năm đánh giá viên chức năm 2018. https://dp.ctu.edu.vn/images/upload/bieumau/thidua-khenthuong/906-Ke-hoach-danh-gia-phan-loai-vien-chuc---thi-dua-khen-thuong-nam-hoc-2017-2018-signed.pdf	906/ĐHCT-TCCB Ngày 10/5/2018	Trường ĐHCT	
135	H7.07.03.03	Biên bản họp đánh giá viên chức hàng năm	Năm 2016, 2017, 2018, 2019		
136	H7.07.03.04	Kết quả đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua, khen thưởng	Năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019	Trường ĐHCT	
137	H7.07.04.01	Bảng phân tích xây dựng vị trí việc làm của NV khoa SP		Khoa SP	
138	H7.07.04.02	QĐ cử đi học thạc sĩ của nhân viên.	Năm 2019	Trường ĐHCT	
139	H7.07.04.03	Kế hoạch thi thăng hạng viên chức hành chính		Trường ĐHCT	
140	H7.07.04.04	Quyết định, danh sách NV tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn và các giấy chứng nhận hoàn thành khóa học.		Trường ĐHCT	
141	H7.07.05.01	Web giới thiệu chức năng, nhiệm vụ của các chuyên viên, nhân viên khoa SP https://se.ctu.edu.vn/gt/to-chuc-nang.html		Trường ĐHCT	
142	H7.07.05.02	Phiếu đánh giá VC hàng năm;		Khoa SP	
143	H7.07.05.03	QĐ khen thưởng, nâng bậc lương.	Năm 2016, 2017, 2018., 2019		
144	H7.07.05.04	Thông báo về việc ký kết hợp đồng và thanh toán	Năm 2018	Trường ĐHCT	

		tiền trực lễ, tết cho NVBV. https://dp.ctu.edu.vn/thong-bao/46-kyhd-2018-trucletet-nvbv.html			
145	H8.08.01.01	Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy từ năm 2017–2019		Trường ĐHCT	
146	H8.08.01.02	Cơ sở dữ liệu tuyển sinh hàng năm từ năm 2015–2019		Trường ĐHCT	
147	H8.08.01.03	Kế hoạch tuyển sinh đại học hệ chính quy từ năm 2015–2019	594/KH-ĐHCT, ngày 07/04/2015 552/KH-ĐHCT, ngày 31/03/2016 960/KH-ĐHCT, ngày 18/05/2017 843/KH-ĐHCT, ngày 03/05/2018 845/KH-ĐHCT, ngày 26/04/2019	Trường ĐHCT	
148	H8.08.01.04	Cổng thông tin điện tử tuyển sinh	https://tuyen.sinh.ctu.edu.vn/	Trường ĐHCT	
149	H8.08.01.05	Giới thiệu ngành Sư phạm Hóa học	https://se.ctu.edu.vn/BM_hh.html	BM SPHH	
150	H8.08.02.01	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy từ năm 2015–2019		Trường ĐHCT	Thiếu
151	H8.08.02.02	Kết quả xét tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 từ năm 2015–2019	1652/TB-ĐHCT-HĐTS, ngày 23/08/2015 1781/TB-ĐHCT-HĐTS, ngày 01/09/2016 2219/TB-ĐHCT-HĐTS, ngày 31/07/2017	Trường ĐHCT	

			1598/TB-ĐHCT-HĐTS, ngày 05/08/2018 1742/TB-ĐHCT-HĐTS, ngày 08/08/2019		
152	H8.08.03.01	Thông báo về việc thực hiện chương trình đào tạo tín chỉ hóa ở các đơn vị	1411/ĐHCT.ĐT, ngày 07/08/2007	Trường ĐHCT	
153	H8.08.03.02	Họp bàn giao về công tác đào tạo trong lộ trình tín chỉ hóa và phân cấp quản lý	12/ĐHCT.ĐT, ngày 10/10/2007	Trường ĐHCT	
154	H8.08.03.03	Trao đổi và thống nhất những nội dung trong quá trình chuyển đổi công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ	2050/BB-ĐHCT.ĐT, ngày 10/12/2007	Trường ĐHCT	
155	H8.08.03.04	Hệ thống quản lý	https://htql.cvu.edu.vn/htql/login.php	Trường ĐHCT	
156	H8.08.03.05	Quyết định xóa tên sinh viên năm 2018 và 2019	1237/QĐ-ĐHCT, ngày 23/04/2018 2309/QĐ-ĐHCT, ngày 14/06/2018 3875/QĐ-ĐHCT, ngày 09/09/2019 86/QĐ-ĐHCT, ngày 09/01/2019 2309/QĐ-ĐHCT, ngày 14/06/2018	Trường ĐHCT	
157	H8.08.03.06	Kết quả tốt nghiệp của KSP từ năm 2015–2019	28/QĐ-ĐHCT, ngày 08/01/2015 324/QĐ-ĐHCT, ngày 04/02/2015 1933/QĐ-ĐHCT, ngày 16/06/2015	Trường ĐHCT	

			2824/QĐ-ĐHCT, ngày 14/08/2015 13/QĐ-ĐHCT, ngày 04/01/2016 1917/QĐ-ĐHCT, ngày 09/06/2016 13/QĐ-ĐHCT, ngày 03/01/2017 1914/QĐ-ĐHCT, ngày 09/06/2017 2742/QĐ-ĐHCT, ngày 14/08/2017 28/QĐ-ĐHCT, ngày 04/01/2018 2381/QĐ-ĐHCT, ngày 19/06/2018 3724/QĐ-ĐHCT, ngày 24/08/2018 46/QĐ-ĐHCT, ngày 07/01/2019 2060/QĐ-ĐHCT, ngày 18/06/2019 3608/QĐ-ĐHCT, ngày 22/08/2019		
158	H8.08.03.07	Kết quả điểm rèn luyện của SV ngành SPHH từ năm 2015–2019		Trường ĐHCT	
159	H8.08.04.01	Quy định về công tác CVHT	2067/QĐ-ĐHCT, ngày 04/12/2007	Trường ĐHCT	
160	H8.08.04.02	Thực hiện giờ sinh hoạt cổ vấn học tập	118/KH-ĐHCT, ngày 15/01/2019	Trường ĐHCT	
161	H8.08.04.03	Danh sách các cơ sở tổ chức kiến tập Sư phạm		Khoa SP	

		cho SV ngành SPHH từ năm 2015–2019			
162	H8.08.04.04	Danh sách các cơ sở tổ chức thực tập Sư phạm cho SV ngành SPHH từ năm 2015–2019		Khoa SP	
163	H8.08.04.05	Lễ ra quân kiến tập Sư phạm từ năm 2017–2019	Năm 2017 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/404-le-ra-quan-kien-tap-su-pham-nam-hoc-2017-2018.html Năm 2018 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1141-le-ra-quan-kien-tap-su-pham-nam-hoc-2018-2019-cho-sinh-vien-khoa-42.html Năm 2019 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/2119-le-ra-quan-kien-tap-su-pham-nam-hoc-2019-2020.html	Khoa SP	
164	H8.08.04.06	Lễ ra quân Thực tập Sư phạm từ năm 2015–2019	Năm 2015 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1291-le-ra-quan-thuc-tap-su-pham-nam-hoc-2014-2015.html Năm 2016 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1291-le-ra-quan-thuc-tap-su-pham-nam-hoc-2014-2015.html	Khoa SP	

			in-tuc/886-le-ra-quan-thuc-tap-su-pham-nam-hoc-2015-2016.html Năm 2017 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/264-le-ra-quan-thuc-tap-su-pham-khoa-39-nam-hoc-2016-2017.html Năm 2018 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/458-le-ra-quan-thuc-tap-su-pham-khoa-40-nam-hoc-2017-2018.html Năm 2019 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1391-le-ra-quan-thuc-tap-su-pham-khoa-41-nam-hoc-2018-2019.html		
165	H8.08.04.07	Thông tin học bổng tài trợ	341/TB-CTSV, ngày 11/12/2019 363/TB-CTSV, ngày 23/12/2019	Trường ĐHCT	
166	H8.08.04.08	Quy định thực hiện công tác trao đổi tín chỉ trong hệ thống các trường đại học khối ASEAN (AUN)	222/ QĐ-ĐHCT, ngày 28/01/2015	Trường ĐHCT	
167	H8.08.04.09	Bảng tổng hợp các hoạt động ngoại khóa của SV	Năm 2019	Khoa SP	

168	H8.08.04.10	Cuộc thi olympic Tiếng Anh sinh viên	144-TB/TĐTN-TTNTH, ngày 06/11/2019	Trường ĐHCT	
169	H8.08.04.11	Thông báo tuyển dụng giáo viên	2770/TB-SGDĐT, ngày 31/10/2019 1818/KH-GDĐT-TC, ngày 29/05/2019 336/TB-UBND, ngày 16/09/2019	BM SPHH	
170	H8.08.04.12	Báo cáo tình hình việc làm của SV trong 1 năm sau khi tốt nghiệp từ năm 2016–2019	246/KSP, ngày 26/12/2016 235/KSP, ngày 27/11/2017 248/KSP, ngày 14/12/2018 228/KSP, ngày 29/11/2019	Khoa SP	
171	H8.08.04.13	Thống kê phản hồi về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập của SV ngành SPHH	Năm 2019	BM SPHH	
172	H8.08.05.01	Sơ đồ khu II Trường ĐHCT		Trường ĐHCT	
173	H8.08.05.02	Quy trình chăm sóc sức khỏe	https://dsa.ctu.edu.vn/y-te/55-y-te/cac-quy-trinh-cham/	Trường ĐHCT	
174	H8.08.05.03	Dữ liệu khám sức khỏe đầu năm của SV KSP năm 2015–2019		Trường ĐHCT	Thiếu
175	H8.08.05.04	Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong Trường Đại học Cần Thơ	5976/QĐ-ĐHCT, ngày 23/12/2013	Trường ĐHCT	

176	H8.08.05.05	Quy định phòng cháy chữa cháy và thành lập đội PCCC đơn vị	1784/QĐ-ĐHCT, ngày 21/05/2013 78/QĐ-ĐHCT, ngày 13/01/2016	Trường ĐHCT	
177	H8.08.05.06	Biên bản nghiệm thu PCCC		Trường ĐHCT	Thiếu
178	H8.08.05.07	Biên bản nghiệm thu an toàn vệ sinh thực phẩm		Trường ĐHCT	Thiếu
179	H8.08.05.08	Hiệu trưởng tiếp xúc SV từ năm 2015–2019	Năm 2015 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1223-toa-dam-hieu-truong-tiep-xuc-sinh-vien-nam-2015.html Năm 2016 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/839-toa-dam-hieu-truong-tiep-xuc-sinh-vien-nam-2016.html Năm 2017 https://dpa.ctu.edu.vn/tin-tuc/13-hieu-truong-tiep-xuc-sinh-vien-nam-2017.html Năm 2018 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/522-hieu-truong-tiep-xuc-sinh-vien-nam-2018.html	Trường ĐHCT	

			Năm 2019 https://www.ctu.edu.vn/tin-tuc/1612-hieu-truong-gap-go-dai-bieu-sinh-vien-nam-2019.html		
180	H8.08.05.09	Kế hoạch tổ chức câu lạc bộ học thuật sinh viên: câu lạc bộ Hóa học lần thứ 35	Ngày 20/10/2016	BM SPHH	
181	H8.08.05.10	Kế hoạch Tổ chức ngày hội xuân Khoa Sư phạm, năm học 2018–2019	Ngày 10/01/2019	BM SPHH	
182	H9.09.01.01	Thông báo về công khai cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm 2018 – 2019	7/2019	ĐHCT	
183	H9.09.01.02	Báo cáo cơ sở vật chất KSP	3/2020	QTTB	
184	H9.09.01.03	Sơ đồ KSP	3/2020	KSP	
185	H9.09.01.04	Báo cáo CSVC KSP	12/2019	KSP	
186	H9.09.01.05	Kiểm kê thiết bị PTN. PTH từ 2017 – 2019		QTTB	
187	H9.09.01.06	Thống kê kinh phí đầu tư, mua sắm, sửa chữa CSVC KSP		KSP	
188	H9.09.01.07	Nhập thiết bị văn phòng – nhà học 2015 – 2019		QTTB	
189	H9.09.01.08	Biên bản nhập thiết bị BM Hóa 2015 – 2019		QTTB	
190	H9.09.01.09	Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên	2018	BM Hóa	
191	H9.09.01.10	Danh mục máy tính KSP		QTTB	
192	H9.09.02.01	Cơ sở vật chất TTHL		TTHL	https://lrc.ctu.edu.vn/index.php/aboutus/facilities
193	H9.09.02.02	Nội quy TTHL	12/2019	TTHL	

194	H9.09.02.03	Nội quy sử dụng thư viện KSP	223/KSP	KSP	
195	H9.09.02.04	Hướng dẫn sử dụng TTHL		TTHL	
196	H9.09.02.05	Chính sách bạn đọc		TTHL	
197	H9.09.02.06	Hướng dẫn tra cứu mã số tài liệu tham khảo		TTHL	
198	H9.09.02.07	Tài khoản CSDL TTHL 2015 – 2019		TTHL	
199	H9.09.02.08	Thống kê đầu sách chuyên ngành Hóa		TTHL	
200	H9.09.02.09	Sách chuyên ngành SPHH		TTHL	
201	H9.09.02.10	Chủ trương phát triển tài liệu hệ thống thư viện trường	50/TTHL 18/11/2019	TTHL	
202	H9.09.02.11	Mua quyền truy cập tới bộ sách điện tử của Ebrary Academic Complete	40/TTHL 8/10/2019	TTHL	
203	H9.09.02.12	Dự toán kinh phí mua sách – báo – tạp chí – CSDL 2020		TTHL	
204	H9.09.02.13	Báo cáo khảo sát TTHL 2019		TTHL	
205	H9.09.03.01	Quyết định thành lập các PTN, PTH và cử trưởng PTN, PTH	247/QĐ- ĐHCT 29/01/2016	ĐHCT	
206	H9.09.03.02	Quyết định ban hành quy định về tổ chức, quản lý, sử dụng PTN, PTH	3875/QĐ- ĐHCT 16/10/2015	ĐHCT	
207	H9.09.03.03	Nội quy PTN, PTH	15/10/2016	KSP	
208	H9.09.03.04	Tần suất sử dụng PTN, PTH	17/11/2017	QTTB	
209	H9.09.04.01	Danh sách máy tính công phục vụ đăng ký môn học		TTQTM	
210	H9.09.04.02	Quy định sử dụng trung tâm dữ liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	4298/QĐ- ĐHCT 30/09/2019	ĐHCT	
211	H9.09.04.03	Sơ đồ mạng máy tính ĐHCT		TTQTM	
212	H9.09.04.04	Các khu vực phủ sóng wifi phục vụ sinh viên và các hoạt động chung		TTQTM	
213	H9.09.04.05	Công văn điều chỉnh, bổ sung wifi khu 2	8/TTTT- QTM 02/3/2017	TTTT- QTM	

214	H9.09.04.06	Hợp đồng internet 2017-2019		TTTT-QTM	
215	H9.09.04.07	Hợp đồng cập nhật hệ thống phần mềm 2015 – 2019		TTTT-QTM	
216	H9.09.04.08	Nội quy sử dụng máy tính công	02/01/2017	ĐHCT	
217	H9.09.04.09	Nội quy sử dụng internet	02/01/2017	ĐHCT	
218	H9.09.04.10	Nội quy sử dụng hộp thư điện tử cán bộ	02/01/2017	ĐHCT	
219	H9.09.04.11	Nội quy sử dụng hộp thư điện tử sinh viên	02/01/2017	ĐHCT	
220	H9.09.04.12	Giao diện hộp thư điện tử cán bộ, sinh viên		TTTT-QTM	
221	H9.09.04.13	Máy tính tiền sử		ĐHCT	
222	H9.09.04.14	Hệ thống elearning		TTTT-QTM ĐHCT	
223	H9.09.04.15	Biên bản họp định hướng ứng dụng CNTT trong giảng dạy	100/BB-ĐHCT 18/01/2017	ĐHCT	
224	H9.09.04.16	Mua sắm thiết bị CNTT		ĐHCT	
225	H9.09.04.17	Hiện trạng ứng dụng CNTT tại ĐHCT		ĐHCT	
226	H9.09.05.01	Quy định sử dụng pano-bangron	4010/QĐ-ĐHCT 30/9/2013	ĐHCT	
227	H9.09.05.02	Quyết định cử cán bộ, viên chức tham gia Tổ phòng cháy và chữa cháy tại đơn vị và Đội phòng cháy và chữa cháy Trường	1007/QĐ-ĐHCT 24/5/2018	ĐHCT	
228	H9.09.05.03	Quyết định cử cán bộ, viên chức tham dự tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy năm 2018	6045/QĐ-ĐHCT 20/12/2018	ĐHCT	
229	H9.09.05.04	Thông báo tăng cường công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và an toàn trong Trường	971/TB-ĐHCT 15/5/2019	ĐHCT	
230	H9.09.05.05	Hướng dẫn sử dụng bình chữa cháy CO ₂		KSP	
231	H9.09.05.06	Nội quy ký túc xá 2016		ĐHCT	
232	H9.09.05.07	Kế hoạch triển khai các hoạt động hưởng ứng	5/5/2018	CĐKSP	

		tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động			
233	H9.09.05.08	Công văn thực hiện tháng hành động về ATVSLĐ 2019	25/CV-CD 24/9/2019	CD- ĐHCT	
234	H9.09.05.09	Thông báo về việc khám chữa bệnh ban đầu tại Trạm Y tế Trường	216/CTSV- TB 10/5/2018	CTSV	
235	H9.09.05.10	Thông báo tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho viên chức, người lao động làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm năm 2018	2328/TB- ĐCT 30/10/2018	ĐHCT	
236	H9.09.05.11	Công văn về tầm soát bệnh cho công chức, viên chức, người lao động 2019	67/CV-CD 31/8/2019	CD- ĐHCT	
237	H9.09.05.12	Số điện thoại hệ thống y tế gần Trường		CTSV	
238	H9.09.05.13	Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự trường học	189/BGDĐT T-CTHSSV 18/01/2016	BGDĐT	
239	H9.09.05.14	Nội quy ra vào cổng	1274/QĐ- ĐHCT 09/5/2016	ĐHCT	
240	H10.10.01.01	+ QĐ ban hành CTĐT ngành SPHH K40 + CTĐT ngành SPHH K40	Số 2975/QĐ- ĐHCT ngày 28/08/2014	Trường ĐHCT	
241	H10.10.01.02	Tài liệu về lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ	1086/QĐ- ĐHCT ngày 17/4/2014 1640/QĐ- ĐHCT ngày 20/8/2015 1870/QĐ- ĐHCT ngày 14/9/2016. 2642/QĐ- ĐHCT ngày 15/9/2017 Thông báo số 34, số 03, số 15	Trường ĐHCT	

242	H10.10.01.03	Báo cáo kết quả lấy ý kiến người học về đảm bảo chất lượng 2015. Kết quả khảo sát trực tuyến SV tốt nghiệp.	Số 53/BC - ĐBCL&KT ngày 22/12/2015 Nawm2015, 2016, 2017, 2018, 2019	TT.QLC L Trường ĐHCT	
243	H10.10.01.04	Quyết định thành lập tổ thư ký và tổ điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học	Số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26/9/2018	Trường ĐHCT	
244	H10.10.01.05	Kết quả lấy ý kiến các BLQ năm 2018 – BM SPHH tổ chức.	Năm 2018	BM SPHH	
245	H10.10.01.06	Báo cáo tổng kết TTSP, KTSP	Năm 2015,2016, 2017, 2018	Khoa SP	
246	H10.10.01.07	Thông báo buổi báo cáo, chia sẻ của nhà tuyển dụng.	Năm 2018	BM SPHH	
247	H10.10.01.08	Biên bản họp tổ điều chỉnh chương trình đào tạo , Biên bản họp Hội đồng Khoa SP.	Năm 2018	BM SPHH, Khoa SP	
248	H10.10.02.01	Chương trình đào tạo ngành SPHH K45/2019	Ngày 30/07/2019	Khoa SP	
249	H10.10.02.02	Văn bản điều chỉnh mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2013	Số 1805/ĐHCT-ĐBCL&LK ngày 02/10/2013 Số 4946/QĐ-ĐHCT ngày 30/10/2013 Số 2097/ĐHCT ngày 08/11/2013	Trường ĐHCT;	
250	H10.10.02.03	Văn bản điều chỉnh mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2017, 2018	1657/ĐHCT ngày 21/6/2017	Khoa SP	

			141/QĐ-KSP 25/7/2017 Số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26/9/2018 số 2194/BB-ĐHCT ngày 16/10/2018 Số 2222/KH-ĐHCT ngày 19/10/2018 Ngày 31/10/2018 Ngày 16/11/2018 ...		
251	H10.10.02.04	Chương trình đào tạo ngành SPHH K40/2014 và K45/2019 Bản mô tả học phần ngành SPHH K40 và K45	Ngày 10/03/2014 Ngày 30/07/2019	Khoa SP	
252	H10.10.03.01	Đề cương chi tiết học phần K45	Năm 2019	Trường ĐHCT	
253	H10.10.03.02	QĐ về việc Ban hành Quy định Công tác học vụ dành cho Sinh viên trình độ ĐH chính quy	3324/QĐ-ĐHCT ngày 18/08/2016; 2742/QĐ-ĐHCT ngày 15/08/2017; 2748/QĐ-ĐHCT, ngày 12/07/2019	Trường ĐHCT	
254	H10.10.03.03	Kế hoạch giảng dạy và đăng ký học phần HKII (2017-2018) HK1 (2018-2019) HKII (2018-2019)	3082/ĐHCT-ĐT Ngày 30/10/2017 1139/ĐHCT-ĐT Ngày 11/6/2018	Phòng GV Trường ĐHCT	
255	H10.10.03.04	QĐ về việc Thành lập tổ giám sát thi kết thúc học kỳ của KSP, CV phân	308/QĐ-KSP 30/09/2014;	Khoa SP	

		công Nhóm giám sát thi hết thúc học phần; Lịch thi học kỳ năm học 2014-2015 đến 2019-2020	10/11/2014; 126/QĐ-KSP 10/04/2015; 17/04/2015; 304/QĐ-KSP 19/10/2015; 10/10/2015; 36/QĐ-KSP 24/03/2016; 21/04/2016; 197/QĐ-KSP 31/10/2016; 10/11/2016; 74/QĐ-KSP 03/04/2017; 24/04/2017; 212/QĐ-KSP 01/11/2017; 01/11/2017; 68/QĐ-KSP 23/04/2018; 27/04/2018; 197/QĐ-KSP 18/10/2018; 22/10/2018 và 20/11/2018; 69/QĐ-KSP 16/04/2019; 25/04/2019; 201/QĐ-KSP 01/11/2019; 16/04/2019		
256	H10.10.03.05	Kết quả lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy một số môn học.	Năm 2016, 2018	TT. QLCL	
257	H10.10.03.06	Biên bản họp BCS lớp và BCN BM	Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	BM SPHH	
258	H10.10.03.07	Đề thi và CDR của một số môn học	Năm 2017, 2019	BM SPHH	

259	H10.10.03.08	Trang web quản lý điểm SV		Trường ĐHCT	
260	H10.10.04.01	Các NCKH của SV và GV có liên quan đến việc dạy và học	Năm 2015-2019	Trường ĐHCT	
261	H10.10.04.02	NCKH chuyển tải thành nội dung giảng dạy.	Năm....	BM SPHH	
262	H10.10.04.03	NCKH chuyển thành tài liệu học tập.	Năm....	BM SPHH	
263	H10.10.04.04	NCKH được GV đưa vào cải tiến HĐGD.	Năm....	BM SPHH	
264	H10.10.04.05	Danh sách đề tài NCKH của SV.	Năm....	Trường ĐHCT	
265	H10.10.04.06	Giấy khen đề tài NCKH SV.	Năm 2015, 2017, 2018		
266	H10.10.05.01	Quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ		Trường ĐHCT	Chưa có
267	H10.10.05.02	Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng 2016 , 2017, 2018.	52/BC-ĐBCL&KT ngày 26/12/2016 12/BC-ĐBCL&KT ngày 09/04/18 484/BC-ĐHCT.QLC L ngày 13/03/2019	Trường ĐHCT	
268	H10.10.05.03	Khảo sát mức độ hài lòng của người học về các dịch vụ	Năm 2018	Trường ĐHCT	
269	H10.10.05.04	Thông báo Hiệu trưởng tiếp xúc SV.	từ năm 2015-2019	Trường ĐHCT	
270	H10.10.05.05	Nâng cấp, sửa chữa hoặc mua mới các đồ dùng phục vụ học tập, các thiết bị như máy chiếu, màn hình		Trường ĐHCT	
271	H10.10.05.06	Các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho SV https://lrc.ctu.edu.vn/ https://ctts.ctu.edu.vn/ https://ccac.ctu.edu.vn/ https://scs.ctu.edu.vn/		Trường ĐHCT	

		https://mis.ctu.edu.vn			
272	H10.10.06.01	BB hợp lấy ý kiến GV BM SPHH		BM SPHH	
273	H10.10.06.02	Báo cáo tổng kết TTSP, KTSP Mẫu phiếu tổng kết cá nhân. Mẫu phiếu tổng hợp TT giảng dạy Mẫu phiếu tổng hợp TT chủ nhiệm.	Năm 2015, 2016, 2017, 2018	Khoa SP	
274	H10.10.06.03	Kết quả khảo sát các BLQ (của Trường và BM)	Năm 2018	TT. QLCL trường ĐHCT	
275	H10.10.06.04	Tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các BLQ			
276	H11.11.01.01	Hình ảnh hệ thống quản lí sinh viên.			
277	H11.11.01.02	Dữ liệu báo cáo tổng kết năm học 2016-2019		KSP	
278	H11.11.01.03	Hệ thống theo dõi quản lí kết quả học tập SV của CVHT			
279	H11.11.01.04	Biên bản họp CVHT với SV về phản hồi về tình hình học tập			
280	H11.11.01.05	Biên bản họp SV các khóa với ban chủ nhiệm BM SPHH			
281	H11.11.01.06	Hình ảnh câu lạc bộ Hóa học mỗi năm học 2 lần			
282	H11.11.01.07	Mẫu đơn đăng kí xin giấy vay vốn địa phương dành cho SV	https://dsa.ctu.edu.vn/ho-tro-online/61-dang-ky-giay-xac-nhan-vay-von-tai-dia-phuong-theo-ca-nhan.html		
283	H11.11.02.01	Kế hoạch học tập đầu năm SV			
284	H11.11.02.02	Biên bản họp CVHT với SV về việc nhắc nhở đăng kí HP.			

285	H11.11.02.03	Quyết định ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của văn phòng Khoa, viện, trung tâm và BM SPHH trực thuộc trường ĐHCT.	Số 1052/QĐ-ĐHCT, ngày 25/3/2013	Trường ĐHCT	
286	H11.11.02.04	Ảnh thời khóa biểu của GV quản lý SV trễ hạn			
287	H11.11.03.01	Kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của sinh viên KSP tốt nghiệp	Số 2307/ĐHCT-ĐBCL&KT	Trường ĐHCT	
288	H11.11.03.02	Tài liệu tập huấn khảo sát việc làm		Trường ĐHCT	
289	H11.11.03.03	Công văn cử cán bộ tham dự tập huấn khảo sát việc làm SV	Số 22/QLCL, ngày 18/6/2018	Trường ĐHCT	
290	H11.11.03.04	Hình ảnh minh họa buổi sinh hoạt chuyên đề nâng cao năng lực SP cho SV			
291	H11.11.03.05	Thời khóa biểu các lớp kỹ năng mềm của trung tâm tư vấn khởi nghiệp và hỗ trợ SV ĐHCT	scs.ctu.edu.vn/dao-tao/104-thoi-khoa-bieu-lop-ky-nang-mem-hoc-ky-i-nam-hoc-2018-2019		
292	H11.11.04.01	Tài liệu hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của SV	Số 305/DHCT-QLKH, ngày 4/3/2009	Trường ĐHCT	
293	H11.11.04.02	Các thông báo đăng ký đề tài NCKH sinh viên hàng năm 2015-2019	Số 04/QLHK năm 2019	Trường ĐHCT	
294	H11.11.04.03	Quyết định về việc ban hành quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trường ĐHCT	Số 144/QĐ/ĐHCT, ngày 19/1/2016	Trường ĐHCT	
295	H11.11.04.04	Báo cáo NCKH sinh viên KSP			
296	H11.11.05.01	Tổng hợp lấy ý kiến buổi tiếp xúc trực tuyến của Hiệu trưởng với SV năm 2018.		Trường ĐHCT	

297	H11.11.05.02	Dữ liệu kết quả lấy ý kiến SV tốt nghiệp hàng năm 2015-2018		Trường ĐHCT	
298	H11.11.05.03	Dữ liệu báo cáo tổng kết KTSP và TTSP 2015- 2019.		KSP	